

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Số: 2024/BVĐHYD-VTTB

V/v mời chào giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2025 (vật tư dùng chung)
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
 - Cơ sở 1: 215 Hồng Bàng, P.11, Q.5, TP HCM
 - Cơ sở 2: 201 Nguyễn Chí Thanh, P.12, Q.5, TP HCM
 - Cơ sở 3: 221B Hoàng Văn Thụ, P.8, Q. Phú Nhuận, TP HCM
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 9 giờ, ngày 24/6/2024
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ Vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan Số điện thoại: 028 3952 5243
10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

 - + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
 - + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
 - + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (J06-026-nnminh) (1)

**TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ**



Nguyễn Hữu Thịnh



BM:CVDT.01(1)

PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Đính kèm Công văn số 2038./BVĐHYD-VTTB ngày 12. tháng 6. năm 2024)

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Băng bột bó bằng sợi thủy tinh và nhựa PU Resin, 7.5cm x 3.6m ($\pm 10\%$)	Băng bột bó dùng trong bó bột cố định vùng chi dưới, tăng cường bên ngoài trong các trường hợp bó bột thạch cao bị bể bột - Chất liệu: sợi thủy tinh và nhựa PU Resin trong suốt - Kích cỡ: 7.5cm x 3.6m ($\pm 10\%$) - Thời gian khô tối đa 3 phút - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	24
2	Băng bột bó bằng sợi thủy tinh và nhựa PU Resin, cỡ 12 cm x 3.6m ($\pm 10\%$) hoặc 15cm x 3.6m ($\pm 10\%$)	Băng bột bó dùng trong bó bột cố định vùng chi dưới, tăng cường bên ngoài trong các trường hợp bó bột thạch cao bị bể bột - Chất liệu: sợi thủy tinh và nhựa PU Resin trong suốt - Kích cỡ: 12cm x 3.6m ($\pm 10\%$) hoặc 15cm x 3.6m ($\pm 10\%$) - Thời gian khô tối đa 3 phút - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	145
3	Băng bột bó bằng sợi thủy tinh và nhựa PU Resin, cỡ 10cm x 3.6m ($\pm 10\%$)	Băng bột bó dùng trong bó bột cố định vùng chi dưới, tăng cường bên ngoài trong các trường hợp bó bột thạch cao bị bể bột - Chất liệu: sợi thủy tinh và nhựa PU Resin trong suốt - Kích cỡ: 10cm x 3.6m ($\pm 10\%$) - Thời gian khô tối đa 3 phút - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	40
4	Băng bột bó, cỡ 10cm x 2.7m ($\pm 10\%$)	Băng bột bó dùng cố định gãy xương trong điều trị chấn thương- chỉnh hình - Chất liệu: Thạch cao nguyên chất (97 - 98%) - Kích thước: 10cm x 2.7m ($\pm 10\%$) - Yêu cầu khi sử dụng: ít nóng, khô nhanh, độ cứng cao, cố định tốt - Thời gian đông khô: tối thiểu 1 phút và không quá 4 phút - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	580
5	Băng bột bó, cỡ 15cm x 2.7m ($\pm 10\%$)	Băng bột bó dùng cố định gãy xương trong điều trị chấn thương- chỉnh hình - Chất liệu: Thạch cao nguyên chất (97 - 98%) - Kích thước: 15cm x 2.7m ($\pm 10\%$) - Yêu cầu khi sử dụng: ít nóng, khô nhanh, độ cứng cao, cố định tốt - Thời gian đông khô: tối thiểu 1 phút và không quá 4 phút - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	630
6	Băng bột bó, cỡ 7.5cm x 2.7m ($\pm 10\%$)	Băng bột bó dùng cố định gãy xương trong điều trị chấn thương- chỉnh hình - Chất liệu: Thạch cao nguyên chất (97 - 98%) - Kích thước: 7.5cm x 2.7m ($\pm 10\%$) - Yêu cầu khi sử dụng: ít nóng, khô nhanh, độ cứng cao, cố định tốt - Thời gian đông khô: tối thiểu 1 phút và không quá 4 phút - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	90
7	Băng cá nhân 2cm, dài 6 ± 0.5 cm	Băng cá nhân - Chất liệu: Nền băng vải đàn hồi viscose và polyamide, màu da, phủ lớp keo oxit kẽm, ở giữa có miếng gạc thấm hút băng vải viscose phủ lớp chống dính Polyethylene - Kích thước băng: rộng 2cm, dài 6 ± 0.5 cm - Lực dính khoảng 2 - 9N/cm - Quy cách: 100 - 200 miếng / hộp - Tiêu chuẩn sản xuất ISO hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Miếng	1.800.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
8	Băng cá nhân, dài (19 x 72) mm, (± 0.1 mm)	Băng cá nhân - Chất liệu: vải Viscose và Polyamide co giãn, không thấm nước, màu da, phủ lớp keo oxit kẽm, ở giữa có miếng gạc bằng vải viscose đan dệt phủ lớp chống dính Polyethylene - Kích thước: Băng: 19 x 72 mm (± 0.1mm) Gạc: 13 x 23 mm (± 0.1mm) - Lực dính khoảng 2 - 9N/cm - Quy cách: 100 - 200 miếng / hộp - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	700.000
9	Băng cố định chóp xoay khớp vai sau phẫu thuật có gối đi kèm	Băng cố định chóp xoay khớp vai tư thế dùng bán cố định khớp vai sau phẫu thuật khâu chóp xoay khớp vai - Chất liệu: vải cotton, vải tricot, vải có lỗ thoáng khí - Cấu tạo: có gối đi kèm, giúp tay dạng ra 15-30 độ, phù hợp cho cả vai phải và vai trái - Dây đai có khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích cỡ: 25-30cm, 30-35cm, >35cm (tương ứng độ dài từ khuỷu tay đến bàn tay) - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	120
10	Băng cố định khớp vai sau phẫu thuật không có gối đi kèm	Băng cố định khớp vai dùng cố định khớp vai sau phẫu thuật khâu chóp xoay khớp vai, trật khớp vai, gãy lồi cầu xương cánh tay - Chất liệu: vải cotton, có lỗ thoáng khí - Dây đai có khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích cỡ: 20-50cm, 50-60cm, 60-75cm, 75-85cm, 85-95cm, 95-105cm, 105 - 150cm - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100
11	Băng đàn hồi, tự dính, 10cm x 4.5 $\pm$ 0.05m	Băng đàn hồi tự dính dùng để cố định hoặc băng ép - Chất liệu: Cao su thiên nhiên khoảng 50 - 65%, vải polyester khoảng 10 - 20%, vải polyurethane co giãn khoảng 10 - 20%, chất kết dính polymer acrylic khoảng 10 - 20% - Chiều rộng 10cm, chiều dài khoảng 4.5 $\pm$ 0.05m - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	680
12	Băng đàn hồi, tự dính, 7.5cm x 4.5 $\pm$ 0.05m	Băng đàn hồi tự dính dùng để cố định hoặc băng ép - Chất liệu: Cao su thiên nhiên khoảng 50 - 65%, vải polyester khoảng 10 - 20%, vải polyurethane co giãn khoảng 10 - 20%, chất kết dính polymer acrylic khoảng 10 - 20% - Chiều rộng 7.5cm, chiều dài khoảng 4.5 $\pm$ 0.05m - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	460
13	Băng đệm mềm	Băng đệm mềm được sử dụng làm băng đệm dưới băng ép trong điều trị phù bạch mạch hay suy tĩnh mạch để làm tăng hiệu quả điều trị - Thành phần: 100% polyurethane - Đặc tính: co giãn đa chiều - Kích thước: 10cm x 2m x 0.2cm ($\pm 10\%$) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	28
14	Băng dính cố định, cỡ 2.5cm x (5 - 6)m	Băng dính cố định các loại ống thông - Chất liệu: băng Polyester: khoảng 50 - 60%. Giấy lót phủ silicon: khoảng 20-30%. Lớp keo Acrylic: khoảng 15 - 25% - Nền vải Polyester 2 lớp không thấm nước và thông thoáng. Xé được 2 chiều - Kích thước: 2.5cm x (5 - 6)m - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	3.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
15	Băng dính cố định, cỡ 2.5cm x (9 - 10)m	Băng dính cố định ống thông, thiết bị tiêm truyền - Chất liệu: plastic trong, không đàn hồi, được phủ keo Acrylate khoảng 10 - 20% - Yêu cầu khi sử dụng: Xé được 2 chiều, chống thấm nước, không gây kích ứng da - Kích thước: 2.5cm x (9 - 10)m - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	32.000
16	Băng dính có oxít kẽm	Băng dính cố định, có gắn dùng băng ép - Chất liệu: vải cotton, phủ keo có oxít kẽm, trọng lượng khối phủ 100 - 130g/m ² - Trọng lượng: ≤ 147 g/m ² - Lực dính 2-9 N/cm - Độ co giãn tối thiểu 90% - Kích thước: rộng 10 ± 01cm, chiều dài 4.5 ± 0.1m - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤10 cfu/g - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	1.500
17	Băng dính dùng cố định ống dẫn lưu, loại nằm ngang	Băng dính dùng cố định ống dẫn lưu, loại nằm ngang - Chất liệu: băng hydrocolloid có pH tương thích với da, giúp bảo vệ da. Bộ khóa bằng nhựa - Dùng cho cố định ống có kích cỡ từ 5 đến 40Fr - Bộ khóa ống có thể điều chỉnh giúp tránh vẹo ống - Tiệt khuẩn	Cái	30
18	Băng dính dùng cố định ống dẫn lưu, loại thẳng đứng	Băng dính dùng cố định ống dẫn lưu, loại thẳng đứng - Chất liệu: băng hydrocolloid có pH tương thích với da, giúp bảo vệ da. Bộ khóa bằng nhựa - Dùng cho cố định ống có kích thước từ 5 đến 40Fr - Bộ khóa ống có thể điều chỉnh giúp tránh vẹo ống - Tiệt khuẩn	Cái	40
19	Băng dính dùng trong hỗ trợ và giải áp cho lớp cơ sâu	Băng dính dùng trong hỗ trợ và giải áp cho lớp cơ sâu, đặc biệt cho da nhạy cảm - Chất liệu: khoảng 50% Polyester và 50% Cotton - Bề mặt có phủ lớp keo Acrylic không chứa latex - Yêu cầu khi sử dụng: co giãn đa chiều, chống thấm nước - Dán và lưu được trên da khoảng 3-5 ngày - Kích thước: 5cm x 5m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	20
20	Băng dính dùng trong phục hồi chức năng	Băng dính dùng trong phục hồi chức năng, hỗ trợ cố định và giải áp cho lớp cơ sâu, phù hợp ứng dụng điều trị với khả năng kéo giãn của lớp da tại các vùng như mặt trước khớp gối, lưng dưới và vùng cổ - Chất liệu: 100% Cotton - Bề mặt có phủ lớp keo Acrylic không chứa latex được - Yêu cầu khi sử dụng: lớp vải cotton dày, co giãn 1 chiều, chống thấm nước - Dán và lưu được trên da khoảng 3 - 5 ngày - Kích thước: 5cm x 4m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	20
21	Băng dính tác động vô lớp hạ bì, dành cho da nhạy cảm	Băng dính dùng trong phục hồi chức năng dành cho các ứng dụng điều trị lớp nông, hỗ trợ lưu thông hệ bạch huyết, giảm sưng, phù nề - Chất liệu: 100% Cotton - Bề mặt có phủ lớp keo Acrylic không chứa latex - Yêu cầu khi sử dụng: lớp vải cotton co giãn đa chiều, chống thấm nước - Dán và lưu được trên da khoảng 3 - 5 ngày - Kích thước: 5cm x 5m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	20

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
22	Băng dính trong suốt cố định kim luồn, dành cho người lớn	Băng dính trong suốt cố định kim luồn ngoại biên, dành cho người lớn - Màng bán thấm trong suốt bằng polyurethan 14-15%, phủ lớp keo acrylate <30% - Chiều rộng: 6.5 - 7.0cm, chiều dài: 7.0 - 7.5cm - Đặc tính: ngăn cản nước, vi khuẩn, virus có kích thước > 27nm - Viền xung quanh bằng vải không dệt, rãnh xẻ sâu phù hợp các loại kim luồn - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, băng keo cố định - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	290.000
23	Băng dính trong suốt cố định kim luồn, dành cho trẻ em	Băng dính trong suốt cố định kim luồn ngoại biên, dành cho trẻ em - Màng bán thấm trong suốt bằng polyurethan 14-15%, phủ lớp keo acrylate <30% - Chiều rộng: 3.5 - 4.0cm, chiều dài: 4.5 - 5.0cm - Đặc tính: ngăn cản nước, vi khuẩn, virus có kích thước > 27nm - Viền xung quanh bằng vải không dệt, rãnh xẻ sâu phù hợp các loại kim luồn - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, băng keo cố định - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	2.000
24	Băng dính trong suốt, 10 x 12cm (±10%)	Băng dính trong suốt dùng trong cố định các loại catheter - Chất liệu: màng Polyurethane khoảng 8-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic <30% (không latex) - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng - Đặc tính: ngăn cản vi khuẩn, virus với đường kính >27nm - Kích cỡ: 10 x 12cm (±10%) - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	20.000
25	Băng dính trong suốt, 6 x 7cm (±05%)	Băng dính trong suốt dùng trong cố định các loại catheter - Chất liệu: màng Polyurethane khoảng 8-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic <30% (không latex) - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng - Đặc tính: ngăn cản vi khuẩn, virus với đường kính >27nm - Kích cỡ: 6 x 7 cm (±05%) - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	550
26	Băng dính, 10cm x 2.5m (±05%)	Băng dính dùng trong cố định băng gạc, thiết bị tiêm truyền - Chất liệu: vải không dệt, 50% viscose, 50% polyester, phủ lớp keo Acrylate, hàm lượng keo phủ 40-45g/m² - Trọng lượng: ≤ 50g/m² - Lực dính: 2.5 N / 2.5cm - Lớp giấy lót có dầu silicone 60-65g/m², có đường phân chia các vạch - Đặc tính: co giãn theo chiều ngang, không chứa latex - Kích thước: 10cm x 2.5m (±05%) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	2.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
27	Băng dính, 10cm x 10m (±05%)	Băng dính dùng trong cố định băng gạc, thiết bị tiêm truyền - Chất liệu: vải không dệt, 50% viscose, 50% polyester, phủ lớp keo Acrylate, hàm lượng keo phủ 40-45g/m ² - Trọng lượng: ≤ 50g/m ² - Lực dính: 2.5 N / 2.5cm - Lớp giấy lót có dầu silicone 60-65g/m ² , có đường phân chia các vạch - Đặc tính: co giãn theo chiều ngang, không chứa latex - Kích thước: 10cm x 10m (±05%) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	2.500
28	Băng dính, dạng giấy, 2.5cm x 5m (±05%)	Băng dính dạng giấy - Chất liệu: 100% sợi viscose nền không đan dệt, mềm mại, phủ keo acrylate, hàm lượng keo phủ 50 - 70 g/m ² - Lực dính: 0.5 - 4.0 N/cm - Kích thước: 2.5cm x 5m (±05%) - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤10 cfu/g - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	10.000
29	Băng dính, dạng giấy, 2.5cm x 9m (±05%)	Băng dính dạng giấy - Chất liệu: 60-70% giấy tổng hợp, keo acrylate 25-30%, không chứa cao su - Kích thước: 2.5cm x 9m (±05%) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	cuộn	3.000
30	Băng đựng hóa chất dùng cho máy Sterrad 100NX	Băng đựng hóa chất Hydrogen peroxide (H ₂ O ₂) - Thành phần: H ₂ O ₂ 58% - Đặc điểm: 01 băng gồm 10 cell, mỗi cell chứa 5.4ml H ₂ O ₂ 58% - Tương thích với các dòng máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp STERRAD 100NX của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Băng	1.050
31	Băng đựng hóa chất, dùng cho máy Sterrad 100S	Băng đựng hóa chất Hydrogen peroxide (H ₂ O ₂) - Thành phần: H ₂ O ₂ 58% - Đặc điểm: 01 băng gồm 10 cell, mỗi cell chứa 1.8ml H ₂ O ₂ 58% - Tương thích với các dòng máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp STERRAD 100S của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Băng	930
32	Băng ép sức căng ngăn, 10cm x 5m (±10%)	Băng ép sức căng ngăn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch - Thành phần: cotton, không latex. Mép băng được gia cố bằng polyamide/polyurethane - Co giãn theo chiều dọc tối đa 90% - Kích cỡ: 10cm x 5m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	10
33	Băng ép sức căng ngăn, 12cm x 5m (±10%)	Băng ép sức căng ngăn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch - Thành phần: cotton, không latex. Mép băng được gia cố bằng polyamide/polyurethane - Co giãn theo chiều dọc tối đa 90% - Kích cỡ: 12cm x 5m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	10
34	Băng ép sức căng ngăn, 6cm x 5m (±10%)	Băng ép sức căng ngăn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch - Thành phần: cotton, không latex. Mép băng được gia cố bằng polyamide/polyurethane - Co giãn theo chiều dọc tối đa 90% - Kích cỡ: 6cm x 5m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	14

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
35	Băng ép sức căng ngắn, 8cm x 5m (±10%)	Băng ép sức căng ngắn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch - Thành phần: cotton, không latex. Mép băng được gia cố bằng polyamide/polyurethane - Co giãn theo chiều dọc tối đa 90% - Kích cỡ: 8cm x 5m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	14
36	Băng giữ dạng ống, cỡ 6.5cm x 5m (±10%)	Băng giữ dạng ống sử dụng cố định bằng gạc; bảo vệ da khi sử dụng với băng ép, băng bó bột hay đang trị liệu bằng thuốc mỡ - Thành phần: (67 - 70)% Cotton, (30 - 33)% Viscose - Cấu tạo: có thể giãn theo chiều ngang, không có mối nối, không nhăn, thông thoáng - Kích thước: 6.5cm x 5m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	25
37	Băng giữ dạng ống, cỡ 8.5cm x 20m (±10%)	Băng giữ dạng ống sử dụng cố định bằng gạc; bảo vệ da khi sử dụng với băng ép, băng bó bột hay đang trị liệu bằng thuốc mỡ,... - Thành phần: (67 - 70)% Cotton, (30 - 33)% Viscose - Có thể giãn theo chiều ngang, không có mối nối, không nhăn, thông thoáng - Kích thước: 8.5cm x 20m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	8
38	Băng keo chỉ thị tiếp xúc, cỡ 1.8cm x 55m (±05%)	Băng keo chỉ thị tiếp xúc dùng cho phương pháp tiệt khuẩn hơi nước - Thành phần: giấy 75-85%, chất bám dính 10-20%, Acrylic Polymer 2-5%, mực chỉ thị 0.5 - 2% - Mặt dưới phủ keo dán và mặt trên có in vạch chỉ thị hóa học - Kích thước: 1.8cm x 55m (±05%) - Không chứa chì - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng giữa băng keo trước - sau tiệt khuẩn - Băng keo có độ dính cao trên các vật liệu đóng gói, dễ tháo/ xé trước khi sử dụng - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	458
39	Băng keo chỉ thị tiếp xúc, cỡ 1.8cm x 50m (±05%)	Băng keo chỉ thị tiếp xúc dùng cho phương pháp tiệt khuẩn hơi nước - Thành phần: giấy ≥ 40 %; copolymer ≥ 15 %; acrylic resin ≥ 5.0 %; mực chỉ thị ≥ 1.5 % - Mặt dưới phủ keo dán và mặt trên có in vạch chỉ thị hóa học - Kích thước: 1.8cm x 50m (±05%) - Không chứa chì - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng giữa băng keo trước - sau tiệt khuẩn - Băng keo có độ dính cao trên các vật liệu đóng gói, dễ tháo/ xé trước khi sử dụng - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	200
40	Băng keo có chỉ thị hóa học cho tiệt khuẩn nhiệt độ thấp H2O2, 1.9cm x 55m (±05%),	Băng keo có chỉ thị hóa học - Kích thước: 1.9cm x 55m (±05%) - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng băng keo trước - sau tiệt khuẩn - Băng keo có độ dính cao trên các vật liệu đóng gói, dễ tháo/ xé trước khi sử dụng - Không chứa chì, kim loại nặng - Tương thích với các dòng máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp H2O2 - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	22

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
41	Băng keo có chỉ thị hóa học cho tiết khuẩn nhiệt độ thấp H ₂ O ₂ , 2cm x 50m (±05%)	- Băng keo có chỉ thị hóa học - Thành phần: giấy dính: ≥ 95 %; mực chỉ thị: < 5% - Kích thước: 2.0cm x 50m (±05%) - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng băng keo trước - sau tiết khuẩn - Băng keo có độ dính cao trên các vật liệu đóng gói, dễ tháo/ xé trước khi sử dụng - Không chứa chì, kim loại nặng - Tương thích với các dòng máy tiết khuẩn nhiệt độ thấp H₂O₂ - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	22
42	Băng kết dính co giãn hai chiều	- Băng kết dính co giãn hai chiều - Thành phần: 65-68% viscose và 33-35% polyamide, được phủ hạt nhựa dính cao su - Co giãn theo 2 chiều ngang và dọc để chống nhăn - Băng giữ kết dính với nhau chắc chắn - Kích thước: 4m x 6cm (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	28
43	Băng thun 10 ± 1cm, chiều dài không kéo giãn 180 - 220cm	- Băng thun dùng trong cố định băng gạc, nẹp bột, băng ép và băng hỗ trợ trong bong gân, giãn dây chằng - Chất liệu: Sợi polyester, spandex và sợi cotton, lỗ thoát khí nhỏ - Chiều rộng: 10 ± 1cm, chiều dài không kéo giãn: 180 - 220cm - Độ co giãn: ≥ 200% - Trọng lượng: 90 ± 5 g/m² - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤10 cfu/g - Đóng gói từng cuộn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	20.700
44	Băng thun 15 ± 1cm, chiều dài không kéo giãn 180 - 220cm	- Băng thun dùng trong cố định băng gạc, nẹp bột, băng ép và băng hỗ trợ trong bong gân, giãn dây chằng - Chất liệu: Sợi polyester, spandex và sợi cotton, lỗ thoát khí nhỏ - Chiều rộng: 15 ± 1cm, chiều dài không kéo giãn: 180 - 220cm - Độ co giãn: ≥ 200% - Trọng lượng: 90 ± 5 g/m² - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤10 cfu/g - Đóng gói từng cuộn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	2.400
45	Băng thun 7.5 ± 1cm, chiều dài không kéo giãn 180 - 220cm	- Băng thun dùng trong cố định băng gạc, nẹp bột, băng ép và băng hỗ trợ trong bong gân, giãn dây chằng - Chất liệu: Sợi polyester, spandex và sợi cotton, lỗ thoát khí nhỏ - Chiều rộng: 7.5 ± 1cm, chiều dài không kéo giãn: 180 - 220cm - Độ co giãn: ≥ 200% - Trọng lượng: 90 ± 5 g/m² - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤10 cfu/g - Đóng gói từng cuộn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	900
46	Bao áp lực truyền dịch nhanh, 500ml	- Bao áp lực truyền dịch nhanh, 500ml - Chất liệu: Pha lê trong suốt hoặc cotton - Đặc điểm: có lớp màng bằng đồng - beryllium, trong suốt, có đồng hồ đo áp kế tới 700mmHg, có 3 khóa 3 ngã - Dùng nhiều lần - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	80

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
47	Bao camera nội soi tiết khuẩn, dài 235 - 240cm	Bao camera nội soi - Chất liệu: nhựa PE, màu trắng, không chứa DEHP - Chiều dài 235 - 240cm, chiều rộng 15 - 16cm - Có vòng nhựa, đường kính khoảng 100 ± 5 mm, vòng nhựa gắn liền với miệng bao nylon dày 1.5 - 2.0mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	5.000
48	Bao camera nội soi tiết khuẩn, dài 220 - 225cm	Bao camera nội soi - Chất liệu: nhựa PE, màu trắng, không chứa DEHP - Chiều dài 220 - 225cm, chiều rộng 15 - 20cm - Có vòng nhựa, đường kính khoảng 100mm, vòng nhựa gắn liền với miệng bao nylon dày 1.5 - 2.0mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	27.000
49	Bao chỉ dùi dùng trong phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch, tạo 3 áp lực (45-40-30) mmHg	Bao chỉ dùi dùng trong phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch - Tạo 3 áp lực chuẩn là (45-40-30) mmHg, giảm dần, nén tuần tự từ cổ chân, bắp chân lên vùng đùi trên - Cỡ S, dùng cho người bệnh có chu vi vòng đùi (40.5 - 55.9)cm - Cỡ M dùng cho người bệnh có chu vi vòng đùi (55.9 - 71.2)cm - Đảm bảo không tiếng ồn (<50Db) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	4.300
50	Bao chỉ dùi trong phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch, tạo 3 áp lực (73-63-45) mmHg	Bao chỉ dùi trong phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch - Bảng vải không dệt cỡ khoảng 74 - 75cm, không có chất cao su và không kích ứng da, có tấm lót hơi không đối xứng với ống nổi hơi đơn (1 ống) quấn từ mắt cá chân lên bắp chân và phần đùi. - Áp lực nén trong thời gian dưới 0.5 giây. Tạo áp lực (73-63-45) mmHg, thời gian giữ 6 giây - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Đôi	400
51	Bao chỉ gối trong phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch, tạo 3 áp lực (73-63-45) mmHg	Bao chỉ gối trong phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch - Bảng vải không dệt cỡ khoảng 48 - 50cm, không có chất cao su, không kích ứng da, có tấm lót hơi không đối xứng với ống nổi hơi đơn (1 ống) quấn từ mắt cá chân lên bắp chân - Áp lực nén trong thời gian dưới 0.5 giây - Tạo áp lực (73- 63-45) mmHg, thời gian giữ 6 - 7 giây - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Đôi	150
52	Bao chụp kính hiển vi cỡ 122 x (205 - 210) cm	Bao chụp kính hiển vi, - Chất liệu plastic trong suốt có 3 đầu chụp, mỗi đầu có 2 lỗ với đường cắt sẵn - Có tấm kính bao đầu kính hiển vi với đường kính $65\text{mm} \pm 10\%$, chất liệu bằng pha lê trong suốt - Kích cỡ 122 x (205 - 210) cm - Tiết khuẩn	Cái	1.000
53	Bao chụp kính hiển vi cỡ 150 x (200 - 205) cm	Bao chụp kính hiển vi - Chất liệu nhựa PE, màu trắng - Cỡ 150 x (200 - 205) cm - Tiết khuẩn	Cái	1.200
54	Bầu phun khí dung sử dụng nhiều lần	Bầu phun khí dung dùng nhiều lần - Chất liệu: Polypropylene, Thermoplastic elastomer - Tốc độ phun: 450 - 600 mg/phút - Kích thước hạt phun 2.2 và 3.5µm. Có thể hấp tiết khuẩn 250 - 300 lần - Gồm có: mặt nạ, bầu phun thuốc, dây nối, ống ngậm, lõi insert tạo hạt 2.2µm, lõi insert tạo hạt 3.5µm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	20

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
55	Bình chứa dịch dẫn lưu màng phổi, bằng nhựa, tối thiểu 1800ml	Bình chứa dịch dùng trong dẫn lưu dịch màng phổi - Chất liệu: Polystyrene chống sốc - Cấu tạo: bình thẳng đứng, màu trắng trong suốt - Dung tích bình tối thiểu 1800ml - Trên nắp bình có 3 lỗ thông: 01 lỗ thông khí, 01 lỗ hút dịch chân không, 01 lỗ hút dịch từ người bệnh - Cơ chế 1 chiều ngăn không khí và chất lỏng chảy ngược vào phổi. Vạch chia độ. - Kèm dây nối dài 125 - 130 cm mềm gắn trực tiếp vào bình chứa dịch và 1 đầu gắn vào ống dẫn lưu từ người bệnh, chống xoắn hút áp lực cao không bị tóp - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	900
56	Bình chứa dịch dùng cho máy hút áp lực âm, cỡ 300ml và 500ml	Bình chứa dịch sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa - Chất liệu: Bình nhựa có gel đông - Thể tích: 300ml và 500ml - Có đầu tích hợp lắp nhanh vào máy hút kèm dây nối, kẹp dây. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	300
57	Bình chứa dịch, khí màng phổi, bằng thủy tinh, 2000ml	Bình chứa dịch, khí màng phổi - Chất liệu: thủy tinh, trong suốt, có quai xách - Chiều cao bình khoảng 26 ± 1 cm - Miệng bình: Đường kính trong 2.5 ± 0.1 cm, đường kính ngoài khoảng 3.0 - 3.5cm - Thể tích: 2000ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.200
58	Bình làm ấm oxy	Bình làm ấm oxy sử dụng oxy liệu pháp - Chất liệu: bình chứa bằng Polypropylene, bộ phận tạo ấm bằng Polycarbonate - Chứa tối thiểu 340ml nước tiệt khuẩn - Có nối điều chỉnh lưu lượng đạt nồng độ oxy: từ 25% đến 98% - Van giảm áp suất: 350 - 700cmH₂O - Tương thích với lưu lượng kế đang sử dụng tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	7.300
59	Bình làm ấm tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001	Bình làm ấm - Tự động làm đầy nước, thể tích nén khi bình rỗng là 440-450ml, khi đầy là 280 - 285ml. - Dung tích chứa nước tối đa là 160ml - Kích thước: 130 x 122 x 95mm ($\pm 05\%$) - Độ rò ≤ 25 ml/phút - Lưu lượng cực đại 60L/phút - Áp lực vận hành tối đa: 16.5kPa (165cmH₂O) - Phạm vi nhiệt độ vận hành: 18-28 độ C - Phạm vi độ ẩm vận hành: 15 - 93%RH - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001 (vincent) của Bệnh viện	cái	250
60	Bộ cảm biến đo các thông số huyết động	Bộ cảm biến đo các thông số huyết động theo dõi cung lượng tim - Chất liệu: ABS, HDPE, PC, PP, PVC - Tương thích với các catheter động mạch quay và cảm biến theo dõi áp lực - Tiệt khuẩn - Nhiệt độ hoạt động: 15 đến 40°C	Bộ	24

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
61	Bộ cảm biến đo đồng thời huyết áp động mạch và huyết áp tĩnh mạch trung tâm và bộ cảm biến nhiệt	Bộ cảm biến đo đồng thời huyết áp động mạch và huyết áp tĩnh mạch trung tâm và bộ cảm biến nhiệt - Chất liệu: Polycarbonate, Polyethylen, Silicone, Polyvinylchlorid, ABS Bộ bao gồm: - cảm biến theo dõi huyết áp động mạch, huyết áp tĩnh mạch trung tâm - Cảm biến nhiệt đầu vào - Cảm biến áp lực - Hệ thống xả: tốc độ 3ml/h với áp lực 300mmHg - Chiều dài dây đo huyết áp dài 150 - 155cm - Chiều dài đo huyết áp tĩnh mạch trung tâm dài 150 - 155cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	14
62	Bộ catheter dẫn lưu chủ động dịch khoang màng phổi 3 trong 1	Bộ dẫn lưu chủ động dịch màng phổi 3 trong 1, dùng trong điều trị tràn dịch màng phổi kéo dài. - Bộ dụng cụ gồm: + Bộ đặt ống dẫn lưu với catheter dẫn lưu 15.5 Fr, bằng silicone, dài 65-70 cm, có van dẫn lưu một chiều, có khớp nối, kim chọc, dây dẫn đầu chữ J dài 60 - 65cm, ống mở đường 16 Fr có nắp van, que luồn + Bơm tiêm 10ml + Dây dẫn lưu có kẹp con lăn với đầu kết nối có khoá, kim 17G x 2.5 cm, nắp van + Bộ băng bó cố định dây dẫn lưu ngoài da, gạc, miếng dán tự dính - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	10
63	Catheter động mạch đùi có đầu cảm biến áp lực và nhiệt độ	Catheter động mạch đùi có đầu cảm biến áp lực và nhiệt độ dùng để theo dõi huyết động học ít xâm lấn - Chất liệu Polyurethane - Có đầu cảm biến nhiệt - Có nòng để đo huyết áp động mạch - Đường kính vòng ngoài: 5F - Chiều dài: 20 ± 1cm - Dây dẫn: Đường kính 0.53 - 0.55 mm, chiều dài 60 ± 1cm - Đường kính và chiều dài của cannula: + Đường kính 18G, chiều dài 80 mm + Đường kính 20G, chiều dài 55 mm - Que nong mạch: đường kính ngoài 1.8 - 2.0 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	14
64	Bộ chăm sóc vết thương sử dụng 1 lần	Bộ chăm sóc vết thương dùng 1 lần, bao gồm: - 4 -5 miếng gạc cotton 7.5 x 7.5cm, 8 lớp, thấm hút tốt, dùng trong y tế - 10-15 Gạc viên đường kính 2 - 4cm bằng vải không dệt viscose - 01 Kẹp trắng bằng nhựa dài 13cm - 01 Kềm bằng nhựa dài > 15cm - 01 Khay chứa bằng nhựa PVC, 3-4 ngăn, kích thước: 24cm (l) x 15cm (w) x 2.5cm(h) - 01 Tấm lót bằng nhựa, kích thước 45 x 60cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	7.750

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
65	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn - Chất liệu: bằng PVC - Cấu tạo: - Dây truyền dịch dài 150 ± 10cm, đầu hình chữ J - 1 bộ cảm ứng đo áp lực kèm dây cáp dài 34-36cm và cổng zero - Dây nối với người bệnh có vị trí lấy mẫu máu - Có dây nối phụ phân biệt màu: xanh (tĩnh mạch), đỏ (động mạch) + Áp lực đo: -30 đến 300mmHg + Độ chính xác: Sai số tối đa không quá 2% hoặc ± 1 mmHg - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tương thích cáp JP-900P của máy Monitor Nihon Kohden hiện có tại Bệnh viện	Bộ	4.800
66	Bộ dẫn truyền cảm ứng 2 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn, huyết áp tĩnh mạch	Bộ dẫn truyền cảm ứng theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn, huyết áp tĩnh mạch, 2 đường - Chất liệu: nhựa PVC - Cấu tạo: - Dây truyền dịch dài 150 ± 10cm, đầu hình chữ J - 2 bộ cảm ứng đo áp lực kèm dây cáp dài 34 - 36cm và cổng zero - Có dây nối phụ phân biệt màu: xanh (tĩnh mạch), đỏ (động mạch) - Dây nối với người bệnh có vị trí lấy mẫu máu + Áp lực đo: -30 đến 300mmHg + Độ chính xác: Sai số tối đa không quá 2% hoặc ± 1 mmHg - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Tương thích cáp JP-900P của máy Monitor Nihon Kohden hiện có tại Bệnh viện	Bộ	950
67	Bộ dây dẫn bơm tưới rửa dùng cho máy điều trị vết thương áp lực âm	Bộ dây dẫn bơm tưới rửa sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa - Chất liệu: Nhựa tổng hợp - Bộ gồm bình điều khiển nối với máy kèm dây gắn sẵn và co nối 38mm với dây cáp và túi nước rửa, điều chỉnh lượng nước bơm tưới rửa vết thương. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Tương thích với xốp cùng loại, cùng hãng	Bộ	22
68	Bộ dây dẫn đường dùng cho ống soi khí phế quản siêu âm, dùng 1 lần	Bộ dây dẫn đường dùng cho ống soi khí phế quản siêu âm, dùng 1 lần - Chức năng: dẫn hướng nhằm hỗ trợ khả năng chẩn đoán nội soi khí phế quản - Chất liệu ống dẫn: nhựa Fluororesin - Chất liệu thân kim sinh thiết: thép không gỉ - Đường kính ngoài vỏ dẫn: khoảng 1.9 - 2.0mm, chiều dài làm việc 1050mm - Có nút chặn, có thể kết hợp với đầu dò và thao tác dưới huỳnh quang - Bộ phận đi kèm: + 01 kim sinh thiết, dùng 1 lần: ngàm oval, có thể xoay được, phù hợp kênh làm việc có đường kính 2.0mm, chiều dài làm việc 1150mm + ET stopper, US Stopper - Tương thích với ống soi khí phế quản BF-P190 (Hệ thống nội soi khí phế quản siêu âm của Bệnh viện) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	bộ	180

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
69	Bộ dây hút đàm kín, cỡ 12 → 16Fr	Bộ dây hút đàm kín dùng để hút đàm cho người bệnh có đặt ống nội khí quản hoặc mở khí quản Cấu tạo: - Ống hút bằng nhựa PVC, thân trơn nhẵn, có cán quang, có vạch chia. - Đường kính ngoài 4.0 - 5.3mm, dài 45 - 57cm - Kích cỡ: 12 → 16Fr (tối thiểu 3 cỡ) - Đầu ống kiểu Mully bo tròn có 3 lỗ hút: 1 lỗ lớn ở đầu xa và 2 lỗ hút hỗ trợ ở 2 bên. Ống hút được bảo vệ bằng vỏ bọc mỏng, mềm chắc, trong suốt - Van mở và khóa đường luồn ống hút bằng Polypropylene, dạng núm xoay, có chỉ báo vị trí đóng/mở - Van rửa một chiều. Đầu nối với hệ thống hút: bằng Polypropylene, tương thích với hệ thống hút đàm tại Bệnh viện - Co nối T với ống nội khí quản/ mở khí quản - Phụ kiện đi kèm: Co nối - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	700
70	Bộ dây truyền kèm túi chứa dịch dùng kiểm soát đau	Bộ dây truyền kèm túi chứa dịch dùng kiểm soát đau, dùng chứa thuốc giảm đau kiểm soát đau sau mổ - Túi chứa bằng nhựa PVC mềm, không có DEHP, không Latex, chứa được thuốc giảm đau đến 200ml - Dây truyền dịch chống gập dài khoảng 150 - 180cm - Có sensor cảm biến áp lực, đoạn để ép dịch truyền, bộ phận loại bỏ không khí kích thước 0.2 µm hoặc 1.2 µm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	400
71	Bộ kết nối máy thẩm phân phúc mạc tự động người lớn	Bộ kết nối máy thẩm phân phúc mạc tự động người lớn - Chất liệu: Polyvinyl Chloride, HDPE, ABS, LDPE, PES và Acrylic - Đường kính trong $4.0 \pm 0.5\text{mm}$, đường kính ngoài 5.5 - 6.0mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	800
72	Cannua hỗ trợ thở qua lỗ mở khí quản	Cannua hỗ trợ thở qua lỗ mở khí quản - Có nắp chống bắn đờm ra ngoài. - Dây dẫn tích hợp cho hơi nước thoát ra ngoài màng, giảm đọng nước - Có dây đeo qua cổ. - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P) của Bệnh viện	cái	35
73	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu - Trong ống chứa gel phân tách và chất chống đông. - Thời gian tách ≤ 20 phút - Dung tích: $\geq 10\text{ml}$ - Nồng độ tiểu cầu sau cô đặc: ≥ 4 lần ban đầu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100
74	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu tự thân dùng điều trị cho người bệnh thoái hóa khớp, da liễu và nha khoa	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu tự thân dùng điều trị cho người bệnh thoái hóa khớp, da liễu và nha khoa - Chất liệu bằng nhựa trong, không chứa pyrogen, không DEHP, không cao su - Thành phần trong 1 bộ kit bao gồm: - 03 ống hình trụ thẳng, có thể tích $\geq 10\text{ml}$, trong đó có 02 ống để rút máu (ống chân không, có chất chống đông sodium citrat), và 01 ống trơn chứa dung dịch huyết tương giàu tiểu cầu (PRP). - Đi kèm: bơm tiêm 5ml, bơm tiêm 1ml, kẹp kim, kim bướm lấy máu, kim (30G, 21G và 18G) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	50

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
75	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu tự thân, dùng điều trị người bệnh thoái hóa khớp	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu tự thân, dùng điều trị cho người bệnh thoái hóa khớp - Chất liệu: bằng nhựa trong, không latex - Có 3 khoang khép kín, hình trụ thẳng, có ≥ 02 chốt khóa, có nắp đậy cửa bơm máu, có vạch đo thể tích chứa huyết tương giàu tiểu cầu - Thể tích tối thiểu của khoang chứa 30ml - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	880
76	Bộ mở khí quản 2 nòng dùng mở khí quản qua da, đường kính trong 7 - 9mm	Bộ mở khí quản 2 nòng dùng mở khí quản qua da - 01 ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ + Chất liệu: nhựa PVC + Kích thước: đường kính trong 7 - 8mm, đường kính ngoài 10.5 - 13.5mm, chiều dài 70 - 82mm, có đường cân quang trên thân ống, độ cong chuẩn 105 độ + Bóng tròn loại soft-seal mềm mại + 02 nòng trong, đầu tròn, có mẫu ngắt, đầu nối tương thích với dây máy thở hoặc dây máy gây mê chuẩn 15F các loại - Đi kèm: 02 đầu nong, dao mổ 11, kim tiêm, ống tiêm, dây dẫn, đầu dẫn, cây chèn mở khí quản, dây cố định mở khí quản, chổi làm vệ sinh nòng trong, gạc thấm và gel bôi trơn tan trong nước - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	120
77	Bộ phận chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng kết nối giữa catheter và túi dịch lọc	Bộ chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng kết nối giữa Catheter và túi dịch lọc - Chất liệu bằng polyethylene, polysulfone - Đầu nối khóa, kẹp bật tắt, ống và đầu nối khóa Luer - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	200
78	Bộ phun khí dung dùng cho máy thở	Bộ phun khí dung dùng cho người bệnh đặt ống nội khí quản có thở máy, bao gồm: bầu chứa, dây nối - Chất liệu: nhựa PP hoặc PE hoặc PVC - Bầu chứa thuốc: hình trụ, cao 74 ± 2mm, rộng 42 ± 2mm, có vạch chia thể tích 2 - 10ml, phần nắp bầu kết nối với bầu phun, hạn chế lượng thuốc tồn đọng, giảm hao phí thuốc - Dây nối nguồn dài khoảng 1.8 - 2.0m, tương thích với hệ thống khí nguồn của Bệnh viện - Đặc tính: đường kính hạt thuốc khoảng 2.7 - 2.8μm (lưu lượng 8 lít/ phút), đảm bảo không rò rỉ thuốc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	3.400
79	Bộ tấm dán đùi và ngực dùng trong liệu pháp hạ thân nhiệt chủ động cho người bệnh	Bộ tấm dán đùi và ngực dùng trong liệu pháp hạ thân nhiệt chủ động cho người bệnh - Tấm dán có 3 lớp: + Lớp hydrogel bên ngoài tiếp xúc da + Lớp màng trong (film) ở giữa giúp trao đổi nhiệt + Lớp cách nhiệt chống mất nhiệt ra môi trường ngoài và các đường dẫn nước - Bộ gồm 4 miếng: 2 tấm dán đùi, 2 tấm dán ngực bụng - Tốc độ dòng chảy 5 lít/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	bộ	50

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
80	Bộ test kiểm tra quy trình tiệt khuẩn	Gói thử kiểm tra quy trình tiệt khuẩn hơi nước - Thành phần: * 95-100% giấy, Bột giấy cellulose 1-3%; ($\pm 05\%$) * 01 test chỉ thị hóa học đa thông số nhóm 5 * 02 ống chỉ thị sinh học đóng sẵn chứa bào tử <i>Geobacillus stearothermophilus</i>, bao gồm 1 ống chứng và 1 ống thử * Chỉ thị hóa học trên ống chỉ thị có đổi màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị sinh học trước - sau tiệt khuẩn - Thành phần - Cho kết quả sau khi ủ 20-30 phút - Đóng gói theo tiêu chuẩn AAMI - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Gói	120
81	Bộ thông tiểu dùng 1 lần	Bộ thông tiểu dùng 1 lần bao gồm: 01 Bơm tiêm 10ml 01 Khăn lỗ chất liệu vải bán thấm 45-48gsm, đường kính lỗ 8 ± 1 cm, kích thước 75 x 90cm 02 Miếng gạc (10 x 10)cm 8-10 lớp 10 Miếng gạc không dệt, 7.5 x 7.5cm, 8-10 lớp, thấm hút tốt 01 Gel bôi trơn, tan trong nước 01 Kẹp bằng nhựa cứng dài 13-15cm 01 Khăn đa dụng bằng vải không dệt 5 - 8 lớp, chống thấm nước, 50 x 60cm 01 Khay bằng nhựa PVC, 4 ngăn, kích thước 24 x 15 x 2.5cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	1.100
82	Bộ vệ sinh răng miệng cho người bệnh	Bộ vệ sinh răng miệng cho người bệnh - Chất liệu: ABS, TPE, PP, LDPE, chất liệu bàn chải vừa đủ mềm. - Có ống hút dịch cầm tay nằm trên thân bàn chải - 01 bàn chải kích thước dài 20 ± 01 cm, đầu bàn chải dài 13 - 15cm, thân cầm: 7 ± 01 cm - 01 lọ đựng nước súc miệng trọng lượng khoảng 14 - 16gr - 1 gói nước súc miệng 0.12% chlorhexidine (≥ 15ml) - 01 dụng cụ thấm môi chống khô dài 150 - 155mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	17.600
83	Bơm tiêm truyền áp lực, đàn hồi, tự động, cỡ 300ml	Bơm đàn hồi tự động có PCA truyền thuốc gây tê, thuốc giảm đau liên tục. - Chất liệu: + Vỏ làm bằng nhựa PP + Bầu chứa thuốc làm bằng polyisoprene, 3 lớp, không latex + Dây truyền làm bằng nhựa PVC, không chứa DEHP - Có khóa điều chỉnh dòng chảy. - Tốc độ truyền 2 - 5ml/h. - Thời gian khóa: 30 phút - Có vạch chia thể tích để theo dõi lượng thuốc đã được truyền vào bệnh nhân - Bộ lọc khí và lọc hạt 0.2um - Thể tích 300ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	5

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
84	Bơm tiêm 10ml, có kim 23G, 25G	Bơm tiêm 10ml, có kim 23G, 25G - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu trơn, đường kính trong khoảng $15 \pm 0.5\text{mm}$, chiều dài khoảng $98 \pm 1\text{mm}$ - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng thích hợp, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài của pít tông khoảng 102-105mm - Kim bằng thép không gỉ, sắc bén, góc vát 12 độ, Cỡ kim 23G, 25G, dài khoảng $25 \pm 1\text{mm}$, đường kính trong khoảng $0.3 \pm 0.01\text{mm}$, đường kính ngoài khoảng 0.5 - 0.6mm - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	995.000
85	Bơm tiêm 1ml, chứa Lithium Heparin, có kim 23G, 25G	Bơm tiêm 1ml, chứa Lithium Heparin, có kim 23G, 25G dùng lấy máu làm khí máu động mạch. - Bơm tiêm chất liệu bằng Polypropylene, thân bơm tiêm có chia vạch, thể tích tối đa 1ml, đầu bơm tiêm loại luer slip - Kim bằng thép không gỉ, kích cỡ 23G/25G, đường kính khoảng 0.5 - 0.6mm, chiều dài 16-25mm, có nắp bảo vệ slip-tip - Có tráng sẵn Lithium Heparin cân bằng Canxi dạng phun khô trên thành ống, hàm lượng 23.5UI/ml - Chế độ lấy máu tự động - Kèm 1 đầu siêu lọc loại bỏ bọt khí an toàn - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	18.000
86	Bơm tiêm 1ml, có kim 26G	Bơm tiêm 1ml, có kim 26G - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, đồng nhất, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu trơn, đường kính trong khoảng $5 \pm 0.5\text{mm}$, chiều dài khoảng $79 \pm 1\text{mm}$ - Thể tích bơm tiêm: 1ml - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài của pít tông khoảng $79.5 \pm 0.5\text{mm}$ - Kim bằng thép không gỉ, sắc bén, góc vát 12 độ. Cỡ kim 26G, dài khoảng $13 \pm 0.5\text{mm}$, đường kính ngoài khoảng $0.45 \pm 0.02\text{mm}$ - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	87.000
87	Bơm tiêm 20ml, có kim 23G	Bơm tiêm 20ml, có kim 23G - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, đồng nhất, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu trơn, đường kính trong khoảng $20 \pm 0.05\text{mm}$, chiều dài khoảng 110-115mm - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài của pít tông khoảng $116 \pm 2\text{mm}$ - Kim bằng thép không gỉ, sắc bén, góc vát 12 độ, Cỡ kim 23G, dài khoảng $25 \pm 0.5\text{mm}$, đường kính trong khoảng $0.3 \pm 0.01\text{mm}$, đường kính ngoài khoảng $0.6 \pm 0.01\text{mm}$ - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	103.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
88	Bơm tiêm 3ml, có kim 23G, 25G	Bơm tiêm 3ml, có kim 23G, 25G - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, đồng nhất, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu tròn, đường kính trong khoảng 10mm, chiều dài khoảng 68 - 70mm - Thể tích bơm tiêm: 3ml - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng thích hợp, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài của pít tông khoảng 68 - 70mm - Kim bằng thép không gỉ, sắc bén, góc vát 12 độ. Cỡ kim 23G, 25G, dài khoảng 16 - 38mm, đường kính trong khoảng 0.3 - 0.4mm, đường kính ngoài khoảng 0.5 - 0.6mm, - Tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	150.000
89	Bơm tiêm 50ml, có kim	Bơm tiêm là 50ml, có kim 22G x 1 1/4" - Bơm tiêm bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, đồng nhất, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu tròn, đường kính trong khoảng 30mm, chiều dài khoảng 140 - 145mm - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng thích hợp, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài khoảng 140-145mm - Đốc kim và nắp đậy đầu kim được làm từ chất liệu nhựa PP - Bên ngoài ống tiêm có chia vạch rõ ràng - Kim tiêm bằng thép không gỉ, sắc bén, cỡ kim 22G, dài khoảng 32 ± 1mm, đường kính trong khoảng 0.3 - 0.4mm, đường kính ngoài khoảng 0.7 ± 0.05mm - Tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	12.000
90	Bơm tiêm 5ml, có kim 23G, 25G	Bơm tiêm 5ml, có kim 23G, 25G - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, đồng nhất, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu tròn, đường kính trong khoảng 12mm, chiều dài khoảng 78 - 80mm - Thể tích bơm tiêm: 5ml - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng thích hợp, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài của pít tông khoảng 81 ± 0.5mm - Kim bằng thép không gỉ, sắc bén, góc vát 12 độ. Cỡ kim 23G, 25G, dài khoảng 2.5cm, đường kính trong khoảng 0.3 - 0.4mm, đường kính ngoài khoảng 0.5 - 0.6mm - Tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.000.000
91	Bơm tiêm cân quang, cỡ 190ml	Bơm tiêm cân quang cho theo máy bơm tiêm điện, bao gồm: - 01 ống bơm thể tích 190ml + Chất liệu: Piston bằng makrolon, đầu cao su bằng santoprene TPV + Đường kính trong khoảng 4.5 - 5.0cm + Chiều dài: khoảng 18.5 - 19.0cm - 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J, chất liệu bằng polyethylene - Bơm tiêm và dây nối chịu áp lực ≥ 300psi - Tương thích với máy bơm tiêm điện CT Imaxeon Salient (hai nòng) của Bệnh viện - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	600

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
92	Bơm tiêm cân từ, cỡ 65ml và 115ml	Bơm tiêm cân từ dùng cho máy bơm tiêm điện tương thích với môi trường MRI, bộ bao gồm: - Hai bơm tiêm thể tích 65ml và 115ml + Chất liệu: Piston (polycarbonate), thân ống bơm (polyethylene terephthalate và polycarbonate). + Đường kính trong: $2.7 \pm 0.1\text{cm}$, $3.6 \pm 0.1\text{cm}$ + Vạch chia trên thân ống tiêm - Đầu bơm tiêm: kết nối Luer lock - Dây nối chữ T hoặc chữ Y (hoặc dạng 3 chạc): + Chất liệu: polypropylene, polycarbonate, PVC, silicon. + Hai đầu kết nối female và một đầu luer lock. + Chiều dài: khoảng 150 - 250cm - Hai đầu lấy thuốc: chất liệu nhựa ABS - Ống bơm và dây nối: chịu áp lực $\geq 350\text{psi}$ - Tiệt khuẩn - <u>Tương thích máu Medrad Spectris Solaris EP của Bệnh viện</u>	cái	500
93	Bơm tiêm chứa Lithium Heparin, 1ml	Bơm tiêm có chứa Heparin dùng lấy máu làm khí máu động mạch, thể tích 1ml - Bơm tiêm chất liệu bằng Polypropylene, không kim, có nắp bảo vệ slip-tip, thân bơm tiêm có chia vạch, thể tích tối đa 1ml - Có tráng sẵn Lithium Heparin, hàm lượng 30UI/ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	7.000
94	Bơm tiêm đầu thẳng, không kim, 10ml	Bơm tiêm đầu thẳng, không kim, 10ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm: khoảng $1.4 \pm 0.1\text{cm}$ - Đầu thẳng, tương thích với các đầu kim tiêm - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, đường kính của chỗ ấn khoảng $1.8 \pm 0.1\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	100.000
95	Bơm tiêm đầu thẳng, lệch tâm, không kim, 20ml	Bơm tiêm đầu thẳng, lệch tâm, không kim, 20ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm: 19 - 21mm - Đầu thẳng, lệch tâm, tương thích với các đầu kim tiêm, dây truyền - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, đường kính của chỗ ấn khoảng $2.5 \pm 0.1\text{cm}$ - Không chứa DEHP - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	12.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
96	Bơm tiêm đầu to, 50ml	Bơm sử dụng để bơm thức ăn, bơm rửa cho người bệnh - Chất liệu: bằng nhựa polypropylene dùng trong y tế có độ PH trung tính, không chứa DEHP, trong suốt, thành trong trơn láng, piston dễ dàng di chuyển, không tuột pít tông khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex - Đường kính trong bơm tiêm 31 ± 0.1 mm, thể tích 50ml - đầu trơn, chiều dài khoảng 3 - 4cm, đường kính đầu bơm tiêm tối thiểu là 0.35 - 0.38cm, tương thích với các ống thông nuôi ăn - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40.000
97	Bơm tiêm đầu xoắn, chứa nước muối 0.9%, các cỡ	Bơm tiêm chứa nước muối, dùng trong bơm rửa catheter ngoại biên và trung tâm - Bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm: khoảng 1.4 - 1.5cm - Đầu xoắn vặn, có nắp đậy - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, pít tông không rút ngược qua vạch phân cách - Chứa 9mg muối trong mỗi ml nước muối sinh lý vô khuẩn: loại 3ml, 5ml, 10ml - Áp lực khi bơm: khoảng 19 - 20 psi hoặc tương đương áp lực đầu ra của bơm tiêm 10ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	850.000
98	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 10ml	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 10ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm: khoảng 14 - 17mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với các đầu kim tiêm - Pít tông: đầu pít tông bằng polyisoprene, thân pít tông bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, 2 khóa dừng chống tràn, đường kính của chỗ ấn khoảng 1.8 ± 0.1 cm - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	227.000
99	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 20ml	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 20ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm: 19 - 21mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với các đầu kim tiêm - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, đường kính của chỗ ấn khoảng 2.5 ± 0.1 cm - Không chứa DEHP - Tương thích với các loại máy bơm tiêm điện tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	55.800

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
100	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 3ml	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, thể tích 3ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng - Đường kính trong của bơm tiêm: 8 - 10mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với các đầu kim tiêm, dây truyền - Thân pít tông bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, 2 khóa dừng chống tràn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	6.000
101	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 5ml	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 5ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm: $11 \pm 0.5\text{mm}$ - Đầu xoắn vặn, tương thích với các đầu kim tiêm, dây truyền - Thân pít tông bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, 2 khóa dừng chống tràn, đường kính của chỗ ấn khoảng 1.5 - 1.6cm - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	50.000
102	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, đầu xoắn, 50ml, đường kính trong 29 - 32mm	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, đầu xoắn, 50ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài (khóa pittong chống tràn 2 lớp), bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm 29 - 32mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với đầu kim tiêm các loại - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene hoặc Thermoplastic elastomer, trong suốt, không chứa latex, đường kính của chỗ ấn khoảng 3.0 - 3.3 cm - Tương thích với các loại máy bơm tiêm điện tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng CE (tiêu chuẩn Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	50.000
103	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, đầu xoắn, 50ml, đường kính trong 26 - 29mm	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, đầu xoắn, 50ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm 26 - 29mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với đầu kim tiêm các loại - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, đường kính của chỗ ấn khoảng $3 \pm 0.1\text{cm}$ - Tương thích với các loại máy bơm tiêm điện tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	100.000
104	Bơm tiêm 1ml 100UI, kim 30G, dài 8mm	Bơm tiêm 1ml 100UI, kim 30G - Bơm tiêm bằng Polypropylen trong suốt, không chứa latex, không chứa DEHP, vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét, pít tông di chuyển dễ dàng - Kim bằng thép không gỉ, đầu 3 mặt vát, kim phủ silicone, cỡ 30G, chiều dài 8mm, đường kính $0.3 \pm 0.05\text{mm}$, thành kim mỏng - Thể tích: 1ml/100UI - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	45.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
105	Bơm tiêm 1ml 100UI, kim 30G, dài 12 - 13mm	Bơm tiêm 1ml 100UI, kim 30G - Bơm tiêm bằng Polypropylen trong suốt, không chứa latex, không chứa DEHP, vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét, pít tông di chuyển dễ dàng - Kim bằng thép không gỉ, đầu 3 mặt vát, kim phủ silicone, cỡ 30G, chiều dài 12 - 13mm, đường kính $0.3 \pm 0.05\text{mm}$, thành kim mỏng, đốc kim xoay được - Thể tích: 1ml/100UI - Tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	13.000
106	Bơm tiêm 1ml 100UI, kim 31G	Bơm tiêm 1ml 100UI, kim 31G - Bơm tiêm bằng Polypropylen trong suốt, không chứa latex, không chứa DEHP, vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét, pít tông di chuyển dễ dàng - Kim bằng thép không gỉ, 3 mặt vát, cỡ 31G, đầu phủ silicone, chiều dài 6 - 8mm, đường kính trong $0.25 \pm 0.05\text{mm}$ - Thể tích: 1ml/100UI - Tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	8.000
107	Bơm tiêm khí máu động mạch 1ml tự động hút máu, có kim 25G, Lithium Heparin	Bơm tiêm lấy khí máu động mạch, kim 25G - Chất chống đông: Lithium Heparin - Chiều dài kim: 15.5 - 16.0mm - Có thể cài đặt thể tích máu trước khi lấy - Pít tông tự thoát khí - Thể tích: 1ml - Hàm lượng chất chống đông: 30 IU - Có nắp đậy - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	31.000
108	Bơm tiêm liên kim 27G	Bơm tiêm liên kim 27G dùng để tiêm ngừa lao (BCG) - Chất liệu: bằng Polypropylene, không chứa latex, lòng bơm tiêm có gờ chặn pít tông, thân bơm tiêm có vạch chia thể tích rõ, thể tích tối đa 0.5ml - Kim bằng thép không gỉ, đầu vát, kim bén. Kích cỡ 27G, đường kính 0.4mm, dài 9.5 - 10mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	7.000
109	Bơm tiêm truyền áp lực, dẫn hồi, tự động, cỡ 100ml	Bơm tiêm truyền áp lực, dẫn hồi, tự động, cỡ 100ml - Chất liệu: + Vỏ làm bằng nhựa PP + Bầu chứa thuốc làm bằng isoprene + Dây truyền làm bằng nhựa PVC, không chứa DEHP - Kích thước: + Chiều dài vỏ (không tính cổng bơm thuốc) khoảng 180 - 182mm, OD của vỏ khoảng 42 - 43mm + Chiều dài dây truyền khoảng 970 → 972mm, ID của dây khoảng $0.9 \pm 0.1\text{mm}$, OD của dây khoảng 2.5 - 3.0 mm - Cấu tạo: + Tốc độ truyền khoảng 0.5 đến 5 ml/h + Trọng lượng pump khoảng: $49 \pm 0.5\text{g}$ + Bộ lọc khí và lọc hạt $0.2\mu\text{m}$ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	400

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
110	Bóng bóp giúp thở có van thông minh, 1500ml	Bóp bóp giúp thở có van giảm áp - Chất liệu: thân bóng bằng silicone (Si) - Thể tích bóng: 1500ml - Van giảm áp tự động 1 chiều: 40 cmH2O hoặc 60 cmH2O - Lưu lượng oxy: $\geq 93\%$ (lưu lượng 15 lít/phút) - Thân bóng có 2 đường nối chống trơn, 1 co đàn hồi nhanh chóng về vị trí ambu ban đầu - 01 mặt nạ bằng nhựa PE hoặc PVC, có van bơm, kích cỡ 5 - 01 túi chứa oxy bằng nhựa PP hoặc PE, trong - 01 dây nối oxy nguồn dài $\geq 2\text{m}$ - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	1.800
111	Bóng bóp giúp thở có van thông minh, các cỡ	Bóng bóp giúp thở có van thông minh - Chất liệu: Polycarbonate hoặc PTE - Thể tích bóng: 280ml, 550ml, 1000ml - Van thông minh tự động 1 chiều: 60/40 cmH2O - Thân bóng có tay vịn, có 2 đường nối chống trơn, 1 co đàn hồi nhanh chóng về vị trí ambu ban đầu - Lưu lượng oxy: $>95\%$ (lưu lượng 15 lít/phút) - 01 mặt nạ bằng PE, có van bơm, kích cỡ 1,3,4; 01 túi chứa oxy, trong; 01 dây nối oxy nguồn dài khoảng 3 - 3.5m - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	800
112	Bóng bóp giúp thở có van thông minh, 1500ml, 640ml, 370ml	Bóng bóp giúp thở có van thông minh - Chất liệu bóng: PTE không chứa PVC - Thể tích bóng 1500ml, 640ml, 370ml - Dây nối oxy lòng ngôi sao, túi trữ oxy. - Kèm theo: Van áp lực 60cmH2O/ 40cmH2O, cổng kiểm soát CO2, lỗ phân chia thuốc MDI, mask gây mê. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	500
113	Bóng bóp giúp thở, không có van giảm áp, 1500ml	Bóng bóp giúp thở không có van giảm áp - Chất liệu: PTE - Thể tích bóng: 1500ml - Thân bóng có tay vịn, có 2 đường nối chống trơn, 1 co đàn hồi nhanh chóng về vị trí ambu ban đầu - Lưu lượng oxy: $> 95\%$ (lưu lượng 15 lít/phút) - 01 mặt nạ, kích cỡ 5; 01 túi chứa oxy bằng nhựa PP, dày, trong; 01 dây nối oxy nguồn dài $\geq 2\text{m}$ - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	600
114	Bóng cầm máu mũi	Bóng cầm máu mũi kiểm soát chảy máu cam, máu mũi trước và sau - Làm bằng chất liệu silicone - Tổng chiều dài (mm): 97, 120 - Chiều dài sử dụng (mm): 85, 95 - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	3
115	Bóng dùng cho ống soi khí phế quản siêu âm	Bóng dùng cho ống soi khí phế quản siêu âm - Chức năng: bao đầu ống soi - Chất liệu: latex - Chiều dài: 12 - 15 mm, đường kính: 6.0 - 6.5mm - Thể tích nước bơm vào bóng 10 - 15ml - Dùng cho ống soi khí phế quản BF-UC190F (Hệ thống nội soi khí phế quản siêu âm của Bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	150

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
116	Bông gòn, dạng cuộn, gói 1- 1.5kg	Bông gòn, dạng cuộn - Chất liệu: 100% bông tự nhiên - Khả năng giữ nước ≥ 20 g nước/g bông - Tốc độ hút nước: thời gian chìm < 10 giây - Không để lại tơ gòn khi sử dụng trên người bệnh - Gói 1 - 1.5kg - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	100
117	Bông gòn, dạng cuộn, gói 1- 1.5kg, không giữ nước	Bông gòn, dạng cuộn - Chất liệu: 100% bông tự nhiên - Không giữ nước - Gói 1 - 1.5kg - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	20
118	Bông gòn, dạng viên, gói 100 - 110g	Bông gòn, dạng viên, tiết khuẩn: - Chất liệu: 100% bông tự nhiên, không dùng chất tạo màu - Đường kính 2 - 3cm - Đặc tính: + Giới hạn axit - kiềm: không màu + Tốc độ hút nước: thời gian chìm <8 giây + Khả năng hút nước: ≥ 20 g nước/g bông trong khoảng 2.5 - 3 phút + Chất tan trong ether và chất tan trong nước: không quá 0.5%, tro sulfat không quá 0.4% + Vi khuẩn hiếu khí, nấm men, nấm mốc: không có - Yêu cầu khi sử dụng: mềm, mịn, không để lại tơ gòn khi sử dụng trên người bệnh - Tiết khuẩn - Gói 100 - 110g - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	1.100
119	Bông gòn, dạng viên, gói 500 - 550g	Bông gòn, dạng viên: - Chất liệu: 100% bông tự nhiên - Đường kính 2 - 3 cm - Đặc tính: + Giới hạn axit - kiềm: không màu + Tốc độ hút nước: thời gian chìm <8 giây + Khả năng hút nước: ≥ 20 g nước/g bông trong khoảng 2.5 - 3 phút + Mất khối lượng do sấy khô (độ ẩm): không quá 8% + Chất tan trong ether và chất tan trong nước: không quá 0.5%, tro sulfat không quá 0.4% - Gói 500 - 550g - tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	1.200
120	Bột khô dùng trong chạy thận nhân tạo thành phần Natri hydrogenocarbonate	Bột khô dùng trong chạy thận nhân tạo, thành phần Natri hydrogenocarbonate (NaHCO_3) - Khối lượng: 900 - 950g - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	6.000
121	Bột ngăn ngừa tổn thương da dùng cho hậu môn nhân tạo	Bột ngăn ngừa tổn thương da dùng cho hậu môn nhân tạo - Thành phần: gelatin, pectin và sodium carboxymethylcellulose - Đặc tính: chiết xuất tự nhiên, dạng bột, hút ẩm, chống kích ứng, bảo vệ da hậu môn nhân tạo - Trọng lượng 28 - 30g - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Chai	190

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
122	Buồng đệm hỗ trợ dùng thuốc giãn phế quản dạng xịt	Buồng đệm hỗ trợ dùng thuốc giãn phế quản dạng xịt, chống tĩnh điện - Thể tích: 149 - 150ml - Van hít 1 chiều kháng lực thấp - Mặt nạ Silicone có mép cong giúp ôm khít và thoải mái, trên mặt nạ có van thở giúp định hướng dòng khí thở ra. Mặt nạ các cỡ gồm: Large cho người lớn, Medium cho trẻ từ 1-5 tuổi, Small Mask cho trẻ < 18 tháng. - Còi cảnh báo khi hít quá mạnh (có trên loại mặt nạ lớn) - Đầu gắn silicon tương thích với nhiều loại bình pMDI: (Seretide, Ventolin, Flixotide, Rapihaler, Formonide, Forair, Combiwave...) - Buồng đệm có thể tháo rời để làm sạch - Thời gian sử dụng theo khuyến cáo: 12 tháng	cái	50
123	Buồng làm ấm và dây thở có kiểm soát nhiệt	Buồng làm ấm và dây thở có kiểm soát nhiệt - Buồng làm ấm có phao kép giúp tự động dùng dòng chảy khi đạt mức tối ưu - Dây thở có 2 vòng xoắn kép giúp vừa gia nhiệt cho khí thở, vừa cách nhiệt với môi trường bên ngoài hạn chế đọng nước lên đến 93% - Thời hạn sử dụng tối đa 14 ngày cho người bệnh /1 lần sử dụng - Chiều dài dây thở: 1.8 - 2.0m - Dây thở có tích hợp sensor đo nhiệt độ cuối dây thở. Vòng xoắn gia nhiệt được tích hợp trên thành dây thở để giảm kích thước và trọng lượng cho dây đến 20% - Có kẹp giúp cố định dây thở trên áo người bệnh - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P) của Bệnh viện	cái	514
124	Bút đánh dấu dùng trong phẫu thuật	Bút đánh dấu dùng trong phẫu thuật dùng đánh dấu vị trí mổ, mực không lem và không phai - Vật tư đi kèm: thước đo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	3.000
125	Can chứa dịch, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 600ml	Can chứa dịch dùng cho máy hút áp lực âm - Chất liệu: bằng Polycarbonate - Dung tích 600ml - Kích thước bình: 100 x 120 mm (±5mm) - Có gắn cảm biến để báo hiệu dịch chứa đầy, chứa gel làm đặc vết thương và chất lỏng trong bình - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	315
126	Can chứa dịch, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 750ml	Can chứa dịch dùng cho máy hút áp lực âm - Chất liệu: nhựa trong suốt - Dung tích: khoảng 750ml - Cấu tạo: trên bình có thước đo thể tích, bên trong có bọc thấm dịch bên trong, có màng lọc vi khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	155
127	Catheter động mạch đùi bằng polyurethan, dài 20 - 25cm	Catheter động mạch đùi - Catheter bằng polyurethan, kim chọc bằng thép không gỉ, dây dẫn đầu J - Kích thước: catheter dài 20 - 25cm, cỡ 3Fr, 4Fr, dây dẫn đầu J (0.5 - 0.6) x 45cm; kim chọc 17G, 22G, dài 40 - 70mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	20

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
128	Catheter động mạch, tĩnh mạch dưới đòn trẻ sơ sinh	Catheter động mạch, tĩnh mạch dưới đòn trẻ sơ sinh dùng đo huyết áp động mạch, truyền dịch, truyền thuốc - Chất liệu bằng polyurethane - Gồm 1 catheter đường kính 2Fr, chiều dài 4cm, 6cm, 8cm; 1 kim dẫn đường cỡ 22G, chiều dài 42 ± 1 mm; 1 guidewire 23 ± 1 cm, đường kính 0.45 - 0.47mm - Tốc độ truyền dịch 17 ml/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	150
129	Catheter lọc máu 2 nòng bằng carbothane, cỡ 14.5Fr, dài 24 - 55cm	Catheter lọc máu hai nòng - Chất liệu bằng carbothane - Kích thước: đường kính 14.5Fr, dài 24 - 55cm - Thiết kế lumen "D", có vòng bít chống đi ngược dòng, có cản quang - Đầu catheter được thiết kế lệch nhau đầu vào và đầu ra cách nhau $3 \pm 0,1$ cm giảm thiểu thấp nhất tái tuần hoàn - Tốc độ chảy: khoảng 450 - 500ml/phút - 01 catheter 14.5Fr, 01 cây tạo đường hầm, 01 thông luôn catheter 15Fr, 01 kim hướng dẫn 18 GA x 2.75" (7cm), 01 lưỡi dao số 11, 01 dây dẫn đầu chữ J được đánh dấu 0.038" x 70cm hoặc 100cm, 02 gạc, 02 nắp đậy, 01 que nong 12Fr, 01 que nong 14Fr, 01 ống thông ba bóng chống xẹp lòng catheter - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	30
130	Catheter lọc máu 2 nòng bằng polyurethane, cỡ 12Fr, dài 20 - 22cm	Catheter lọc máu hai nòng - Catheter polyurethane, có chất cản quang, cỡ 12Fr, dài 20 - 22cm, đường kính 4 ± 0.5 mm - Dây dẫn dài $50\text{cm} \pm 5\%$, đường kính 0.89 ± 0.01 mm, có đầu mũi J mềm - Kim dẫn đường chữ V, thể tích mỗi 1.4 ml, ống nối dài trong suốt có nút chặn kim luôn - Ống thông van tim 18G, kim nong 12Fr, dao mổ, dây nối dùng cho chuyển đạo ECG, ống tiêm 5ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.050
131	Catheter lọc máu 2 nòng bằng polyurethane, cỡ 14.5Fr, dài 24 - 28cm	Catheter lọc máu hai nòng 14.5Fr - Chất liệu polyurethane có thể tương thích với cồn và iot - Tổng chiều dài Catheter 24cm và 28cm, chiều dài từ đầu đến cuff là 19cm và 23cm - Thiết kế thân thẳng và uốn cong trước, tốc độ lưu thông ≥ 400 ml/phút - Thiết kế nòng double "D" - Tốc độ dòng chảy ở 500 ± 5 ml/min: tĩnh mạch từ 114 ± 2 ml/phút đến 117 ± 2 ml/phút; động mạch từ -128 ± 2 ml/phút đến -116 ± 2 ml/phút - Bộ phận đi kèm: 1 ống thông 1 kim luôn 1.3mm OD x 1.0mm ID x 70mm (18GA) 1 đầu dây dẫn J (R 3 mm) 0.97 mm x 70 cm 1 que tạo hầm, đường hầm, 1 ống hầm 1 que nong: 4.7mm OD x 0.99mm ID x 15cm (14F) 1 van siêu âm dẫn đường: 5.0mm ID x 14cm (15F) 1 dao mổ, 2 nút đậy - Thẻ tích mỗi: từ 1.9 đến 2.0 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	210

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
132	Catheter lọc máu hai nòng dùng cho trẻ em	Catheter lọc máu hai nòng dùng cho trẻ em - Catheter Polyurethan 6.5Fr hoặc 8.5Fr dài 11 ± 1 cm, loại thẳng - Dây nối mỗi nòng làm bằng vật liệu silicon trong suốt - Dây dẫn đường Nitinol đầu J 0.018" x 45cm, 0.035" x 70cm - Cây nong 7Fr hoặc 9Fr, dài 10 - 12cm - Bơm tiêm luer 5ml - Kim dẫn đường 21G x (4-5) cm hoặc 18G x (7-8) cm - Dao mổ số 11 - Tốc độ dòng: V = 81-104ml/phút, A = 77-98ml/phút hoặc V = 155-198ml/phút, A = 148-190ml/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	bộ	17
133	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 đường dùng bằng polyurethane, cỡ 20G, 22G dài 13 - 15cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 đường dùng cho trẻ em - Catheter polyurethane, dây dẫn bằng hợp kim Nickel-Titan - Catheter size 20G x 1.15mm, size 22G x 0.9mm, dài 13 - 15cm, dây dẫn dài 45cm x 0.018" (0.45mm) - Cây nong 4Fr x 5cm, kim dẫn đường 21G x 4cm - Có đường cản quang, dây dẫn đầu J mềm linh hoạt chống gập - Tốc độ dòng: 20G khoảng (15 - 25ml/ph); 22G khoảng (7.2 - 11.25ml/ph), bơm tiêm - Tiêu chuẩn: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	5
134	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường dùng bằng polyurethane, cỡ 4Fr, 5Fr dài 6cm, 8cm, 13cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường trẻ em 4Fr cỡ nòng 20Ga, 22Ga và 5Fr cỡ nòng 18Ga, 20Ga - Chất liệu: Catheter polyurethane có cản quang, dây dẫn làm bằng hợp kim Nickel-Titan, chống gãy gập - Catheter 4Fr dài 6cm và 8cm, cây nong 5Fr x 6cm - Catheter 5Fr dài 8cm và 13cm, cây nong 6Fr x 7cm, - Dây dẫn 0.018" x 45cm, bơm tiêm, kim thẳng 21G x 4cm - Tốc độ dòng: 4Fr (15-30ml/ph; 5Fr (15-45ml/ph) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	30
135	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường dùng bằng polyurethane, cỡ 7Fr, dài 15 - 16cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường - Catheter bằng polyurethane, có cản quang, đường kính ngoài 7Fr, chiều dài 15 - 16cm. Catheter có 2 nòng, kích cỡ (14G/16G) hoặc (16G/16G) - Không DEHP - Kim dẫn 18G chữ Y (hoặc hình 3 chạc) - Dây kim loại dẫn đường dài tối thiểu 50cm, đầu chữ J - Có dao mổ, kim nong và bơm tiêm - Tốc độ dòng: ≥ 50 ml/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	200
136	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường dùng bằng polyurethane, cỡ 7Fr, dài 15 - 20cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường - Catheter bằng polyurethane, có cản quang, đường kính ngoài 7Fr, chiều dài 15 - 20cm. Catheter có 2 nòng, kích cỡ 18G, 14G. - Kim dẫn 18G chữ V, có van ngăn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí; - Dây kim loại dẫn đường dài khoảng 50cm, đầu chữ J - Đầu nối catheter có van 2 chiều - Có dao mổ và kim nong bằng nhựa - Có dụng cụ cố định catheter - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.200

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
137	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, phủ thuốc polyhexanide, cỡ 7Fr, dài 15 - 16cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường - Catheter bằng polyurethan, có phủ thuốc Polyhexanide kháng khuẩn, có cán quang. Đường kính ngoài 7Fr. Chiều dài 15 - 16cm, có vạch đánh dấu chiều dài catheter. Catheter có 2 nòng, kích cỡ nòng G16, G16 - Kim dẫn 18G chữ V sắc bén, có van ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí; - Dây kim loại dẫn đường dài khoảng 50cm, đầu chữ J - Đầu nối catheter có van 2 chiều - Có dao mổ và kim nong bằng nhựa - Có dụng cụ cố định catheter - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	400
138	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường bằng polyurethane, 7F, 15 - 16cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường - Catheter bằng polyurethane, có cán quang, đường kính ngoài 7Fr, chiều dài 15 - 16cm. Catheter có 3 nòng, kích cỡ 18G, 18G, 16G - Không DEHP - Kim dẫn 18G chữ Y - Dây kim loại dẫn đường dài tối thiểu 50cm, đầu chữ J - Có dao mổ và kim nong - Tốc độ dòng: 20 - 72 ml/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	50
139	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường bằng polyurethane, cỡ 7Fr, dài 15-16cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường - Catheter bằng polyurethane, có cán quang, đường kính ngoài 7Fr, chiều dài 15 - 16cm. Catheter có 3 nòng, kích cỡ 18G, 18G, 16G - Kim dẫn 18G chữ V, có van ngăn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí; - Dây kim loại dẫn đường dài khoảng 50cm, đầu chữ J - Đầu nối catheter có van 2 chiều, - Có dao mổ và kim nong bằng nhựa - Có dụng cụ cố định catheter - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	400
140	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng Polyurethan, cỡ 7Fr, dài 15 - 20cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường - Nguyên liệu: Polyurethane - Kích cỡ 7Fr, chiều dài 15 - 20cm, catheter có 3 nòng - Kim dẫn 18G chữ V, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí - Dây kim loại dẫn đường đầu chữ J dài 50cm, mềm dẻo, tránh vận xoắn - Đầu nối catheter có valve 2 chiều - Có dao mổ - Có dây cáp định vị đầu catheter bằng sóng ECG - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE(Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	350
141	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng polyurethane 4.5Fr, 5.5Fr dài 6cm, 8cm, 13cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường trẻ em 4.5Fr, 5.5Fr cỡ nòng 20Ga, 22Ga, 22Ga - Chất liệu: Catheter polyurethane, có cán quang, dây dẫn làm bằng hợp kim Nickel-Titan, chống gãy gập - Catheter 4.5Fr dài 6cm và 8cm, cây nong 5Fr x 6cm - Catheter 5.5Fr dài 8cm và 13cm, cây nong 6Fr x 7cm - Dây dẫn 0.018" x 45cm, bơm tiêm, kim thẳng 21G x 4cm - Tốc độ dòng 4.5Fr (15-36ml/ph); 5.5Fr là (20-42 ml/ph) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	225

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
142	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng polyurethane, phủ thuốc polyhexanide, 7Fr, dài 20cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường - Catheter bằng chất liệu polyurethan, có phủ thuốc Polyhexanide kháng khuẩn, đường kính ngoài 7F, chiều dài 20cm; 3 nòng, kích cỡ nòng 16G, 18G, 18G - Kim dẫn 18G chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí; dây kim loại dẫn đường dài 50cm, đầu chữ J - Đầu nối catheter có valve 2 chiều, có dao mổ và kim nong bằng nhựa - Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.100
143	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, phủ chlorhexadine và silver sulfadiazine, 7Fr, dài 16cm hoặc 20cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường phủ thuốc, bao gồm các bộ phận sau: - Catheter bằng polyurethane, không chứa latex, cản quang, có phủ thuốc kháng khuẩn chlorhexidine và silver sulfadiazine lòng trong catheter, đầu catheter mềm. - Kích cỡ: 7Fr, dài 16cm hoặc 20cm - Cấu tạo gồm 3 nòng, kích cỡ nòng 18G, 18G, 16G - Dây dẫn đường lò xo khoảng 60cm có đầu cong chữ J - 1 kim dẫn 18G - 1 kim đo áp lực tĩnh mạch - 1 bơm tiêm 5 ml, trên thân có lỗ luồn dây dẫn đường - 1 cây nong 8.5F x (10±0.2)cm - Có dụng cụ cố định catheter - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	850
144	Catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ ngoại vi, cỡ 24G	Catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ ngoại vi dùng để truyền thuốc, dịch và thức ăn cho trẻ sơ sinh - 01 catheter chất liệu polyurethane, cỡ 2Fr/24G, dài 30 ± 1 cm - Tốc độ truyền dịch 4.5 - 5.0 ml/phút - Thể tích mỗi dịch ban đầu khoảng 0.11 - 0.13ml - 01 kim dẫn đường cỡ 20G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	20
145	Catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ ngoại vi, cỡ 28G	Catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ ngoại vi dùng để truyền thuốc, dịch và thức ăn cho trẻ sơ sinh - 01 catheter chất liệu polyurethane, cỡ 1Fr/28G, dài 20 ± 1 cm, trên thân có vạch chia mỗi cm, có cánh cố định - Tốc độ truyền dịch 0.7 - 0.8 ml/phút - 01 kim dẫn đường cỡ 24G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	35
146	Catheter tĩnh mạch trung tâm phủ thuốc 4 đường	Catheter tĩnh mạch trung tâm phủ thuốc 4 đường, dài 20cm - Chất liệu bằng Polyurethane, phủ thuốc kháng khuẩn AGB - Catheter có đường kính ngoài 8.5Fr, kích cỡ nòng 16G, 14G, 18G, 18G - Dây kim loại dẫn đường lò xo, tránh vặn xoắn - Đường kính 0.80-0.82mm, chiều dài khoảng 60cm, có đầu thẳng, đầu cong chữ J, định vị bằng ECG - Kim dẫn đường thẳng, 18G, dài 6.3 - 6.4cm - Bơm tiêm 5ml, cây nong 9Fr, đường kính 3.0mm dài 10 -11cm - Nắp đậy không lỗ, kẹp Catheter - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	15

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
147	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó dùng 1 lần	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó, dùng 1 lần - Bảng nhựa PVC - Đường kính: 3.3mm hoặc 5.0mm; dài 700 - 800mm - Cây có 1 đầu cong nhẹ dạng Bougie - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	610
148	Cây thông nòng đặt nội khí quản	Cây thông nòng đặt nội khí quản - Chất liệu: lõi bằng aluminum dễ uốn, vỏ bằng plastic trơn - Đầu que mềm hạn chế được việc gây tổn thương - Kích cỡ: * Cỡ 6 dài $280 \pm 05\text{mm}$ tương thích ống nội khí quản cỡ 2.5 đến 4.5 * Cỡ 10 dài $350 \pm 05\text{mm}$ tương thích ống nội khí quản cỡ 4.0 đến 6.0 * Cỡ 14 dài $350 \pm 05\text{mm}$ tương thích ống nội khí quản >5.0 trở lên - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	690
149	Chăn làm ấm thân trên, người lớn	Chăn làm ấm thân trên, người lớn - Vật liệu gồm màng polyethylene bên trong và lớp vải không dệt bên ngoài, chống thấm dịch, chống rách, không có chất cao su gây dị ứng - Tia X xuyên qua chăn không bị cản trở. - có 3 lớp (lớp chống thấm bên trên, lớp liên kết chống phồng ở giữa, và lớp phân phối khí ấm với nhiều lỗ nhỏ bố trí đều nhau), cho phép chăn ôm sát và phân bố luồng không khí đều. - Kích thước: (205-209) x (70-75) cm (chưa căng phồng); (180-185) x (60-65) cm (đã căng phồng) - Có hai vị trí kết nối ống thổi linh hoạt - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Tương thích máy sưởi ấm người bệnh WarmTouch hiện có tại Bệnh viện	Cái	200
150	Chăn làm ấm toàn thân người lớn	Chăn làm ấm toàn thân người lớn. - Vật liệu gồm màng polyethylene bên trong và lớp vải không dệt bên ngoài, chống thấm dịch, chống rách, không có chất cao su gây dị ứng - Tia X xuyên qua chăn không bị cản trở hoặc ảnh hưởng. - có 3 lớp (lớp chống thấm bên trên, lớp liên kết chống phồng ở giữa, và lớp phân phối khí ấm với nhiều lỗ nhỏ bố trí đều nhau), cho phép chăn ôm sát và phân bố luồng không khí đều, dễ dàng thăm khám mạch và nhịp tim. - Kích thước: (100-105) x (200-205) cm (chưa căng phồng); (82-85) x (185-200) cm (đã căng phồng) - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Tương thích máy sưởi ấm người bệnh WarmTouch hiện có tại Bệnh viện	Cái	1.800
151	Chỉ thị hóa học đa thông số dùng cho tiệt khuẩn hơi nước, cỡ 5.1 x 1.9cm ($\pm 3\%$)	Chỉ thị hóa học đa thông số nhóm 5 (nhiệt độ, thời gian, hơi nước) dùng kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn của gói dụng cụ - Thành phần: Giấy 75%, Aluminum 8%, Salicylamide 2-3%, mực 5%, polypropylene 4%; ($\pm 5\%$) - Kích thước: 5.1 x 1.9cm ($\pm 3\%$) - Áp dụng cho quy trình tiệt khuẩn hơi nước 132 - 134°C và 121°C - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu) và ISO 11140-1	miếng	148.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
152	Chỉ thị hóa học đa thông số dùng cho tiệt khuẩn hơi nước, cỡ 7.0 x 2.5cm ($\pm 3\%$)	Chỉ thị hóa học đa thông số nhóm 5 (nhiệt độ, thời gian, hơi nước) dùng kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn của gói dụng cụ - Thành phần: giấy, mực in chỉ thị - Kích thước: 7.0 x 2.5cm ($\pm 3\%$) - Áp dụng cho quy trình tiệt khuẩn hơi nước 132 - 134°C và 121°C - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	miếng	77.000
153	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa khử khuẩn, kích thước 100 x 50mm ($\pm 05\%$)	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa khử khuẩn - Chất thử tổng hợp mô phỏng chất bẩn - Lắp vào khay giá đỡ - Kích thước: 100 x 50mm ($\pm 05\%$) - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau rửa máy - Tiêu chuẩn CE (tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	500
154	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa khử khuẩn, kích thước 90 x 25mm (05%)	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa khử khuẩn - Chất thử tổng hợp mô phỏng chất bẩn - Lắp vào khay giá đỡ - Kích thước: 90 x 25mm ($\pm 05\%$) - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau rửa máy - Tiêu chuẩn CE (tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	1.000
155	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp H ₂ O ₂ , cỡ 70 x 22 mm ($\pm 05\%$)	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp H ₂ O ₂ - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được chỉ thị hóa học trước - sau tiệt khuẩn - Kích thước: 70 x 22 mm ($\pm 05\%$) - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Que	4.500
156	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp H ₂ O ₂ , cỡ 105 x 20 mm ($\pm 05\%$)	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp H ₂ O ₂ - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được chỉ thị hóa học trước - sau tiệt khuẩn - Kích thước: 105 x 20 mm ($\pm 05\%$) - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Que	3.500
157	Chỉ thị hóa học kiểm tra chất lượng máy rửa dụng cụ sóng siêu âm, cỡ 89 x 25mm ($\pm 5\%$)	Chỉ thị hóa học kiểm tra chất lượng máy rửa dụng cụ sóng siêu âm - Chất thử tổng hợp mô phỏng mô và máu người - Kích thước: 89 x 25mm ($\pm 5\%$) - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau rửa máy - Tiêu chuẩn chất lượng CE (tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	1.200
158	Chỉ thị hóa học kiểm tra chất lượng máy rửa dụng cụ sóng siêu âm, cỡ 40 x 10mm ($\pm 5\%$)	Chỉ thị hóa học kiểm tra chất lượng máy rửa dụng cụ sóng siêu âm - Chất thử có chứa mẫu công thức thử nghiệm tổng hợp khô màu đỏ được in trên - Kích thước: 40 x 10mm ($\pm 5\%$) - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau rửa máy - Tiêu chuẩn chất lượng CE (tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	600

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
159	Chỉ thị hóa học tiết khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide	Chỉ thị hóa học dành cho quy trình tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide - Kích thước: 1.5 x 20cm (±5%) - Thành phần: Giấy in thông tin và mực chỉ thị - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau tiệt khuẩn - Vạch màu thay đổi từ màu đỏ sang màu xanh sau khi qua tiệt khuẩn - Không chứa chì, kim loại nặng - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Que	730
160	Chỉ thị sinh học dành cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp H2O2	Chỉ thị sinh học kiểm tra tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Thành phần: Vỏ nhựa, nắp được hàn kín * Ống đóng sẵn có chứa bào tử Geobacillus sterothermophilus * Chỉ thị hóa học trên ống có đổi màu rõ, phân biệt được rõ ràng chỉ thị sinh học trước và sau tiệt khuẩn - Thời gian tiêu diệt bào tử ở 57 độ, thời gian ≥ 20 phút - Cho kết quả sau khi ủ sau 15- 30 phút - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Ống	950
161	Chỉ thị sinh học dành cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp H2O2, bằng polyethylene	Chỉ thị sinh học kiểm tra tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Thành phần: * ống và nắp là polypropylene * Giấy lọc ở nắp: sợi polyethylene * Ống đóng sẵn có chứa bào tử Geobacillus sterothermophilus * Chỉ thị hóa học trên ống có đổi màu rõ, phân biệt được rõ ràng chỉ thị sinh học trước và sau tiệt khuẩn - Cho kết quả sau khi ủ sau 15- 30 phút - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Ống	940
162	Chỉ thị sinh học tiết khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide	Chỉ thị sinh học kiểm tra tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide - Thành phần: * Ống đóng sẵn chứa bào tử Bacillus Atrophaeus * Chỉ thị hóa học trên ống chỉ thị có đổi màu rõ, phân biệt được rõ ràng chỉ thị sinh học trước và sau tiệt khuẩn - Cho kết quả sau khi ủ ≤ 4 giờ - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Ống	900
163	Chỉ thị sinh học, kiểm tra tiệt khuẩn hơi nước	Chỉ thị sinh học dùng cho kiểm soát khô của tiệt khuẩn hơi nước - Thành phần: Ống nhựa 50-60%, nắp Polypropylene 20 - 25%, Dung dịch nuôi cấy 10 - 15%, Ống thủy tinh Borosilicate 5-10 %, Process Aid < 5%, Nhãn < 2%, Nylon Nonwoven < 2%; (±5%) * Ống đóng sẵn chứa bào tử Geobacillus stearothermophilus * Chỉ thị hóa học trên ống có đổi màu rõ và phân biệt được chỉ thị hóa học trước - sau tiệt khuẩn - Cho kết quả sau khi ủ 20-30 phút - Dùng cho chương trình tiệt khuẩn 132°C - 135°C - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Ống	1.300
164	Chỉ thị sinh học, kiểm tra tiệt khuẩn hơi nước, lọc bằng giấy y tế	Chỉ thị sinh học dùng cho kiểm soát khô của tiệt khuẩn hơi nước - Thành phần: * ống và nắp: polypropylene * lọc ở nắp: Giấy y tế * Ống đóng sẵn chứa bào tử Geobacillus stearothermophilus * Chỉ thị hóa học trên ống có đổi màu rõ và phân biệt được chỉ thị hóa học trước - sau tiệt khuẩn - Cho kết quả sau khi ủ 20-30 phút - Dùng cho chương trình tiệt khuẩn 121°C - 135°C - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu) 30	Ống	600

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
165	Đai cổ chân	Đai cổ chân hỗ trợ chấn thương khớp cổ chân nhẹ nhàng, dùng trong các trường hợp viêm khớp, giãn dây chằng, các cỡ - Chất liệu: Neoprene tự dính, khóa Velcro - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	24
166	Đai cố định xương đòn	Đai cố định xương đòn sử dụng cố định xương đòn trong chấn thương gãy xương đòn, trật khớp cùng đòn - Chất liệu: đệm mút, vải cotton mềm - Định hình ôm quanh phần xương đòn và nách, dây đai có khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích cỡ tương ứng số đo vòng ngực: 61-75cm, 76-85cm, 86-95cm, 96-105cm, 105-150cm. - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	80
167	Đai cột sống lưng, chất liệu thun lưới	Đai cột sống lưng, chất liệu thun lưới hỗ trợ cột sống vùng thắt lưng sau phẫu thuật, dự phòng tổn thương cột sống, đau nhức cột sống vùng thắt lưng cấp và mãn tính. - 4 thanh nẹp đàn hồi được uốn theo đường cong cơ thể và vải thun lưới. Có hai dây chun ở hai bên có tác dụng bó chặt vào vùng thắt lưng bằng khóa Velcro (băng nhám dính) - Chiều cao 22cm, kích cỡ tương ứng với vòng eo: 50-65 cm, 65-80 cm, 80-95cm, 95-110cm, 110-125cm - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	130
168	Đai cột sống lưng, chất liệu vải thun	Đai cột sống lưng hỗ trợ, phòng ngừa các chấn thương vùng cột sống lưng - Chất liệu: vải thun y tế hoặc Linen dạng lưới, có các thanh Plastic cố định cột sống. Tích hợp hạt gốm sinh học phát ra tia hồng ngoại xa giúp thúc đẩy quá trình tuần hoàn máu, có 2 dây đai - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	350
169	Đai đầu gối	Đai đầu gối dùng trong hỗ trợ, phòng ngừa các chấn thương đầu gối, hỗ trợ vận động chơi thể thao. - Chất liệu: Neoprene tự dính, băng nhám dính. - Cao khoảng 21 - 22cm, dài khoảng 68 - 70cm - Kích cỡ tương thích chu vi gối 25 - 55cm - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	17
170	Đai đầu gối hỗ trợ	Đai đầu gối hỗ trợ phòng ngừa các chấn thương đầu gối - Chất liệu: Vải thun co giãn 4 chiều có độ đàn hồi và độ bền cao, chống trượt. - Kích thước: S (27 - 32cm) M (32 - 37cm) L (37 - 42cm) XL (42 - 47cm) - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	200
171	Đai đầu gối, bằng vải	Đai đầu gối cứng phòng ngừa các chấn thương đầu gối, có thể điều chỉnh áp lực - Chất liệu: vải Hi-prene giúp giữ ấm, giữ ẩm, co giãn tốt theo 4 hướng. Giúp đỡ mô hồi, lưu thông máu và giảm phù nề - Rộng khoảng 70 - 102cm - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100
172	Đai hơi cổ chân	Đai hơi cổ chân hỗ trợ sau mổ, sau bó bột đầu dưới hai xương cẳng chân, điều trị gãy mắt cá chân trong, ngoài, phù hợp cho cả chân trái và phải - Chất liệu: PE, PP, đệm xốp, miếng dán velcrocell và bơm hơi. - Cấu tạo: 2 miếng ốp PP có hình dáng phù hợp bên trong và bên ngoài khớp cổ chân, 2 bao hơi PE, có đệm xốp, kết nối bằng keo dán với ốp PP, 2 đai dán velcrocell, bơm hơi 2 đầu - Kích thước: cao khoảng 25 ± 0.1 cm	Cái	20
173	Đai khuỷu tay	Đai khuỷu tay hỗ trợ các chấn thương vùng khuỷu tay cứng - Chất liệu: vải Hi-prene giúp giữ ấm, giữ ẩm, co giãn tốt. Có tấm lót bên trong cố định vùng khuỷu tay - Kích thước: cao khoảng 6 - 7cm - tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
174	Đai treo tay	Đai treo tay sử dụng trong trường hợp tổn thương khớp vai sau tai biến mạch máu não, gãy xương, chấn thương cẳng tay, khớp vai, cánh tay hoặc khuỷu tay, hỗ trợ tay ở trạng thái nghỉ. - Chất liệu: Vải cotton. - Có khóa Velcro (băng nhám dính) để cố định đai. - Kích thước: tương ứng độ dài từ khuỷu tay đến bàn tay: 25-28cm, 28-31cm, 31-34cm, 34-37cm, 37-40cm, > 40cm. - tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	190
175	Dao mổ cùnng mạc, 15 độ	Dao mổ cùnng mạc, tạo đường hầm 15 độ - Chất liệu: thép không gỉ - 2 mặt vát, cạnh mài ngang - Cán dao bằng nhựa, có vị trí giúp chống trượt - Lưỡi dao thẳng và siêu bền - Tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) và FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	bộ	1.000
176	Đầu đo cung lượng tim tương thích với monitor EV 1000	Đầu đo cung lượng tim tương thích với monitor EV 1000 tại Bệnh viện - Theo dõi huyết động ít xâm lấn, cung cấp các chỉ số huyết động chuyên sâu: CCO, CCI, SV, SVI, SVV, DO2 - Bộ cảm biến với dây áp lực dài 60 inch (152cm), các chỉ số huyết động được tự động cập nhật với tần suất mỗi 20 giây/ lần. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	195
177	Đầu nối an toàn không kim, chịu áp lực cao, thể tích mỗi dịch 0.04 - 0.05ml	Đầu nối an toàn không kim - Cấu tạo: Lốp vỏ ngoài bằng polycarbonat, van bằng silicone y tế, không chứa DEHP. Van dạng lò xo hoặc vách ngăn đôi, mặt van phẳng, đóng kín trước và sau khi tiêm truyền, Đầu nối luer lock, tương thích với các loại catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ - Chiều dài: $3 \pm 0.5\text{cm}$ - Thể tích mỗi dịch 0.04 - 0.05ml - Tốc độ dòng chảy tối thiểu 160ml/phút - Chịu được áp lực $\geq 325\text{psi}$ - Số lần sử dụng ≥ 200 lần tiêm truyền - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	30.000
178	Đầu nối an toàn không kim, chịu áp lực cao, thể tích mỗi dịch 0.08 - 0.1ml	Đầu nối an toàn không kim - Cấu tạo: Lốp vỏ ngoài bằng polycarbonat, van bằng silicone y tế, không chứa DEHP. Van dạng lò xo hoặc vách ngăn đôi, mặt van phẳng, để sát trùng, đóng kín trước và sau khi tiêm truyền, Đầu nối luer lock, tương thích với các loại catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ - Chiều dài: $3 \pm 0.5\text{cm}$ - Thể tích mỗi dịch 0.08 - 0.1ml - Tốc độ dòng chảy tối thiểu 160ml/phút - Chịu được áp lực khoảng 250 - 300psi - Số lần sử dụng ≥ 200 lần tiêm truyền - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	40.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
179	Đầu nối ống thông dùng trong thăm phân phúc mạc, kết nối giữa bộ chuyển tiếp và ống thông	Đầu nối ống thông dùng trong thăm phân phúc mạc, kết nối giữa bộ chuyển tiếp và ống thông - Chất liệu bằng titanium - Đường kính trong 1.04" - 1.30" (2.64 - 3.30 mm), đường kính ngoài 1.92" - 2.00" (4.88 - 5.08 mm) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	35
180	Đầu phun khí dung	Đầu phun khí dung - Kích thước: 67 x 48 x 25 mm ($\pm 10\%$) - Khối lượng: ≤ 14 gr - Thể tích chứa thuốc: 6 - 7ml - Kích thước hạt trung bình: 3.0 - 3.2 μm - Tốc độ phun thuốc: > 0.2 mL/phút - Thể tích cần thấp: < 0.1 ml khi phun 3ml thuốc - Độ ồn khi hoạt động: < 35 dB	Cái	200
181	Dây cáp đo huyết áp động mạch xâm lấn, tương thích máy EV1000	Dây cáp đo huyết áp động mạch xâm lấn - Gồm bộ cảm biến đo áp lực, ống xả, bộ dẫn truyền tĩnh mạch, dây dẫn 48inch và 12inch, 2 khóa 3 ngã - Tương thích máy EV1000 của Bệnh viện	Bộ	290
182	Dây máy thở cho người lớn tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001	Dây máy thở cho người lớn - Tích hợp với dây đốt nhiệt dành cho người lớn (đường kính 22mm) - Chiều dài: 1.5m - Lưu lượng dòng chảy: 10-60L/phút - Thời gian sử dụng tối đa 14 ngày - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001 (vincent) của Bệnh viện	cái	250
183	Dây nịt túi hậu môn nhân tạo	Dây nịt túi hậu môn nhân tạo - Chiều dài: khoảng 58 - 110cm - Có 2 mặt, một mặt mềm tiếp xúc với da để tạo cảm giác mềm mại khi mang. Mặt còn lại hơi thô và không dính vào áo quần khi mang - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	130
184	Dây nối chữ T đi kèm dây truyền 150cm $\pm$ 0.5cm	Dây nối áp lực cao chữ T có 2 van một chiều dùng cho ống bơm tiêm cân quang 2 nòng - Chất liệu: nhựa PVC, không chứa DEHP - Chiều dài: khoảng 150 $\pm$ 0.5cm, đường kính trong 1.5 - 2.0 mm - Chịu áp lực ≥ 300 psi - Trong suốt, dạng xoắn chống gập, đầu nối luer lock an toàn, chống rò rỉ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tương thích ống bơm tiêm cân quang của máy bơm tiêm điện CT Imaxeon Salient (hai nòng) của Bệnh viện	cái	350
185	Dây nối dùng cho bơm tiêm cân quang, cỡ 30 $\pm$ 01cm	Dây nối dùng cho bơm tiêm cân quang - Chất liệu PVC, không có chất phụ gia DEHP - Chiều dài: 30 $\pm$ 01cm, đường kính trong 03 $\pm$ 01 mm - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Đầu nối Luer Lock - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	25.500

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
186	Dây nối dùng truyền thuốc qua bơm tiêm điện, dài 140 ± 5cm	Dây nối dùng trong truyền thuốc qua bơm tiêm điện - Chất liệu: PVC, không có chất phụ gia DEHP, trong suốt, chống xoắn - Chiều dài: 140 ± 5cm, đường kính trong 0.8 - 1.0mm, đường kính ngoài 1.8 - 2.0mm - Thể tích đui khí ≤ 1ml - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Đầu nối male và female, tương thích với các loại bơm tiêm và catheter - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu) - Yêu cầu khi sử dụng: mềm dẻo, đảm bảo không rò rỉ	Cái	45.000
187	Dây nối dùng truyền thuốc qua bơm tiêm điện, dài 150 ± 5cm	Dây nối dùng trong truyền thuốc qua bơm tiêm điện - Chất liệu: PVC, không Pyrogenic, trong suốt, chống xoắn - Chiều dài: 150 ± 5cm, đường kính trong khoảng 1.0 - 1.3mm, đường kính ngoài khoảng 2.0 - 2.5mm - Thể tích đui khí ≤ 1ml - Kháng lực ≥ 18.5 psi hoặc tương đương - Áp lực hút 450mmHg hoặc tương đương - Đầu nối male và female, tương thích với các loại bơm tiêm và catheter, dây có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu, có màu đỏ phân biệt đầu ra, đầu vô - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO - Yêu cầu khi sử dụng: mềm dẻo, đảm bảo không rò rỉ	Cái	10.000
188	Dây nối oxy dài tối thiểu 2m	Dây nối oxy - Chất liệu: nhựa PVC pha silicone trung tính - Đường kính lòng ống khoảng 6 ± 0.2mm, chiều dài tối thiểu 2m - Đầu nối tương thích với các dụng cụ cung cấp và hệ thống oxy nguồn của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	825
189	Dây truyền dịch	Dây truyền dịch dùng trong liệu pháp tiêm truyền cho người bệnh - Chất liệu PVC, không có chất phụ gia DEHP - Chiều dài dây: 180 ± 5cm, đường kính trong 3 ± 0.1mm, đầu khóa vận xoắn Luer Lock - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm, màng lọc dịch 15µm, van thông khí có màng lọc vi khuẩn 99,9% - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Tương thích với đầu nối catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ dịch - Có bộ phận điều chỉnh giọt kiểu con lăn - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	3.000
190	Dây truyền dịch có bộ điều chỉnh tốc độ, dài khoảng 150 ± 1cm	Dây truyền dịch có bộ phận chỉnh tốc độ dịch truyền - Chất liệu: PVC, không chứa DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Chiều dài: khoảng 150 ± 1cm, đường kính trong khoảng 3 ± 0.1mm, đầu nối dạng khóa xoắn vận - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm, màng lọc dịch khoảng 15-16µm, van thông khí có màng lọc vi khuẩn - Có khóa dừng, bộ phận điều chỉnh tốc độ 3ml/h - 270ml/h - Tương thích với các loại dây nối, catheter, đảm bảo không rò rỉ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	250

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
191	Dây truyền dịch đuối khí tự động	Dây truyền dịch dùng trong liệu pháp tiêm truyền cho người bệnh - Chất liệu: PVC, không chứa DEHP - Chiều dài dây: 180 ± 5cm, đường kính trong khoảng 3 ± 0.1mm, có cửa tiêm thuốc an toàn, đầu nối dạng khóa xoắn vặn - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm, màng lọc dịch khoảng $15\mu\text{m}$, van thông khí có màng lọc vi khuẩn - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Có chức năng tự động: đuối khí, ngưng truyền khi hết dịch - Tương thích với đầu nối catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ dịch - Có bộ phận điều chỉnh giọt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	517.000
192	Dây truyền dịch đuối khí tự động có kẹp khóa trên dây	Dây truyền dịch dùng trong liệu pháp tiêm truyền cho người bệnh - Chất liệu: PVC, không chứa DEHP - Chiều dài dây 180 ± 5cm, đường kính trong khoảng 3 ± 0.1mm, có cửa tiêm thuốc an toàn là cổng kết nối không kim, đầu khóa vặn xoắn Luer Lock - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm, với màng lọc Hydrophilic kích cỡ $15\mu\text{m}$ - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Có chức năng tự động: đuối khí, ngưng truyền khi hết dịch với tốc độ truyền 20 giọt/ml, thể tích đuối khí 18ml - Nắp đậy đuối dây truyền với màng lọc Hydrophobic 1.2 micron cho phép tự động đuối khí chỉ bằng 1 tay - Tương thích với đầu nối catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ dịch - Có bộ phận điều chỉnh giọt và 1 kẹp khóa trên dây - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	20.200
193	Dây truyền dịch tránh ánh sáng, dài khoảng 180 ± 5 cm	Dây truyền dịch tránh ánh sáng dùng trong tiêm truyền hóa chất điều trị ung thư - Chất liệu: PUR, không chứa DEHP, tránh ánh sáng - Chiều dài dây: khoảng 180 ± 5cm, đường kính trong khoảng 3 ± 0.1mm, đường kính ngoài khoảng 4mm, có cửa tiêm thuốc an toàn, đầu nối dạng khóa xoắn vặn - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm, màng lọc dịch khoảng $15-16\mu\text{m}$, van thông khí có màng lọc vi khuẩn - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Có chức năng tự động: đuối khí, ngưng truyền khi hết dịch - Tương thích với đầu nối catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ dịch - Có bộ phận điều chỉnh giọt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	500
194	Dây truyền máu đầu tron	Dây truyền máu đầu tron - Chất liệu: PVC - Chiều dài: 160 - 165cm - Bầu đếm giọt: bằng Polypropylene, gồm 2 ngăn cứng và mềm, trong suốt, có màng lọc bằng PET, kích thước mắt lưới lọc 175 - 210μ, 20 giọt/ml - Đầu nối male, đầu tron, tương thích với đầu nối catheter hoặc dây nối, có kim 18G - Có bộ phận điều chỉnh giọt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	12.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
195	Dây truyền máu đầu xoắn	Dây truyền máu đầu xoắn - Chất liệu: Polyamide - Chiều dài: 180 - 185cm, đường kính trong khoảng 3 ± 0.1mm, đường kính ngoài khoảng 4 ± 0.1mm - Bầu đếm giọt: gồm 2 ngăn cứng và mềm, trong suốt, diện tích màng lọc 11cm², kích thước mắt lưới màng lọc 200μ, đầu lấy máu mũi tù, trong suốt, có nắp bảo vệ - Đầu nối male, kiểu xoắn vặn, tương thích với đầu nối catheter hoặc dây nối - Có bộ phận điều chỉnh giọt, có chức năng đuổi khí tự động - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	7.400
196	Đế băng dán túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh	Đế băng dán túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh - Chất liệu: Hydrocolloid - Đường kính vòng gắn 70 ± 1mm, vòng cắt tối đa 57mm - Đế dán vào da có độ pH 4.0 - 5.5 - Thời gian sử dụng tối thiểu >3 ngày - Dùng với túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh cùng hãng - Không gây kích ứng da, không tồn dư keo trên da sau khi tháo - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	400
197	Đế lõi hậu môn nhân tạo 2 mảnh	Đế lõi hậu môn nhân tạo 2 mảnh - Chất liệu: Hydrocolloid - Đường kính vòng gắn 70mm - Cấu tạo: + Đế lõi có phần lõi ra ngoài tạo được áp lực lên vùng da xung quanh hậu môn nhân tạo + Đế dán vào da có độ pH 4.0 - 5.5 + Đế có phần gắn kết với túi có thể nhấc lên khi gắn - Dùng với túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh cùng hãng - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	200
198	Đè lưỡi gỗ	Đè lưỡi gỗ dùng trong thăm khám vùng hầu họng - Chất liệu: gỗ thông hoặc gỗ tự nhiên - Kích cỡ: 150 x 20 x 2mm ($\pm 05\%$) - Đặc điểm: trơn láng, không bén cạnh, không trầy xước - Tiệt khuẩn - tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	136.000
199	Điện cực dán đo dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	Điện cực dán đo dẫn truyền thần kinh vận động - Chất liệu: bạc / bạc chloride (Ag/AgCl) và gel rắn - Kích thước điện cực: 470 - 475mm² - Diện tích ghi 50 - 55mm², dây dài khoảng 1.2 - 1.5m - Mỗi điện cực với dây dẫn mã màu đỏ, xanh lá cây và màu đen - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cặp	1.300
200	Điện cực đất dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	Điện cực đất chống nhiễu dùng trong đo vận động, khảo sát kim EMG - Chất liệu: bạc / bạc chloride (Ag/AgCl) và gel rắn - Kích thước: Dây dài khoảng 1.5 - 2.0m - Diện tích tiếp xúc: khoảng 1240 - 1245mm² - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	750

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
201	Điện cực nhẵn dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	Điện cực nhẵn đo dẫn truyền thần kinh cảm giác - Chất liệu: Thép không gỉ - Chiều dài khoảng 1.0 - 1.1m - Dây cáp: Cu/Sn với lớp cách nhiệt PVC - Đầu kết nối: Cu/Au với lớp cách nhiệt PE - Cặp điện cực nhẵn để ghi và kích thích điện được đánh dấu bằng các dây có màu khác nhau (đỏ và đen) để biểu thị các cực - 1 dây gồm 2 chấu và 2 điện cực âm dương - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	12
202	Dụng cụ cố định ống nội khí quản, chống cắn	Dụng cụ cố định ống nội khí quản, chống cắn - Cấu tạo: gồm 2 miếng dán cố định hai bên má người bệnh - Chất liệu: hydrocolloid, không chứa Latex - Băng cố định vùng gáy có thể tháo rời và thay thế, phần cố định ống nội khí quản có thể di chuyển được, tránh loét môi, có ống chống cắn - Dùng cho ống nội khí quản có đường kính khoảng 5 - 10mm - Thời gian sử dụng tối đa 7 ngày - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	2.000
203	Dụng cụ nâng cổ tử cung	Dụng cụ nâng cổ tử cung, giảm áp lực mở cổ tử cung ngừa sinh non - Chất liệu: silicon, đàn hồi có thể gấp lại - Đường kính ngoài: 65 - 70mm; đường kính trong: 32 - 35mm; chiều cao: 21 - 25mm - Có lỗ thoát dịch - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	60
204	Dụng cụ tập hít thở hoạt động kép	Dụng cụ tập hít thở hoạt động kép sử dụng tập luyện hít thở và tổng dờm, tăng chức năng phổi trước và sau phẫu thuật, ngăn ngừa các biến chứng về phổi như viêm phổi sau phẫu thuật - Cấu tạo: có 2 phần - Tập luyện cơ hít vào (IMT: tối đa 40 ±2 cmH2O) - Áp lực thở ra gắng sức (PEP: tối đa 20 ±2 cmH2O)	Cái	500
205	Dung dịch điều trị vết thương hở và giảm sẹo, dạng xịt	Dung dịch điều trị vết thương hở và giảm sẹo, dạng xịt - Thành phần: Dầu tự nhiên (dầu Neem, propane, butane) - Dung tích: ≥ 10ml - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Chai	30
206	Dung dịch dùng ngoài dạng xịt điều trị phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực	Dung dịch dùng ngoài dạng xịt điều trị phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực - Thành phần: Hexamethyldisiloxane khoảng 60 - 90%, Isooctane khoảng 8 - 15%, Acrylate Terpolymer khoảng 3 - 15%, Polyphenylmethyilsiloxane Copolymer khoảng 0.1 - 5%, không chứa cồn - Thời gian khô: <30 giây - Thời gian tác dụng kéo dài khoảng 70-75 giờ - Thể tích: khoảng 28 - 30ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Chai	1.800
207	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa loét do tỳ đè, dạng xịt	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa loét do tỳ đè, dạng xịt - Thành phần: acid béo (dầu ngô peroxide 98-99%) chứa: acid linoleic khoảng 60 - 65%, vitamin E, hương hạt hồi khoảng 1-5% - Đặc tính: phục hồi lớp hydrolipid bảo vệ da và thúc đẩy sự tái tạo lớp tế bào biểu bì, phục hồi màng lipid trên da - Thể tích: 20 - 25ml - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Chai	3.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
208	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết dạng kem	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, dạng kem - Thành phần: Nước: 40 – 70%; dầu dừa: 7 - 15%; Glycerol: 3 - 10%; Isopropyl palmitate: 3 - 10%; Poly(oxypropylene)stearyl ether: 3 - 10%; Paraffin Wax: 3 - 7%; Bis(1-methylheptyl) Adipate: 1 - 5%; Poly(dimethylsiloxane): 1 - 5%; Silicic acid, muối natri - Thời gian tác dụng khoảng 7-9 giờ - Trọng lượng 28 - 30g - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Ông	600
209	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực, 1ml	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực, 1ml - Thành phần: Hexamethyldisiloxane khoảng 65 - 90%, Isooctane khoảng 8 - 12%, Acrylate Terpolymer khoảng 3 - 12%, Polyphenylmethylsiloxane Copolymer khoảng 0.1 - 5%, không chứa cồn - Thời gian khô: <30 giây - Thời gian tác dụng kéo dài khoảng 70-75 giờ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Gói	2.000
210	Dung dịch kháng khuẩn và cân bằng ẩm	Dung dịch kháng khuẩn và cân bằng ẩm Thành phần gồm: Colloidal silver 2 - 3%, Hyaluronic acid sodium salt 0.2 - 0.3%, Silicon dioxide 4.5 -5.0%, Aluminum silicate 90 - 93%. Van ngăn cản sự xâm nhập của vi khuẩn Trọng lượng: ≥ 10g Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Chai	22
211	Dung dịch lọc máu I	Dung dịch lọc máu I Can 10 lít dung dịch đậm đặc 1 lít dung dịch chứa: • Natri Bicarbonate: 84g • Dinatri Edetat: 0.05g • Nước tinh khiết - Thể tích: ≥10 lít/can - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Can	3.000
212	Dung dịch lọc máu II	Dung dịch lọc máu II Can 10 lít dung dịch đậm đặc chứa • Natri clorid: 2708.69g • Kali clorid: 67.10g • Calciclorid.2H2O: 99.24 g • Magnesi clorid.6H2O: 45.75g • Acid acetic: 81.00g • Glucose H2O: 494.99g • Nước tinh khiết - Thể tích: ≥10 lít/can - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	can	5.500
213	Dung dịch điều trị vết thương, dạng xịt	Dung dịch điều trị vết thương - Thành phần: 0.2 - 0.3 % muối natri axit hyaluronic, bạc, vitamin E - Khối lượng: 50 - 75 ml - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Chai	30
214	Gạc Alginate, cỡ 10 x 10cm (±05%)	Gạc Alginate thấm hút, có chứa bạc, dùng trong điều trị vết thương nhiễm trùng có kích thước < 10cm - Cấu tạo: 2 lớp natri carboxymethylcellulose tẩm khoảng 1.0 - 1.5% ion bạc - Kích thước: 10 x 10cm (±05%) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	1.800

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
215	Gạc Alginate, cỡ 15 x 15cm (±05%)	Gạc Alginate thấm hút, có chứa bạc, dùng trong điều trị vết thương nhiễm trùng có kích thước < 15cm - Thành phần: Muối Calcium; Alginic acid: 60-90%, Carboxymethyl Cellulose: 10-30%, Muối bạc: 3-7% - Kích thước: 15 x 15cm (±05%) - Khả năng hút dịch tiết: tối thiểu 0.2g/cm ² - Thời gian lưu băng: tối đa 14 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	400
216	Gạc Alginate, cỡ rộng 2.5cm x dài 30 ± 0.5cm	Gạc Alginate thấm hút, có chứa bạc, được tạo từ bột biển, tự tan, tạo gel khi tiếp xúc với dịch - Thành phần: Alginate G (axit guluronic), natri carboxymethyl cellulose và sợi phủ bạc - Kích thước: rộng 2.5cm x dài 30 ± 0.5cm - Giải phóng ion bạc trong khoảng 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	500
217	Gạc băng mắt 5 x 7cm (±05%)	Gạc băng mắt - Băng cotton 100% - Kích thước: 5 x 7cm (±05%), hình oval - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	3.500
218	Gạc che xung quanh ống mở khí quản	Gạc che xung quanh ống mở khí quản - Cấu tạo gồm 3 lớp: + Lớp thứ nhất làm bằng sợi viscose phủ nhôm, không dính vết thương + Lớp thứ 2 hút dịch tiết + Lớp thứ 3 là lớp vật liệu mỏng không dệt - Kích thước: 8 x 9cm (±05%) - Tương thích với ống mở khí quản có đường kính: 10 - 20mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	2.500
219	Gạc cuộn sạch, cỡ 9cm x (2-3)m	Gạc cuộn sạch - Chất liệu: 100% sợi cotton, không hồ - Kích thước: 9cm x (2-3)m - Mật độ sợi: dọc 73-85 sợi/ 10cm, ngang 65-75 sợi/10cm - tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	10.000
220	Gạc dẫn lưu, cỡ 1 x 300cm, 4 - 6 lớp	Gạc dẫn lưu tai mũi họng - Chất liệu: vải không dệt: Polyester và Rayon hoặc Polyester và viscose - Kích thước: 1 x 300cm, 4 - 6 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	cuộn	5.000
221	Gạc dẫn lưu, cỡ 2 x 300cm, 4 - 6 lớp	Gạc dẫn lưu tai mũi họng - Chất liệu: vải không dệt: Polyester và Rayon hoặc Polyester và viscose - Kích thước: 2 x 300cm, 4 - 6 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	cuộn	2.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
222	Gạc đắp vết thương, cỡ 6 x 15cm (±1cm)	Gạc đắp vết thương <15cm - Cấu tạo: gồm 1 lớp bông (100% cotton) ở giữa 2 lớp gạc không dệt hút nước (sợi viscose hút nước 70-80% và 20-30% polyester) - Kích thước: 6 x 15cm (±1cm) - Tốc độ hút nước: thời gian chìm <10 giây - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được >5gr nước - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	30.000
223	Gạc dùng trong lọc máu thận nhân tạo	Gạc dùng trong lọc máu thận nhân tạo Thành phần gồm: 1. Khăn trải chống thấm: 40cm x 60cm. Số lượng: 01 cái. + Chất liệu màng PE; giấy tổng hợp làm màng thấm 1 chiều; có khả năng hút ẩm siêu thấm. 2. Gạc lót đốc kim (3-4) x 5cm x 4 lớp (2 cái), gạc không dệt, hút nước 3. Gạc phẫu thuật không dệt, thấm nước, bằng Polyester và Rayon hoặc Polyester và Viscose: (7-8) x (7-8)cm x 6-8 lớp (04 cái) 4. Gạc thận nhân tạo: (3-4) x (4-5)cm x 40 lớp (02 cái): + 100% cotton + Trọng lượng: 32gam/m² ± 10% + Mật độ sợi: ngang khoảng 75 - 80 sợi/10cm, dọc 95 ± 5 sợi/10cm. + Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	30.000
224	Gạc ép sọ não cản quang, 2 x 8cm, 4 - 6 lớp	Gạc ép sọ não cản quang - Chất liệu: khoảng 60 - 70% viscose, 30 - 40% polyester, màu trắng, có sợi cản quang - Kích thước: 2 x 8cm, 4 - 6 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được >5gr nước - Trọng lượng: khoảng 35 - 40g/m² - Tiệt khuẩn - Gói tối thiểu 20 miếng - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	35.000
225	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 5 x 7cm ((±05%))	Gạc gắn băng dính trong suốt, dùng cho vết thương, vết mổ < 4cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate khoảng 10 - 15%, ngăn ngừa sự xâm nhập của vi khuẩn/ vi rút có đường kính > 27nm, cạnh mép bo tròn, kích thước nền băng 5 x 7cm (±05%) - Lớp gạc ở giữa: bằng vải không dệt, kích thước gạc (2-3) x 4cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	100.000
226	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 7 x 10cm ((±05%))	Gạc gắn băng dính trong suốt dùng trong băng vết thương, vết mổ < 7cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane, phủ lớp keo Acrylic 30 ± 3 g/m², kích thước nền băng 7 x 10cm (±05%) - Lớp gạc ở giữa: bằng vải viscose và polyester, kích thước gạc (3-4) x 7cm - Mức thấm hơi nước: ≥ 500 g/m²/24 giờ - Lực dính: ≥1N/cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	20.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
227	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 9 x 25cm ($\pm 05\%$)	Gạc gắn băng dính trong suốt dùng trong băng vết thương, vết mổ < 25cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, băng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate khoảng 10 - 15%, ngăn ngừa sự xâm nhập của vi khuẩn/ vi rút có đường kính > 27nm, cạnh mép bo tròn, kích thước nền băng 9 x 25cm ($\pm 05\%$) - Lớp gạc ở giữa: băng vải không dệt khoảng 15 - 25%, kích thước gạc (4-5) x 20cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	14.000
228	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 9 x 15cm ($\pm 05\%$)	Gạc gắn băng dính trong suốt dùng trong băng vết thương, vết mổ < 10cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, băng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate 10 - 15%, ngăn ngừa sự xâm nhập của vi khuẩn/ vi rút có đường kính > 27nm, cạnh mép bo tròn, kích thước nền băng 9 x 15cm ($\pm 05\%$) - Lớp gạc ở giữa: băng vải không dệt 15 - 25%, kích thước gạc (4-5) x 10cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	17.000
229	Gạc Hydrocolloid, 10 x 10cm ($\pm 05\%$), dày 0.3 - 0.8mm	Gạc Hydrocolloid - Chất liệu: gelatin, carboxymethyl-cellulose và pectin, dày 0.3 - 0.8mm, có màng film polyurethane bán thấm phủ ngoài - Kích thước: 10 x 10cm ($\pm 05\%$) - Đặc điểm: không dính, không thấm nước - Thời gian lưu băng: có thể lưu đến 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	20
230	Gạc hydrocolloid, 10 x 10cm ($\pm 05\%$), dày 1.5 ± 0.2 mm	Gạc hydrocolloid thấm hút dịch tiết, chuyển thành hydrogel tạo hàng rào ngăn cản sự xâm nhập của vi khuẩn, virus và các chất ngoại lai khác - Cấu tạo: lớp hydrocolloid, tráng lớp polyurethane ngoài cùng không thấm nước, lớp foam. Lớp bám dính chứa polyme - Kích thước: 10 x 10cm ($\pm 05\%$), dày 1.5 ± 0.2mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	2.400
231	Gạc hydrocolloid, 10 x 10cm ($\pm 05\%$), dày 2 ± 0.2 mm	Gạc hydrocolloid dùng chăm sóc vết thương - Cấu tạo từ hydrocolloid, lớp xốp Polyurethane dày 2mm, mặt sau là màng film polyurethane bán thấm - Kích thước: 10 x 10cm ($\pm 05\%$), dày 2 ± 0.2mm - Đặc tính: tự dính, không thấm nước - Tốc độ thoát hơi ẩm tối thiểu 590 g/m²/ngày - Khả năng hút dịch tối thiểu 3.0 g/m²/ngày - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	30
232	Gạc hydrocolloid, loại mỏng, 10 x 10cm ($\pm 05\%$)	Gạc hydrocolloid thấm hút dịch tiết, chuyển thành hydrogel - Cấu tạo: lớp hydrocolloid, tráng lớp film polyurethane, không thấm nước - Kích thước: 10 x 10cm ($\pm 05\%$), dày 0.3 - 0.5mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	1.500

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
233	Gạc hydrogel, kích cỡ 15 x 15cm (±05%)	Gạc hydrogel, dùng che phủ vết thương giúp cân bằng ẩm tối ưu cho nền vết thương, giúp nhanh lành thương. Dùng cho các tổn thương tỷ đè, loét chân do bệnh lý mạch máu, bàn chân đái tháo đường, bỏng, ngăn ngừa nứt da - Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp hydrogel khô và foam hút dịch vết thương, có lớp polymer chống dính, có màng bán thấm polyurethan - Kích thước: 15 x 15cm (±05%) - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	1.000
234	Gạc lưới lipido-collloid mắt lưới ≤ 0.5mm², 15 x 20cm (±05%)	Gạc lưới Lipido-Colloid, dùng cho vết thương < 15cm - Dệt lưới Polyester, tấm lipido-collloid, kích thước mắt lưới ≤ 0.5mm² - Kích thước: 15 x 20cm (±05%) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	150
235	Gạc lưới tấm bạc, cỡ 10 x 12cm (±05%)	Gạc lưới tấm bạc là lớp băng phụ, dùng cho vết thương có dấu hiệu nhiễm trùng < 12cm - Chất liệu: dệt lưới Polyester, Lipido-Colloid, phủ bạc sulphat 0.5 ± 0.1mg/cm² - Kích thước: 10 x 12cm (±05%) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	900
236	Gạc lưới tấm nano-oligosaccharide, 10 x 10cm (±05%)	Gạc lưới tấm là lớp băng phụ, dùng cho vết thương có kích thước < 10cm - Chất liệu: dệt lưới Polyester, Lipido-Colloid - Kích thước: 10 x 10cm (±05%) - Mắt lưới có tấm nano - Oligosaccharide khoảng 0.8 – 1.5 mg/cm² - Thời gian lưu băng từ 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	200
237	Gạc lưới, cỡ 10 x 10cm (±05%)	Gạc lưới là lớp băng phụ, giúp tăng sinh nguyên bào sợi, đỡ băng không đau, tăng khả năng hấp thu dịch lên lớp băng chính, dùng cho vết thương < 10cm - Chất liệu: dệt lưới polyester, tấm lipido-collloid - Kích thước: 10 x 10cm (±05%) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	4.200
238	Gạc phẫu thuật cản quang, 20 x 40cm, 6 - 8 lớp	Gạc phẫu thuật cản quang - Chất liệu: cotton 100%, màu trắng - Kích thước 20 x 40cm, 6 - 8 lớp - Mật độ sợi: dọc 73-85 sợi/ 10cm, ngang 65-75 sợi/10cm; có sợi cản quang dài tối thiểu 20cm - Tốc độ hút nước: ≤10 giây - Trọng lượng: 25 - 30gr/m² - Gói: 5 - 10 miếng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	30.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
239	Gạc phẫu thuật cân quang, 30 x 40cm, 8-10 lớp	Gạc phẫu thuật cân quang - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 30 x 40cm, 8 - 10 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: ≤ 10 giây - Mật độ sợi: ngang 6-9 sợi/cm, dọc 7-11 sợi/cm, có sợi cân quang dài tối thiểu 30cm - Trọng lượng: 23 - 27g/m² - Đóng gói 2 loại: 5 - 10 miếng, 2 - 5 miếng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	175.000
240	Gạc phẫu thuật cân quang, 40 x 40cm, 6 - 8 lớp	Gạc phẫu thuật cân quang - Chất liệu: cotton 100%, màu trắng - Kích thước 40 x 40cm, 6 - 8 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: ≤ 10 giây - Mật độ sợi: ngang 6-9 sợi/cm, dọc 7-11 sợi/cm; có sợi cân quang dài tối thiểu 40cm - Trọng lượng: 23 - 27g/m² - Gói: 5 - 10 miếng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	15.000
241	Gạc phẫu thuật cân quang, dạng cuộn tròn, 8 x 20cm, 4 - 6 lớp	Gạc phẫu thuật cân quang, dạng cuộn tròn theo kích thước chiều dài - Chất liệu: sợi cotton 100%, màu trắng - Kích thước 8 x 20cm, 4 - 6 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi; có sợi cân quang - Trọng lượng: 30 - 35gr/m² - Gói: 5 - 10 miếng - Tiệt khuẩn - tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	25.000
242	Gạc phẫu thuật cân quang, dạng xếp cuộn, 10 x 10cm, 6 - 8 lớp	Gạc phẫu thuật cân quang, dạng xếp cuộn - Chất liệu: sợi cotton 100%, màu trắng - Kích thước: 10 x 10cm, 6 - 8 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi; có sợi cân quang - Trọng lượng: 30 - 35gr/m² - Gói: 10 - 15 miếng - Tiệt khuẩn - tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	40.000
243	Gạc phẫu thuật không cân quang, cỡ 10 x 10cm, 6 - 8 lớp	Gạc phẫu thuật không cân quang - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 10 x 10cm, 6 - 8 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: ≤ 10 giây - Mật độ sợi: ngang 6-9 sợi/cm, dọc 7-11 sợi/cm - Trọng lượng: 23 - 27g/m² - Gói: 10 - 15 miếng - Tiệt khuẩn - tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	3.000.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
244	Gạc phẫu thuật không cản quang, cỡ 7.5 x 7.5cm, 6 - 8 lớp	Gạc phẫu thuật không cản quang, không dệt - Chất liệu: (Polyester và Rayon) hoặc (Polyester và Viscose) - Kích thước: 7.5 x 7.5cm, 6 - 8 lớp - Khả năng hút nước: trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên. - Đóng gói: 10 - 15 miếng/ gói - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	180.000
245	Gạc phẫu thuật, cản quang, cỡ 10 x 10 cm, 6 - 8 lớp	Gạc phẫu thuật cản quang - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 10 x 10cm, 6 - 8 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: ≤ 10 giây - Mật độ sợi: ngang 6-9 sợi/cm, dọc 7-11 sợi/cm, có sợi cản quang dài tối thiểu 10cm - Trọng lượng: 23 - 27g/m² - Gói: 10 - 15 miếng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	900.000
246	Gạc sạch, cỡ 10 x 10cm, 6 - 8 lớp	Gạc sạch, không cản quang - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 10 x 10cm, 6 - 8 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: ≤ 10 giây - Mật độ sợi: ngang 6-9 sợi/cm, dọc 7-11 sợi/cm - Gói: 100 - 150 miếng - Trọng lượng: 23 - 27g/m² - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	2.300.000
247	Gạc sạch, cỡ 30 x 40cm, 8 - 10 lớp	Gạc sạch, không cản quang - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 30 x 40cm, 8 - 10 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: ≤ 10 giây - Mật độ sợi: ngang 6-9 sợi/cm, dọc 7-11 sợi/cm - Trọng lượng: 23 - 27g/m² - Gói: 30 - 40 miếng - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	60.000
248	Gạc tấm chlorhexidine 2%	Gạc tấm chlorhexidine 2% dùng sát khuẩn ngoài da - Chất liệu: vải không dệt Polypropylen, tấm Chlorhexidine gluconate 2%, Isopropyl alcohol 70% - Kích thước miếng gấp: 4 x 3cm (±0.5) - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	14.000
249	Gạc tấm cồn, 5 x 6cm	Gạc tấm cồn dùng sát khuẩn ngoài da - Chất liệu: Vải không dệt 70% visco, tấm 70% Isopropyl Alcohol - Kích thước: 5 x 6cm, 4 - 6 lớp - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	2.000.000
250	Gạc tấm cồn, 6 x 6cm	Gạc tấm cồn dùng sát khuẩn ngoài da - Chất liệu: Vải không dệt 70% visco, tấm 70% Isopropyl Alcohol - Kích thước: 6 x 6cm, 4 - 6 lớp - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	1.500.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
251	Gạc thấm hút tấm bạc, cỡ 10 x 10cm (±05%)	Gạc thấm hút dịch tiết, kháng khuẩn - Cấu tạo: lớp nền là lớp lipido-colloid tẩm bạc 0.35-0.9mg/cm², lớp thấm hút đa năng bằng sợi polyacrylate - Kích thước: 10 x 10cm (±05%) - Khả năng bám dính: ≥ 1kPa - Khả năng hấp thụ 1/2h: ≥1500g/m² - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	1.100
252	Gạc xốp (foam) 10 x 11cm, màng film phủ ngoài, cỡ 14 x 15cm (±0.5)	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tiết dịch từ ít đến nhiều, tại các vị trí như gót chân hoặc khuỷu tay, cùi chỏ - Chất liệu: lớp nền dạng foam, chất liệu Polyurethane >30%, kích thước 10 x 11cm, tráng lớp keo trắng Acrylate: < 13%, lớp vải không dệt 5 - 15%, lớp màng Film bằng Polyurethane phủ ngoài cùng, bán thấm, khoảng 5 - 10%, kích thước 14 x 15cm (±0.5) - Đặc tính: hình bầu dục, không thấm nước, ngăn vi khuẩn và virus có đường kính ≥ 27nm, khả năng thấm hút dịch tiết tối thiểu 85ml - Thời gian lưu băng khoảng 5- 7 ngày - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	1.000
253	Gạc xốp (foam) 13 x 17cm, màng film phủ ngoài, cỡ 19 x 22cm (±0.5)	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tiết dịch từ ít đến nhiều, tại các vị trí như gót chân hoặc khuỷu tay, cùi chỏ - Chất liệu: lớp nền dạng foam, chất liệu Polyurethane >30%, kích thước 13 x 17cm, tráng lớp keo trắng Acrylate: < 13%, lớp vải không dệt 5 - 15%, lớp màng Film bằng Polyurethane phủ ngoài cùng, bán thấm, khoảng 5 - 10%, kích thước 19 x 22cm (±0.5) - Đặc tính: hình bầu dục, không thấm nước, ngăn vi khuẩn và virus có đường kính ≥ 27nm, khả năng thấm hút dịch tiết tối thiểu 85ml - Thời gian lưu băng khoảng 5- 7 ngày - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	300
254	Gạc xốp (foam) 6 x 7cm, màng film phủ ngoài, cỡ 10 x 11cm (±0.5)	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tiết dịch từ ít đến nhiều, tại các vị trí như gót chân hoặc khuỷu tay, cùi chỏ - Chất liệu: lớp nền dạng foam, chất liệu Polyurethane >30%, kích thước 6 x 7cm, tráng lớp keo trắng Acrylate: < 13%, lớp vải không dệt 5 - 15%, lớp màng Film bằng Polyurethane phủ ngoài cùng, bán thấm, khoảng 5 - 10%, kích thước 10 x 11cm (±0.5) - Đặc tính: hình bầu dục, không thấm nước, ngăn vi khuẩn và virus có đường kính ≥ 27nm, khả năng thấm hút dịch tiết tối thiểu 85ml - Thời gian lưu băng khoảng 5- 7 ngày - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	500
255	Gạc xốp Lipido-colloid vi bám dính, 10 x 12cm (±0.5)	Gạc xốp Lipido-colloid, dùng cho vết thương cấp tính tiết dịch, bong, vết thương do chấn thương, vết mổ và các vết thương do bệnh ung thư gây nên, vết thương mãn tính. - Chất liệu: lớp xốp polyurethane siêu thấm và lớp lipido-colloid vi bám dính - Lực vi bám dính: 2.5 - 7.5 kPa - Khối lượng tấm 180g/m² ± 40g/m² - Khả năng thấm hút tại 1/2 giờ ≥ 4300g/ m² - Kích thước: 10 x 12cm (±0.5) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	400

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
256	Gạc xốp lipido-colloid, 10 x 10cm (±0.5)	Gạc xốp lipido-colloid, dùng cho vết thương do loét tỳ đè, loét bàn chân tiểu đường có kích thước <10cm - Chất liệu: lipido-colloid hàm lượng 0.8 - 1.8mg/cm² loại hydrocellular - Kích thước: 10 x 10cm (±0.5) - Cấu tạo: lớp xốp mềm kết hợp với lớp xốp thấm hút polyurethane không dệt - Khả năng thấm hút dịch từ ít đến trung bình - Thời gian lưu băng từ 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	400
257	Găng tay sạch bằng cao su hòa tan nitrile, không bột, các cỡ	Găng tay sạch không bột, các cỡ - Chất liệu: cao su hòa tan nitrile - Găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay của người sử dụng, bề mặt nhám - Kích cỡ: XS, S, M, L, độ rộng: 75 - 105mm - Chiều dài găng tay: tối thiểu 240 mm - Độ dày cổ tay tối thiểu 0.04 mm - Độ dày lòng bàn tay tối thiểu 0.06mm - Độ dày ngón tay tối thiểu 0.07mm - Độ giãn dài tối thiểu trước khi già hóa 500% - Độ giãn dài tối thiểu sau khi già hóa 400% - Độ bền kéo (MPa): trước lão hóa tối thiểu 15Mpa, sau lão hóa tối thiểu 14Mpa - Hộp tối thiểu 50 đôi - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO hoặc tiêu chuẩn TCVN 6343	Đôi	1.000.000
258	Găng tay sạch có bột, các cỡ	Găng tay sạch có bột dùng trong thăm khám, chăm sóc người bệnh, các cỡ - Chất liệu: latex cao su thiên nhiên, có bột nhẹ - găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay của người sử dụng, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: XS, S, M, L - Chiều dài găng tay: Size XS, S (tối thiểu 220 mm), Size M, L (tối thiểu 230mm) - Chiều rộng lòng bàn tay: Size XS (≤ 80mm), Size S (80 ± 10), Size M (90 ± 10), Size L (110 ± 10) - Độ dày vùng trơn nhẵn: tối thiểu 0.08 mm, tối đa 2.00 mm - Độ dày vùng nhám: tối thiểu 0.10 mm, tối đa: 2.03 mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa nhanh 6.0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh 650%, Lực kéo tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 6.0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 500% - Hàm lượng protein gây dị ứng ≤ 200mcg/dm² - Hàm lượng bột ≤ 10mg/dm² - Hộp tối thiểu 50 đôi - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO hoặc tiêu chuẩn TCVN 6343	Đôi	100.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
259	Găng tay sạch không bột, các cỡ	Găng tay sạch không bột dùng trong thăm khám, chăm sóc người bệnh, các cỡ - Chất liệu: cao su thiên nhiên - găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay, bề mặt nhám, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: XS, S, M, L - Chiều dài găng tay: Size XS, S (tối thiểu 220 mm), Size M, L (tối thiểu 230mm) - Chiều rộng lòng bàn tay: Size XS ($\leq 80\text{mm}$), Size S (80 ± 10), Size M (90 ± 10), Size L (110 ± 10) - Độ dày vùng trơn nhẵn: tối thiểu 0.08 mm, tối đa 2.00 mm - Độ dày vùng nhám: tối thiểu 0.11 mm, tối đa: 2.03 mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa nhanh 7.0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh 650%, Lực kéo tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 6.0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 500% - Hàm lượng protein gây dị ứng $\leq 50\text{mcg/dm}^2$ - Hàm lượng bột $\leq 2\text{mg/dm}^2$ (hoặc $\leq 2\text{mg/găng}$) - Hộp tối thiểu 50 đôi - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO hoặc tiêu chuẩn TCVN 6343	Đôi	5.800.000
260	Găng tay sạch, dài 450 - 500mm	Găng tay sạch - Chất liệu: 100% cao su tự nhiên, có phủ bột chống dính, màu trắng đến vàng nhạt - Găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: 6.5, 7.0, 7.5 (chiều rộng từ 83 - 95mm, chiều dài 450 - 500mm) - Độ dày ngón tay, lòng bàn tay, cổ tay: tối thiểu 0.15mm - Đặc tính: lực kéo đứt trước khi già hóa nhanh tối thiểu 9 - 12.5N, độ giãn dài trước khi già hóa nhanh tối thiểu 600 - 700% (theo TCVN 6344:2007) - Gói tối thiểu 10 đôi - tiêu chuẩn sản xuất ISO	Đôi	13.000
261	Găng tay tiệt khuẩn sử dụng hút đàm, bằng Polyethylen	Găng tay sử dụng hút đàm - Chất liệu: bằng Polyethylen, trong suốt - Kích cỡ: S, 1 chiếc - Chiều dài từ đầu ngón giữa đến cổ tay là $290\text{mm} \pm 10\text{mm}$. Chiều rộng cổ tay $136\text{mm} \pm 3\text{mm}$ - Độ dày khoảng 0.008 - 0.04mm - Đặc điểm: thiết kế các ngón thẳng, phù hợp với người thuận tay trái hoặc tay phải, các mép đảm bảo kín - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	80.000
262	Găng tay tiệt khuẩn sử dụng hút đàm	Găng tay sử dụng hút đàm - Chất liệu: Ethylene Vinyl Acetate Copolymer, trong suốt - Kích cỡ: S, 1 chiếc - Độ dày khoảng 0.008 - 0.04mm - Đặc điểm: thiết kế các ngón thẳng, phù hợp với người thuận tay trái hoặc tay phải, các mép đảm bảo kín - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	80.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
263	Găng tay tiệt khuẩn, dài 450 - 500mm	Găng tay tiệt khuẩn - Chất liệu: 100% cao su tự nhiên, có phủ bột chống dính, màu trắng đến vàng nhạt - Găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: 6.5, 7.0, 7.5 (chiều rộng từ 83 - 95mm, chiều dài 450 - 500mm) - Độ dày ngón tay, lòng bàn tay, cổ tay: tối thiểu 0.15mm - Đặc tính: lực kéo đứt trước khi già hóa nhanh tối thiểu 9 - 12.5N, độ giãn dài trước khi già hóa nhanh tối thiểu 600 - 700% (theo TCVN 6344:2007) - Đóng gói từng đôi - tiêu chuẩn sản xuất ISO	Đôi	100
264	Găng tay tiệt khuẩn, không bột, chiều dài tối thiểu 300mm	Găng tay tiệt khuẩn, không bột dùng trong các thủ thuật/ phẫu thuật - Chất liệu: cao su neoprene (Polychloropren), mặt ngoài phủ lớp silicon, mặt trong phủ Polyurethane và silicone - Màu sắc: xanh lá - Găng tay có các ngón thẳng mượt, phù hợp với hình dáng bàn tay, cổ găng tạo 1 lớp bo cổ tay không cuốn biên, có khả năng chống tế bào/virus xâm nhập, tính trơn với cồn và một số hóa chất khác - Kích cỡ: 6.0, 6.5, 7.0, 7.5, 8.0, chiều rộng từ 77 ± 5 mm đến 95 ± 5 mm, chiều dài tối thiểu 300 mm - Độ dày tối thiểu vùng nhám 0.13mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước và sau khi sử dụng 9N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi sử dụng $\geq 600\%$, sau khi sử dụng $\geq 490\%$. - Hàm lượng protein gây dị ứng $\leq 50\text{mcg/dm}^2$ - Tiệt khuẩn, đóng gói từng đôi - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Đôi	200.000
265	Găng tay tiệt khuẩn, không bột, chiều dài khoảng 290 ± 10 mm	Găng tay tiệt khuẩn, không bột dùng trong các thủ thuật/ phẫu thuật - Chất liệu: mũ cao su tự nhiên, phủ lớp polymer - Găng tay có các ngón thẳng mượt, phù hợp với hình dáng bàn tay, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: số 6.0, 6.5, 7.0, 7.5 - Chiều dài khoảng 290 ± 10 mm - Chiều rộng lòng bàn tay: Size 6.0 (77 ± 5 mm), size 6.5 (83 ± 5 mm), size 7.0 (89 ± 5 mm), size 7.5 (95 ± 5 mm) - Độ dày tối thiểu: vùng trơn nhẵn 0.1mm, vùng nhám 0.13mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa nhanh 24N, độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh 700%, lực kéo đứt tối thiểu sau khi già hóa nhanh 9N, độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 550% - Hàm lượng protein gây dị ứng $\leq 50\text{mcg/dm}^2$ - Tiệt khuẩn, đóng gói từng đôi - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Đôi	280.000
266	Gel alginate chăm sóc vết thương	Gel alginate chăm sóc vết thương - Thành phần: chứa ion bạc alginate - Hàm lượng bạc: 12 mg/g kháng khuẩn, pH: 6.5 - 7.5 - Trọng lượng 15 - 20g - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Ông	60

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
267	Gel bôi trơn tiết khuẩn, trọng lượng 2-4g	Gel bôi trơn tan trong nước, dùng bôi trơn trong đặt ống thông, nội soi, thăm khám trực tràng, phụ khoa - Thành phần: nước, glycerin, Polyethyleneglycol, Sodium Hydroxide, 4-Hydroxybenzoic acid propylester - Đặc tính: tan trong nước, không mùi, không chứa chất gây dị ứng, không chứa chất ăn mòn - Độ pH: 6 - 7 - Trọng lượng: 2 - 4g - Đóng gói tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	5.500
268	Gel bôi trơn tiết khuẩn, trọng lượng 5-7g	Gel bôi trơn tan trong nước, dùng bôi trơn trong đặt ống thông, nội soi, thăm khám trực tràng, phụ khoa hoặc siêu âm trong các thủ thuật - Thành phần: nước, glycerin, Polyethyleneglycol, Sodium Hydroxide, 4-Hydroxybenzoic acid propylester - Đặc tính: tan trong nước, không mùi, không chứa chất gây dị ứng, không chứa chất ăn mòn - Độ pH: 6 - 7 - Trọng lượng: 5 - 7g - Đóng gói tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	1.500
269	Gel bôi trơn tiết khuẩn, trọng lượng 80-90g	Gel bôi trơn tan trong nước, trọng lượng 80-90g - Thành phần: Nước khử ion, Hydroxy Ethyl Cellulose, Glycerin, Citric Acid, Propyl Paraben, Methyl Paraben - Đặc tính: không gây kích ứng da, hòa tan trong nước, không chứa dầu và các chất nhờn, không mùi, không chứa cồn - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Ống	5.000
270	Gel điện cơ	Gel điện cơ, điện não giúp tăng độ nhạy trong đo dẫn truyền thần kinh - Thành phần: Water, Cetareth-20, Glycerin, Hydrated silica, Calcium carbonate, Paraffinum liquidum, Dimethicone, Hydroxyethylcellulose, Sodium chloride, Potassium chloride, Phexyethanol, Ethylhexylglycerin - Chất liệu dạng: gel - PH: 6.5 - 7.5 - Độ nhớt: >100.000 cP - Thể tích lọ tối thiểu 220g - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Lọ	24
271	Gel điện tim 250 - 300ml	Gel điện tim giúp tạo môi trường thu nhận tín hiệu khi đo điện tim - Thành phần: nước, polymer, chất hút ẩm, chất bảo quản, chất tạo màu - Thể tích: 250 - 300ml - Đặc tính: gel hòa tan trong nước, không chứa muối, không dính nhầy, không gây dị ứng, đảm bảo độ đậm đặc đồng dạng đồng màu, dẫn truyền tín hiệu tốt - Độ pH khoảng 6.5 - 7 - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Ống	810
272	Dung dịch điều trị vết thương, dạng gel	Gel hỗ trợ điều trị vết thương - Thành phần: muối natri axit hyaluronic 0.2 - 0.3% - Trọng lượng: ≥ 30g - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Ống	30

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
273	Gel hydrogel loại bỏ mô hoại tử	Gel hydrogel loại bỏ mô hoại tử để tạo gel hỗ trợ quá trình loại bỏ các mô hoại tử, đồng thời duy trì môi trường ẩm giúp thúc đẩy quá trình lành thương. - Thành phần: polysaccharide thực vật galactomananne hút nước cao và Propylene glycol. - pH 5.0 - 8.0 - Trọng lượng: 15 - 20gr - Tính nhớt ≥ 100cps. Hydrogel trong suốt, có chứa lượng nước cao (trung bình $> 80\%$) - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Ổng	160
274	Gel làm sạch da	Gel làm sạch da, giảm trở kháng giúp độ dẫn truyền điện cực theo dõi điện não tốt hơn - Thành phần: Nước, Aluminum Oxide, 1,2 Propanediol, Sodium Polyacrylate, Methylparaben, Propylparaben, FD&C Blue 1, FD&C Red 40, FD&C Yellow 5 - Trọng lượng 110 - 115g - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Ổng	32
275	Gel siêu âm	Gel siêu âm tạo môi trường thu nhận tín hiệu siêu âm - Thành phần: Nước, Propylene glycol, Hydroxyl ethyl cellulose, glycerin, sodium benzoate - Đặc tính: tan trong nước, trong suốt, đồng nhất, không mùi, không chứa chất ăn mòn, không chứa muối - Độ pH: 6.5 ± 0.75 - Thể tích can tối thiểu 5 lít - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Lít	8.400
276	Gel siêu âm tiệt khuẩn, 15-20gr	Gel siêu âm sử dụng trong các thủ thuật siêu âm - Thành phần: Polymer, chất giữ ẩm, nước tinh khiết - Gel tan trong nước, không gây kích ứng da, có thể sử dụng trên vết thương hở - Trọng lượng 15-20gr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Gói	480
277	Gen định hình bụng sau phẫu thuật cắt da mỡ bụng/hút mỡ bụng	Gen định hình sau phẫu thuật căng da bụng/hút mỡ bụng bằng vải kép: + Lớp vải ngoài: 55-60% polyamide, 40-45% elastane + Lớp vải trong: 75-80% polyamide, 20-25% elastane - Kích cỡ: 4XS, 3XS, 2XS, XS, S, M, L, XL, 2XL, 3XL - Không chứa latex, không gây dị ứng	Cái	102
278	Gen định hình sau phẫu thuật cắt da mỡ đùi/hút mỡ đùi	Gen định hình sau phẫu thuật cắt da mỡ đùi/hút mỡ đùi, các cỡ, tạo ra lực nén phù hợp giúp cố định, giảm nguy cơ tụ dịch, giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm cho sự phục hồi nhanh hơn và ngăn cản hình thành cũng như phát triển sẹo lồi - Chất liệu : Polyamide và Elastane	Cái	10
279	Gen định hình sau phẫu thuật ngực	Gen định hình sau phẫu thuật ngực, các cỡ tạo ra lực nén phù hợp giúp cố định túi, giảm nguy cơ tụ dịch, xê dịch túi, giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm cho sự phục hồi nhanh hơn và ngăn cản hình thành cũng như phát triển sẹo lồi - Chất liệu : 80 - 85% polyamide, 16 - 20% elastane - Không chứa latex, không gây dị ứng - Kích cỡ: XS, S, M, L, XL - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	210

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
280	Gen vùng mặt sau phẫu thuật căng da mặt/cổ	Gen định hình sau phẫu thuật vùng mặt/cổ, dùng để định hình vùng mặt/cổ sau khi hút mỡ, nâng cằm, tạo hình cằm V-line.. giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm cho sự phục hồi nhanh hơn và ngăn cản hình thành cũng như phát triển sẹo lồi - Chất liệu: 52-55% polyamide, 45-48% elastane - Không chứa latex, không dị ứng, thoáng khí - Kích cỡ: S, M, L - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	14
281	Giấy gói dụng cụ, cỡ 100 x 100cm (± 5%)	Giấy gói dụng cụ: - Chất liệu bằng vải không dệt tối thiểu SMMMS, trọng lượng 50g/m ² (± 5%), có khả năng chống thấm nước, chống tĩnh điện - Kích thước: 100 x 100cm (± 5%) - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, plasma, EO... - Sau tiệt khuẩn: Không bị rách ở khu vực cạnh hộp/ vị trí dán khi tháo băng keo chỉ thị - Quy cách: gấp đôi giấy gói khi đóng gói - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Tờ	45.000
282	Giấy gói dụng cụ, cỡ 120 x 120cm (± 5%)	Giấy gói dụng cụ: - Chất liệu bằng vải không dệt tối thiểu SMMMS, trọng lượng 50g/m ² (± 5%), có khả năng chống thấm nước, chống tĩnh điện - Kích thước: 120 x 120cm (± 5%) - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, plasma, EO... - Sau tiệt khuẩn: Không bị rách ở khu vực cạnh hộp/ vị trí dán khi tháo băng keo chỉ thị - Quy cách: gấp đôi giấy gói khi đóng gói - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Tờ	2.000
283	Giấy gói dụng cụ, cỡ 80 x 80cm (± 5%)	Giấy gói dụng cụ: - Chất liệu bằng vải không dệt tối thiểu SMMMS, trọng lượng 50g/m ² (± 5%), có khả năng chống thấm nước, chống tĩnh điện - Kích thước: 80 x 80cm (± 5%) - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, plasma, EO... - Sau tiệt khuẩn: Không bị rách ở khu vực cạnh hộp/ vị trí dán khi tháo băng keo chỉ thị - Quy cách: gấp đôi giấy gói khi đóng gói - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Tờ	100.000
284	Gói thử chất lượng tiệt khuẩn hơi nước, cỡ 130 x 110 x 20 mm	Gói thử chất lượng máy tiệt khuẩn hơi nước - Thành phần: Giấy 90-98%; Sulfur 1-2%; Acrylic polymer 0-1% - Kích thước: 130 x 110 x 20 mm - Không chứa chì - Tương thích với chu trình tiệt khuẩn 132 - 134°C - Đóng gói theo tiêu chuẩn AAMI - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Gói	1.600
285	Gói thử chất lượng tiệt khuẩn hơi nước, cỡ 15 x 125 x 110 mm	Gói thử chất lượng máy tiệt khuẩn hơi nước - Thành phần: giấy: ≥ 95%; mực chỉ thị: < 5% - Tờ kiểm tra chính và tờ cảnh báo sớm - Kích thước: 15 x 125 x 110 mm - Không chứa chì - Tương thích với chu trình tiệt khuẩn 132 - 134°C - Đóng gói theo tiêu chuẩn AAMI - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Gói	500

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
286	Gòn lót bột 10cm x 2.7m (±5%)	Gòn lót bột dùng đệm lót khi bó bột cố định gãy xương, giảm chèn ép và các biến chứng trong bột - Thành phần: 100% sợi bông tự nhiên, không bụi, da không bị đen sau bó bột - Kích thước: 10cm x 2.7m (±5%) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	350
287	Gòn lót bột 15cm x 2.7m (±5%)	Gòn lót bột dùng đệm lót khi bó bột cố định gãy xương, giảm chèn ép và các biến chứng trong bột - Thành phần: 100% sợi bông tự nhiên, không bụi, da không bị đen sau bó bột - Kích thước: 15cm x 2.7m (±5%) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	280
288	Hệ thống dây dẫn trong lọc máu 5 trong 1	Hệ thống dây dẫn trong lọc máu - Chất liệu PVC mềm, chống xoắn, không chứa DEHP - Bao gồm: 01 bộ dây lọc máu, 2 cái transducer protector, dây truyền dịch, túi xả 2 lít - Đường kính dây bơm: 8 x 12mm, dài 350mm hoặc 420mm - Bầu nhỏ giọt đường kính 20mm hoặc 22mm, có màng lọc; có dây kết nối chữ T hoặc chữ Y (hoặc hình dạng 3 chạc) - Tổng chiều dài dây động mạch: 4000 ± 20mm, tổng chiều dài dây tĩnh mạch 3220 ± 20mm. - Trọng lượng dây động mạch: 130 ± 10g, trọng lượng dây tĩnh mạch: 89 ± 10g - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	16.000
289	Dung dịch điều trị vết thương dạng kem	Dung dịch điều trị vết thương dạng kem - Muối natri của axit hyaluronic 0.2 - 0.3%, bạc Sulfadiazine ≥ 1% - Trọng lượng: ≥ 25gram - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Ống	60
290	Kềm sinh thiết khí phế quản	Kềm sinh thiết khí phế quản - Đầu kềm hình oval, có lỗ bên, kẹp xoay được 90 độ - Kềm có răng cưa, độ mở ngàm 5 - 6 mm - Đường kính 1.8 - 1.9 mm. Chiều dài 120 - 140 cm - Dây không bọc nhựa - Tiệt khuẩn - Kênh dụng cụ ống soi tối thiểu 2.0 mm - Tương thích với ống soi khí quản của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	800
291	Keo làm đầy và chống rò rỉ dùng cho hậu môn nhân tạo	Keo làm đầy, chống rò rỉ cho hậu môn nhân tạo - Thành phần: gelatin, pectin và sodium carboxymethylcellulose hoặc Pectin, Carboxymethylcellulose và alcohol - Đặc tính: dạng sệt, ẩm, có chứa cồn - Trọng lượng: 56 - 60g - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Ống	225
292	Kẹp dây túi lọc màng bụng	Kẹp dùng để hỗ trợ cho việc lắp và tháo rời đầu nối bộ lọc màng bụng khỏi túi dung dịch lọc màng bụng. - Chất liệu: nhựa acetal - Kích thước: 9.6 x 13cm (± 0.5cm) - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	120
293	Kẹp khóa ống thông khi thay bộ chuyển	Kẹp khóa ống thông khi thay bộ chuyển - Chất liệu bằng Polyethylene - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	200
294	Kẹp rốn	Kẹp rốn trẻ sơ sinh - Chất liệu: bằng nhựa - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	7.100

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
295	Kẹp túi hậu môn nhân tạo	Kẹp túi hậu môn nhân tạo - Chất liệu nhựa - Có bản lề hình cong, có thể tái sử dụng - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100
296	Khăn phẫu thuật, cỡ 100 x 100cm (±05%)	Khăn phẫu thuật dùng trong phòng mổ hoặc khi thực hiện thủ thuật - Chất liệu: vải không dệt (100% Olefin hoặc Polypropylen), màu xanh dương hoặc màu trắng, không có mùi. - Kích thước: 100 x 100cm (±05%), không có lỗ - Tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.200
297	Khăn phẫu thuật, cỡ 120 x 160cm (±05%)	Khăn phẫu thuật dùng trong phòng mổ hoặc khi thực hiện thủ thuật - Chất liệu: vải không dệt (100% Olefin hoặc Polypropylen), màu xanh dương hoặc màu trắng, không có mùi - Kích thước: 120 x 160cm (±05%), không có lỗ - Tiết khuẩn từng cái - tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.000
298	Khăn phẫu thuật, cỡ 60 x 60cm (±05%)	Khăn phẫu thuật được sử dụng trong phòng mổ hoặc khi thực hiện thủ thuật - Chất liệu: vải không dệt (100% Olefin hoặc Polypropylen), màu xanh dương hoặc màu trắng, không có mùi - Kích thước: 60 x 60cm (±05%), lỗ hình tròn - Tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	17.000
299	Khẩu trang than hoạt tính	Khẩu trang than hoạt tính 4 lớp, dây thun - Gồm 4 lớp: + Lớp ngoài là lớp vải không dệt 100% PP, không hút nước 14gam/m2 + Lớp giữa là lớp giấy vi lọc màu trắng, chất liệu 100% PP, hiệu suất lọc BFE 97% + Lớp trong 1 là lớp màng lọc than hoạt tính màu đen của than hoạt tính, chất liệu: polyester và carbon. + Lớp trong 2 là lớp vải không dệt 100% màu trắng, không hút nước - Thanh tựa mũi: PE định hình, rộng khoảng 3mm, dày khoảng 0.8mm - Dây đeo tai: dây thun tròn có đường kính 2.5mm ± 0.2mm, dài 15 ± 01cm - Đặc điểm: dây đeo chắc chắn, các mép ôm khít khuôn mặt, đảm bảo che kín mũi miệng - Kích thước: Rộng 9cm x Dài 17.5cm (±5%). Độ bung tối đa của khẩu trang theo chiều rộng >17cm. Màu đen - Đạt tiêu chuẩn: TCVN 8389-1 - Đóng gói tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	44.000
300	Khẩu trang y tế dây cột	Khẩu trang y tế dây cột - Chất liệu: vải PP không dệt, không độc tố, không gây kích ứng, bề mặt sạch, không còn dấu chỉ xơ vải - Cấu tạo ít nhất 3 lớp vải: lớp trong là lớp vải không dệt PP spunbond trắng, thấm nước, lớp giữa là lớp giấy vi lọc cao cấp, lớp ngoài là vải không dệt PP Spunbond xanh, không thấm nước, có gấp nếp - Thanh tựa mũi: nhựa PP định hình (không dùng lõi kim loại bọc nhựa) - Đặc điểm: dây đeo chắc chắn, các mép ôm khít khuôn mặt, đảm bảo che kín mũi miệng - Gồm 4 dây cột dài khoảng 40 - 45cm, Kích thước 90 x 175mm, mở rộng > 18cm - Đóng gói tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn sản xuất ISO/ TCVN 8389-1:2010	Cái	152.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
301	Khẩu trang y tế dây thun	Khẩu trang y tế dây thun - Chất liệu: vải PP không dệt, không độc tố, không gây kích ứng, bề mặt sạch, không còn đầu chỉ sơ vải - Cấu tạo ít nhất 3 lớp vải: lớp trong là lớp vải không dệt PP spunbond trắng, thấm nước, lớp giữa là lớp giấy vi lọc cao cấp, lớp ngoài là vải không dệt PP Spunbond xanh, không thấm nước, có gấp nếp - Thanh tựa mũi: nhựa PP định hình (không dùng lõi kim loại bọc nhựa) - Dây thun đeo tai mềm đàn hồi - Đặc điểm: dây đeo chắc chắn, các mép ôm khít khuôn mặt, đảm bảo che kín mũi miệng - Đóng gói tiết kiệm từng cái - Tiêu chuẩn sản xuất ISO/TCVN 8389-1:2010	Cái	1.300.000
302	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 10 - 12 cm	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn - Chất liệu: Polyamide, không chứa DEHP và có thể hiện trên bao bì - Dây nối dài 10 - 12 cm, thể tích mỗi khoảng $0.95 \pm 0.05\text{ml}$, 1 đầu male dạng xoắn vặn, đảm bảo tương thích với các loại catheter, 1 đầu có khóa 3 ngã gồm 2 cổng female đảm bảo tương thích với hệ thống dây truyền - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Yêu cầu khi sử dụng: Không nứt gãy, rò rỉ khi kết nối với hệ thống dây truyền hoặc khi truyền với các loại thuốc, nhũ dịch béo - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	3.000
303	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 100 - 105 cm	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn - Chất liệu: Polyamide, không chứa DEHP và có thể hiện trên bao bì - Dây nối dài 100 - 105cm, thể tích mỗi $6.4 \pm 0.05\text{ ml}$, 1 đầu male dạng xoắn vặn, đảm bảo tương thích với các loại catheter, 1 đầu có khóa 3 ngã gồm 2 cổng female đảm bảo tương thích với hệ thống dây truyền - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Yêu cầu khi sử dụng: Không nứt gãy, rò rỉ khi kết nối với hệ thống dây truyền hoặc khi truyền với các loại thuốc, nhũ dịch béo - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	16.500
304	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 25 - 27 cm	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn - Chất liệu: Polyamide, không chứa DEHP và có thể hiện trên bao bì - Dây nối dài khoảng 25 - 27 cm, thể tích mỗi $2 \pm 0.05\text{ml}$, 1 đầu male dạng xoắn vặn, đảm bảo tương thích với các loại catheter, 1 đầu có khóa 3 ngã gồm 2 cổng female đảm bảo tương thích với hệ thống dây truyền - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Yêu cầu khi sử dụng: Không nứt gãy, rò rỉ khi kết nối với hệ thống dây truyền hoặc khi truyền với các loại thuốc, nhũ dịch béo - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	50.000
305	Khóa ba ngã	Khóa ba ngã - Chất liệu: Polyamide/Polycarbonate, nút đẩy bằng Polypropylene - Gồm 1 đầu male khóa xoay luer tương thích với hệ thống catheter, 2 đầu female luer lock tương thích với hệ thống dây truyền hoặc bơm tiêm, nút xoay được 360 độ - Chịu được áp lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	65.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
306	Khóa đi kèm dây dẫn, 1 nhánh	Khóa đi kèm dây dẫn loại 1 nhánh - Dây dẫn bằng Polyurethane/PVC, không chứa DEHP và có thể hiện trên bao bì, chiều dài 14 - 18cm - Gồm 2 đầu nối: 1 đầu male bằng nhựa Acrylic hoặc Polypropylene, dạng khóa xoay, tương thích với các loại catheter; 1 đầu nối an toàn không kim bằng Polyurethane hoặc Polycarbonate, có van 1 chiều bằng silicone, đầu kết nối xoắn vặn, tương thích với đầu nối của bơm tiêm, dây truyền - Có 1 khóa áp lực dương - Thể tích đuôi khí $0.2 \pm 0.05\text{ml}$ - Thích hợp với môi trường MRI, chịu được các chất lipid và tương thích cao với các chất hóa học - Chịu áp lực $\geq 300\text{psi}$ - Thời gian lưu 5 - 7 ngày hoặc ≥ 200 lần sử dụng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	30.000
307	Khóa đi kèm dây dẫn, 2 nhánh	Khóa đi kèm dây dẫn loại 2 nhánh - Dây dẫn bằng Polyurethane/PVC, không chứa DEHP và có thể hiện trên bao bì, chiều dài 23 - 25cm - Gồm 3 đầu nối: 1 đầu male bằng nhựa Acrylic hoặc Polypropylene, dạng khóa xoay, tương thích với các loại catheter; 2 đầu nối an toàn không kim bằng Polyurethane hoặc Polycarbonate, mỗi đầu nối có van 1 chiều bằng silicone, đầu kết nối xoắn vặn, tương thích với đầu nối của bơm tiêm, dây truyền - Có 2 khóa áp lực dương - Thể tích đuôi khí $0.6 \pm 0.05\text{ml}$ - Thích hợp với môi trường MRI, chịu được các chất lipid và tương thích cao với các chất hóa học - Chịu áp lực $\geq 300\text{psi}$ - Thời gian lưu 5 - 7 ngày hoặc ≥ 200 lần sử dụng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	94.000
308	Khóa đi kèm dây dẫn, 3 nhánh	Khóa đi kèm dây dẫn loại 3 nhánh - Dây dẫn bằng Polyurethane/PVC, không chứa DEHP và có thể hiện trên bao bì, chiều dài 12 - 14cm - Gồm 4 đầu nối: 1 đầu male bằng nhựa Acrylic hoặc Polypropylene, dạng khóa xoay, tương thích với các loại catheter; 3 đầu nối an toàn không kim bằng Polyurethane hoặc Polycarbonate, mỗi đầu nối có van 1 chiều bằng silicone, đầu kết nối xoắn vặn, tương thích với đầu nối của bơm tiêm, dây truyền, không có khoảng chết trong đầu nối giúp ngăn cục máu đông và sự tương tác của thuốc - Có 3 khóa áp lực dương - Thích hợp với môi trường MRI - Thể tích đuôi khí $0.4 \pm 0.05\text{ml}$ - Chịu áp lực $\geq 300\text{psi}$ - Thời gian lưu 5 - 7 ngày hoặc ≥ 200 lần sử dụng - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	2.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
309	Kim cánh bướm, các cỡ	Kim cánh bướm dùng trong lấy máu, tiêm thuốc hoặc tiêm truyền trong thời gian ngắn - Kim chất liệu bằng Crom-Nikel, tron láng, đầu kim 3 mặt vát tráng silicone. - Kích cỡ: 19G, 23G, 25G, 27G, đường kính ngoài 0.4 - 2.5mm; chiều dài 10 - 20mm - Tốc độ dòng chảy: 2 - 43ml/phút, thể tích mỗi 0.3 - 0.4ml - Chuôi kim, 2 cánh bướm bằng polypropylen trong suốt, không chứa DEHP - Dây nối: bằng PVC/Polypropylen, không chứa DEHP, trong suốt, dài khoảng 25 - 30cm, chống xoắn, đầu có khóa luer, tương thích với các đầu nối của dây truyền, bơm tiêm, dây nối - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	3.000
310	Kim châm cứu nhĩ hoàn, cỡ 0.22 x 1.5 mm	Kim châm cứu nhĩ hoàn - Chất liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: 0.22 x 1.5mm - Cấu tạo: + Thân kim: được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, có độ cứng 460 HV0.2 ~ 650 HV0.2, khả năng chống ăn mòn tốt. Bề mặt thân kim nhẵn bóng, giá trị Ra (tham số độ thô ráp) $\leq 0.63\mu\text{m}$ + Mũi kim: tròn, cân, không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo.... Lực ép đầu mũi kim 0.5N, lực châm 0.8N - Đóng gói vì 10 cái - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.820
311	Kim châm cứu, cỡ 0.18 x 15mm	Kim châm cứu - Chất liệu: bằng thép không gỉ - Kích thước: 0.18 x 15mm - Cấu tạo: + Cán kim (đốc kim): được cuốn bằng sợi thép không gỉ, các vòng quấn tròn đều và khít nhau, không có khoảng cách, độ cứng khoảng 450 - 670 HV0.2 + Thân kim: bằng sợi thép không gỉ, bề mặt thân kim nhẵn bóng, vạch và đường vân rõ ràng, có tính dẻo thích hợp + Mũi kim: tròn, cân, không dẹt, không có gờ ráp, và các khuyết điểm như cong vẹo + Lực ép đầu mũi kim: $0.4 \pm 0.1\text{N}$, lực châm $0.7 \pm 0.1\text{N}$ + Lực kéo cố định giữa thân kim và đốc kim: $\geq 7\text{N}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	31.900
312	Kim châm cứu, cỡ 0.30 x 13mm	Kim châm cứu - Chất liệu: làm bằng thép không gỉ - Kích thước: 0.30 x 13mm - Cấu tạo: + Cán kim: được cuốn bằng sợi thép, các vòng quấn tròn đều, không có khoảng cách, không có gờ ráp + Thân kim: bằng thép không gỉ, bề mặt thân kim nhẵn bóng, có độ cứng khoảng 450 - 670 HV0.2 + Mũi kim: tròn, cân, không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo. + Lực kéo cố định giữa thân kim và đốc kim: $\geq 15\text{N}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	46.400

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
313	Kim châm cứu, cỡ 0.30 x 25mm	Kim châm cứu - Chất liệu: bằng thép không gỉ - Kích thước: 0.30 x 25mm - Cấu tạo: + Cán kim: được cuốn bằng sợi thép, các vòng xoắn tròn đều, không có khoảng cách, không có gờ ráp + Thân kim: bằng thép không gỉ, bề mặt thân kim nhẵn bóng, có độ cứng khoảng 450 - 670 HV0.2 + Mũi kim: tròn, cân, không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo + Lực kéo cố định giữa thân kim và đốc kim: $\geq 15N$ - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	314.000
314	Kim châm cứu, cỡ 0.30 x 40mm	Kim châm cứu - Chất liệu: làm bằng thép không gỉ - Kích thước: 0.30 x 40mm - Cấu tạo: + Cán kim: được cuốn bằng sợi thép, các vòng xoắn tròn đều, không có khoảng cách, không có gờ ráp + Thân kim: bằng thép không gỉ, bề mặt thân kim nhẵn bóng, có độ cứng khoảng 450 - 670 HV0.2 + Mũi kim: tròn, cân, không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo.... + Lực kéo cố định giữa thân kim và đốc kim: $\geq 15N$ - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	53.800
315	Kim châm cứu, cỡ 0.30 x 75mm	Kim châm cứu - Chất liệu: làm bằng thép không gỉ - Kích thước: 0.30 x 75mm - Cấu tạo: + Cán kim: được cuốn bằng sợi thép, các vòng xoắn tròn đều, không có khoảng cách, không có gờ ráp + Thân kim: bằng thép không gỉ, bề mặt thân kim nhẵn bóng, có độ cứng khoảng 450 - 670 HV0.2 + Mũi kim: tròn, cân, không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo.... + Lực kéo cố định giữa thân kim và đốc kim: $\geq 15N$ - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	9.500
316	Kim luồn mạch máu, không cánh, không cửa, cỡ 16G	Kim luồn mạch máu, không cánh, không cửa - Chất liệu: FEP (Fluorinated Ethylene Propylene) - Kích thước: 16G + Chiều dài: 133 - 135mm + Đường kính ngoài: 1.7 - 1.8 mm - Tốc độ dòng chảy: 108 ± 1 ml/phút - Tiệt khuẩn	Cái	845
317	Kim chọc dò ối, cỡ 21G	Kim chọc dò ối để lấy mẫu nước ối - Kim 21G, dài 90 - 150 mm - Trên thân có khắc xoắn ốc giúp nhìn rõ ràng dưới hướng dẫn siêu âm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	200
318	Kim chọc động tĩnh mạch, 18G, dài 70mm	Kim chọc động tĩnh mạch - Chất liệu thép không gỉ, thon mượt - Đường kính 1.3 - 1.5mm, dài 70mm, 18G - Tương thích dây dẫn 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.400

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
319	Kim đẩy chỉ 0.3 x (30 - 33) mm	Kim đẩy chỉ - Chất liệu: bằng thép không gỉ - Kích thước: 0.3 x (30 - 33) mm - Cán kim: được cuốn bằng sợi thép, không có gờ ráp, các vòng xoắn tròn đều và khít nhau. - Thân kim: độ cứng thân kim: 460 HV 0.2 kg, có khả năng chống ăn mòn tốt. Bề mặt thân kim nhẵn và sạch, giá trị Ra (tham số độ thô ráp) <0.63um. - Thân kim phải có tính dẻo thích hợp, sau khi thử nghiệm xoắn quanh không được có khe hở, đứt gãy hoặc phân tầng. - Lực kéo cần có để liên kết giữa thân kim và đốc kim: $\geq 15N$ - Vi/ 5 cái - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	11.660
320	Kim điện cơ có cổng tiêm thuốc, cỡ 25G	Kim điện cơ có cổng dùng trong tiêm thuốc - Chất liệu: Thép không gỉ, kim phủ lớp Polymer ma sát thấp, đầu nối bằng thau loại 1.5mm - Kích cỡ: dài 50 - 52mm, 25G, đường kính: 0.5 - 0.6 mm - Tương thích với máy điện cơ xách tay Myoguide của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	300
321	Kim điện cơ đồng tâm 26G, dài 40 - 42mm, dùng cho máy Cadwell / Medtronic	Kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần, dùng để ghi nhận sóng điện cơ. - Chất liệu: Thép không gỉ, đầu nối điện cực kim được mạ vàng. - Kích cỡ: dài 40 - 42mm, đường kính kim 0.45 - 0.46mm, 26G, diện tích ghi 0.07mm² - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell/ Medtronic tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	10.600
322	Kim điện cơ đồng tâm 30G, dài 25 - 26mm, dùng cho máy Medtronic / Cadwell	Kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần, dùng để ghi nhận sóng điện cơ - Chất liệu kim: Thép không gỉ, cảm biến: Ag, chất cách điện: Epoxy. Chuôi kim bằng: Copolymer of Acrylonitrile, Butadiene, and Styrene (ABS). Đầu nối bằng đồng/ mạ vàng, loại kết nối: 0.9 Pin - Kích cỡ: dài 25 - 26mm, đường kính kim 0.3 - 0.32mm, 30G, diện tích ghi 0.02 mm², mũi vác 13° - Tương thích với máy điện cơ Medtronic/Cadwell tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	250
323	Kim đốt bằng vi sóng điều trị u gan dưới hướng dẫn siêu âm	Kim đốt bằng vi sóng điều trị u gan dưới hướng dẫn siêu âm - Chất liệu kim bằng thép không gỉ, cứng - Đầu kim bằng ceramic, 3 mặt vát, có bọc lớp đồng ở phần phát sóng - Chiều dài kim đốt: 14cm, 19cm, 29cm - Tiệt khuẩn - Kim có kênh làm lạnh với cặp cảm biến nhiệt giúp bảo vệ các mô lành	Cái	15

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
324	Kim đốt sóng cao tần đầu lạnh, đơn cực, dùng trong điều trị u gan	Kim đốt sóng cao tần đầu lạnh, đơn cực điều trị u gan. - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước kim: 17G, kim thẳng - Chiều dài thân kim 10 - 25cm - Đầu kim nhọn, 3 mặt vát, chiều dài khoảng 0.7 - 3cm, sử dụng với điện áp cực đại tối đa 156V. - Kèm dây dẫn nước làm mát, miếng dán điện cực trung tính có công nghệ an toàn dự báo nhiệt độ tại điểm tiếp xúc. - Toàn bộ điện cực có thể được nhìn thấy qua CT hoặc hướng dẫn siêu âm, đạt chuẩn an toàn điện từ EN/IEC 60601/1/2 - Tương thích với máy đốt u bằng sóng cao tần ValleyLab Cooltip RF của Bệnh viện. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	130
325	Kim lấy máu gót chân, an toàn, các cỡ	Kim lấy máu gót chân, sử dụng 1 lần, lưỡi chích có thể thu lại vĩnh viễn - Kim bằng thép không gỉ - Độ sâu 1.0 - 1.2mm, độ rộng 2.5 - 2.6mm cho trẻ đủ tháng và độ sâu 0.85 ± 0.05mm rộng 1.75 ± 0.05mm cho trẻ non tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.300
326	Kim lấy máu thử đường huyết	Kim lấy máu thử đường huyết tại giường - Đầu kim 3 mặt cắt dễ dàng đâm qua da, đường kính kim 0.36 ± 0.01mm (28G), độ đâm sâu 1.5 - 1.6mm, đầu kim phủ silicon - Kim đâm với tốc độ cao theo đường thẳng đứng: 3/1.000 giây - Kim được bảo vệ trong vỏ bằng nhựa, hình chữ T, đảm bảo an toàn cho người sử dụng, không dùng bút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	3.000.000
327	Kim lấy máu, lấy thuốc, các cỡ	Kim lấy máu, lấy thuốc và kim tiêm các cỡ - Chất liệu kim bằng Crôm-Nikel, phủ silicone, đầu kim 3 mặt vát, thành kim mỏng, trơn láng. - Kích cỡ: 18G (đường kính 1.2 - 1.3mm; chiều dài 40 - 41mm); 23G (đường kính 0.6 - 0.7mm; chiều dài 25 - 26mm), 26G (đường kính 0.45 - 0.46, chiều dài khoảng 6 - 12mm) - Chuôi kim bằng nhựa Polypropylen, không chứa DEHP, đầu nối luer lock, tương thích với các đầu nối male, mã màu theo kích cỡ kim - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.000.000
328	Kim lấy máu, lấy thuốc, cỡ 18 → 23G	Kim lấy máu, lấy thuốc và kim tiêm - Vỏ ngoài được làm từ nhựa PP không gây độc hại và thân kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim mặt vát với góc 9 - 13 độ, thành kim mỏng, trơn láng - Kích cỡ: 18 → 23G (tối thiểu có cỡ 18G, 23G) - Đầu kim có đường kính ngoài 0.6 - 1.2mm, đường kính trong 0.25 - 0.7mm - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	400.000
329	Kim lấy thuốc nhiều lần	Kim lấy thuốc dùng pha thuốc, rút thuốc nhiều lần - Thân kim bằng ABS hoặc SAN; nắp đậy bằng PP; nắp bảo vệ và tem van: PE; tấm lọc acrylic copolymer trên thân làm bằng nylon; đĩa van bằng silicone - Có 2 màng lọc 0.45 - 0.46μm lọc không khí và 5 - 5.1μm lọc tiểu phân - Có van một chiều giúp tránh rò rỉ thuốc khi chai bị dốc ngược - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2.100

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
330	Kim lọc thận nhân tạo, cỡ 16G, 17G	Kim lọc thận nhân tạo dùng để lấy máu và trả máu trong thận nhân tạo - Kim 16G, 17G, dài 25 - 26mm. Kim bằng thép không gỉ - Đường kính trong của kim: 1.27 - 1.45mm, đường kính ngoài của kim: 1.47 - 1.65 mm - Đường kính trong của ống dây: 3.0 - 3.2mm; Đường kính ngoài của ống dây: 5.0 - 5.2mm; dây dài 30 - 40cm - Tổng chiều dài: 370 ± 10mm - Trọng lượng kim: ≤ 8gr - Cánh bướm xoay được quanh kim, có mắt sau - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	20.000
331	Kim lọc thận nhân tạo, đầu tù, cỡ 16G	Kim đầu tù bằng thép không gỉ dùng trong y tế - Chiều dài kim: 25 ± 1mm - Đường kính trong kim: 1.45 ± 0.1mm - Đường kính ngoài kim: 1.60 ± 0.1mm - Đầu kim bo tròn, mặt sau có khe mắt - Thành kim siêu mỏng phủ silicone - Dây nối mềm mại, bằng nguyên liệu Polyvinylchloride, không chứa Pyrogenic, không Latex - Chiều dài dây nối: 300 - 310 mm - Đường kính trong dây: 3.5 ± 0.1mm - Đường kính ngoài dây: 5.5 ± 0.1mm - Đầu nối với dây máu trong suốt làm từ Polycarbonate - Cánh bướm cố định hình thoi, trên cánh có gờ chống trượt - Đầu nối luerlock - Kẹp dạng bấm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO và Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	1.400
332	Kim lọc thận nhân tạo, phủ silicone, cỡ 16G	Kim lọc thận nhân tạo dùng để lấy máu và trả máu trong thận nhân tạo - Kim đầu nhọn AVF bằng thép không gỉ - Chiều dài kim: 25 ± 1mm - Đường kính trong kim: 1.45 ± 0.05mm - Đường kính ngoài kim: 1.60 ± 0.05mm - Có khóa bảo vệ an toàn Tulip nằm sau cánh giúp tránh tai nạn do kim, đầu an toàn dạng cánh hoa Tulip bao phủ đầu kim, có âm báo kích hoạt an toàn - Đầu kim 3 mặt vát hình chữ V, mặt sau có khe mắt - Thành kim siêu mỏng (bề dày thành kim ≤ 0.075mm) phủ silicone, giúp giảm lực xuyên kim - Dây nối mềm mại, bằng nguyên liệu Polyvinylchloride tiêu chuẩn y tế, không chứa pyrogenic và không latex - Chiều dài dây nối: 300 ± 2mm - Đường kính trong dây: 3,5 ± 0.5mm - Đường kính ngoài dây: 5,5 ± 0.5mm - Tốc độ dòng chảy tốt hơn: ≥ 230ml/min - Đầu nối với dây máu trong suốt làm từ Polycarbonate - Cánh bướm xoay, trên cánh có gờ chống trượt và cỡ kim in nổi - Đầu nối Luerlock - Kẹp dạng bấm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2.300

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
333	Kim lọc thận nhân tạo, phủ silicone, cỡ 17G	Kim lọc thận nhân tạo dùng để lấy máu và trả máu trong thận nhân tạo - Chất liệu: bằng thép không gỉ - Chiều dài kim: 25 - 30mm - Đường kính trong kim: $1.27 \pm 0.05\text{mm}$ - Đường kính ngoài kim: $1.45 \pm 0.05\text{mm}$ - Đầu kim 3 mặt vát hình chữ V, mặt sau có khe mắt - Thành kim siêu mỏng (bề dày thành kim $\leq 0.1\text{mm}$), phủ silicone, cỡ 17G - Dây nối bằng Polyvinylchloride, mềm mại, không chứa Pyrogenic và không latex - Chiều dài dây nối: 300 - 350mm - Đường kính trong dây: $3.5 \pm 0.5\text{mm}$ - Đường kính ngoài dây: $5.5 \pm 0.5\text{mm}$ - Tốc độ dòng chảy tốt hơn: $\geq 170\text{ml/min}$ - Đầu nối với dây máu trong suốt làm từ Polycarbonate dễ quan sát - Có khóa bảo vệ an toàn, đầu an toàn bao phủ đầu kim, có âm báo kích hoạt an toàn - Cánh bướm xoay, có gờ chống trượt và cỡ kim in nổi - Đầu nối Luerlock - Kẹp dạng bấm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2.400
334	Kim luồn mạch máu an toàn, hệ thống kín, các cỡ	Kim luồn mạch máu an toàn, hệ thống kín, các cỡ - Chất liệu sinh học polyurethan vialon hoặc tương đương, có 4 - 6 đường cản quang ngầm, di động mềm mại theo mạch máu không tổn thương thành mạch; phục hồi trạng thái khi bị bẻ gãy hoặc uốn cong, giúp giảm các biến chứng - Kim bằng thép không gỉ, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén, dễ xuyên qua da và thành mạch, báo hiệu kim đã tiêm đúng mạch - Kích cỡ: từ 18G (đường kính trong 0.96 - 1.0mm; chiều dài 3.2 - 4.5cm), 20G (đường kính trong 0.81 - 0.85mm; chiều dài 3.2 - 4.5cm), 22G (đường kính trong 0.65 - 0.69mm; chiều dài 2.5cm), 24G (đường kính trong 0.50 - 0.55mm; chiều dài 1.4 - 1.9cm) - Dây nối bằng Polyurethane, đường kính khoảng 1.2 - 1.6mm có van áp lực dương, cỡ 18G đến 22G chịu áp lực $\geq 300\text{psi}$, có 2 cổng kết nối female dạng luer lock kín, mỗi cổng có 2 đầu nối không kim, trên dây có sẵn kẹp khóa, tương thích với hệ thống dây dịch truyền - Có đầu bảo vệ nguyên khối đặc biệt bung ra khi rút kim - Tốc độ truyền 18 - 84ml/phút - Thời gian lưu kim ≥ 6 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	6,400
335	Kim luồn mạch máu an toàn, thời gian lưu đến 3-5 ngày, các cỡ	Kim luồn mạch máu an toàn, thời gian lưu đến 3-5 ngày, các cỡ - Kim bằng thép không gỉ, đầu kim 3 mặt vát, có đầu bảo vệ bằng kim loại - Catheter chất liệu bằng FEP phủ Teflon, có 4 - 6 đường ngầm cản quang, có màng kỵ nước chống máu tràn ra ngoài - Kích cỡ: 18G (đường kính 1.2 - 1.5mm; chiều dài 3.3 - 4.5cm), 20G (đường kính 1.0 - 1.3mm; chiều dài 3.3 - 4.5cm), 22G (đường kính 0.8 - 1.0mm; chiều dài 2.5 - 2.7cm), 24G (đường kính 0.6 - 0.9mm; chiều dài 1.9 - 2.0cm) - Cơ chế trào ngược 2 lần báo hiệu kim đã vào đúng mạch - Tốc độ dòng chảy: 22 - 96ml/phút - Tương thích với các đầu nối của dây truyền, dây nối - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	140.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
336	Kim luồn mạch máu an toàn, van chống trào ngược, thời gian lưu đến 7 ngày, các cỡ	Kim luồn mạch máu an toàn, van chống trào ngược, thời gian lưu đến 7 ngày, các cỡ - Chất liệu sinh học polyurethan hoặc tương đương, có > 5 đường ngầm cản quang - Kim bằng thép không gỉ, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén - Có van chống trào ngược, cơ chế báo hiệu kim đã vào đúng mạch, có nút bấm lùi kim an toàn sau khi tiêm. - Chuôi catheter bằng Polypropylene và Polycarbonate, tương thích với hệ thống dây truyền - Kích cỡ: 18G (đường kính trong 0.9 - 1.0mm, chiều dài 2.9 - 3.0cm), 20G (đường kính trong 0.7 - 0.9mm, chiều dài 2.5 - 3.0cm), 22G (đường kính trong 0.6 - 0.7mm, chiều dài 2.5 - 3.2cm), 24G (đường kính trong 0.4 - 0.6mm, chiều dài 1.9 - 2.0cm) - Tốc độ dòng chảy tối đa: 20 - 95ml/phút - Áp lực tối đa ≥ 250psi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	200.000
337	Kim luồn mạch máu, không cánh, không cửa, cỡ 14->24G	Kim luồn mạch máu, không cánh, không cửa - Chất liệu: ETFE - Kích cỡ: 14G (đường kính trong 1.7 - 1.8mm; chiều dài 5.0 - 5.5cm), 16G (đường kính trong 1.3 - 1.4mm; chiều dài 5.0 - 5.5cm), 18G (đường kính trong 0.9 - 1.0mm; chiều dài 5.0 - 5.5cm), 20G (đường kính trong 0.8 - 0.9mm; chiều dài 3.2 - 5.2cm), 22G (đường kính trong 0.6 - 0.7mm; chiều dài 2.5 - 3.0cm), 24G (đường kính trong 0.4 - 0.5mm; chiều dài 1.9 - 2.0cm), - Lưu lượng: 15 - 305 ml/phút - Có đường cản quang - Thời gian lưu lớn hơn 2 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10.000
338	Kim luồn mạch máu, không cánh, không cửa, cỡ 18G → 24G	Kim luồn mạch máu, không cánh, không cửa - Chất liệu: Polyurethane (PUR) - Kích cỡ: 18G (đường kính trong 0.9 - 1.0mm; chiều dài 3.0 - 5.0cm), 20G (đường kính trong 0.7 - 0.9mm; chiều dài 3.0 - 5.0cm), 22G (đường kính trong 0.6 - 0.7mm; chiều dài 2.5 - 3.2cm), 24G (đường kính trong 0.4 - 0.5mm; chiều dài 1.9 - 2.0cm), - Lưu lượng: 16 - 100 ml/phút - Đầu kim 3 mặt vát, có van chống trào ngược máu khi rút kim - Có ≥ 4 đường cản quang - Thời gian lưu lớn hơn 2 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	8.000
339	Kim sinh thiết điều trị khối u vú	Kim sinh thiết điều trị khối u vú cho máy sinh thiết chân không vú - Kim bằng thép không gỉ, mũi vát, chất liệu bên trong và vỏ ngoài kim: ABS, PC và Silicon - Kích thước kim 10G, đường kính bên ngoài 3.9 ± 0.5mm; đường kính bên trong 2.7 ± 0.5mm - Đường kính bên ngoài ống dẫn khí 1.6 ± 0.5mm đường kính bên trong ống dẫn khí 1.3 ± 0.5mm - Chiều dài kim 369 ± 0.5mm - Chiều dài mũi kim 109 ± 0.5mm - Tiệt khuẩn	Cái	90

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
340	Kim sinh thiết dùng 1 lần, dùng cho mô mềm, các cỡ	Kim sinh thiết, dùng cho sinh thiết mô mềm - Chất liệu: kim bằng thép không gỉ - Cỡ 14 → 22G (tối thiểu phải có 3 cỡ: 16G, 18G, 20G), dài khoảng 10 - 20cm - Đầu kim sắc bén, cần tia X, tia siêu âm. Đầu kim dẫn đường vát 3 mặt. Đầu trên của kim có đầu Luer Lock bằng nhựa trong. Có nút nhựa trượt để đánh dấu - Thân kim cứng chắc, có đánh dấu độ sâu, có hai mức độ sâu khi sinh thiết: khoảng 10mm và 20mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	280
341	Kim sinh thiết dùng 1 lần, dùng với ống soi khí phế quản siêu âm, cỡ 21G, 22G	Kim sinh thiết dùng 1 lần, dùng với ống soi khí phế quản siêu âm để chọc hút lấy sinh thiết dưới chế độ siêu âm - Cỡ kim: 21G, 22G - Chiều dài kim: 20 - 40mm - Tay cầm điều chỉnh 2 chiều - Dụng cụ kèm theo: bơm tiêm 20ml có nút chặn; 1 van nối kênh sinh thiết - Tương thích với kênh dụng cụ có đường kính 2.0mm và chiều dài làm việc 700mm - Tương thích với ống soi khí phế quản BF-UC190F (Hệ thống nội soi khí phế quản siêu âm của Bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	150
342	Kim sinh thiết gai nhau dùng 1 lần, cỡ 18G	Kim sinh thiết gai nhau - Kim bằng thép không gỉ - Kim 18G dài ≥ 16cm và nòng sinh thiết kích thước 20G dài khoảng 22 ± 1cm, có đầu phân âm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	60
343	Kim sinh thiết, cỡ 12 → 20G, dài 10 - 20cm	Kim sinh thiết vú, gan, thận, phổi, tuyến giáp, tuyến tiền liệt - Chất liệu bằng thép không gỉ - Kích thước: + Cỡ kim: 12 → 20G (tối thiểu phải có 3 cỡ: 14G, 16G, 18G), dài 10 - 20cm + Chiều dài cắt mô 19 ± 1mm + Độ sâu cắt: 15 - 22mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tương thích súng Magnum (Bệnh viện)	Cái	1.600
344	Kim tiêm dùng 1 lần, 26G	Kim tiêm dùng một lần - Chất liệu: thép không gỉ, đốc kim bằng nhựa bán trong suốt - Kích cỡ 26G, dài 3.6 - 3.9 cm - Đặc tính: mặt vát sắc bén, có nắp bảo vệ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.400
345	Kim tiêm dùng để luồn chỉ, sử dụng 1 lần, cỡ 23Gx1"	Kim tiêm dùng để luồn chỉ - Chất liệu: bằng thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa, - Kích thước: 23G x 1" - Bề mặt kim nhẵn, bóng không có tạp chất, vát đầu kim sắc không có gờ. Liên kết giữa đốc kim và thân kim chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. Có nắp đậy đầu kim. Không có chất gây sốt (pyrogene) - Có thể luồn được chỉ có đường kính 3/0.EF 2.5 (chỉ Chromic Catgut số 3/0, 75cm, 1 kim tam giác, 3/8C, 26mm) - Vi/ 10 cái - Tiệt khuẩn từng cái - tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	11.660

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
346	Bộ kit trao đổi huyết tương, hồng cầu và túi dung dịch chống đông	Bộ kit trao đổi huyết tương, hồng cầu - Túi dung dịch chống đông - Có filter lọc 200 μ ms - Có túi đuôi khí - Túi thải thể tích 6L - Van an toàn - Thể tích vòng tuần hoàn: 140 - 150ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Bộ	60
347	Lọ lấy đàm tiết khuẩn, các cỡ	Lọ lấy mẫu đàm trong phễu quần - Lọ chứa đàm bằng PVC, có vạch đo, thể tích chứa 20 - 25ml - Nắp đậy bằng nhựa, trên nắp có 2 dây hút bằng nhựa PVC mềm trong: 1 dây hút đàm, có 2 lỗ hút và 1 dây nối có van kiểm soát - Kích cỡ dây hút đàm 6Fr, 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr - Chiều dài dây hút đàm dài khoảng 45 - 57cm, chiều dài dây nối $\geq$ 45cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	12.000
348	Lưỡi dao mổ, cỡ 10, 11, 12, 15, 20, 21	Lưỡi dao mổ dùng trong phẫu thuật - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích cỡ: cỡ 10, 11, 12, 15, 20, 21 - Chiều cao: từ 5.0 đến 9.5mm, chiều dài: từ 38 đến 52mm - Lưỡi dao sắc, mảnh, đúng kiểu dáng từng cỡ dao theo chuẩn quốc tế - Tương thích với cán dao bằng tay - Đóng gói bằng vỏ nhôm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	80.300
349	Mặt nạ (mask) khí dung dùng cho trẻ em, người lớn	Mặt nạ (mask) khí dung dùng cho trẻ em, người lớn. Bao gồm: - 01 mặt nạ: bằng nhựa PVC, không latex, trên mặt nạ có kẹp mũi và đính kèm dây cố định mặt nạ vào mặt người bệnh, đường kính 2 lỗ bên khoảng 2cm - Kích cỡ người lớn: 8 x (13 $\pm$ 1)cm - Kích cỡ trẻ em: 7 x (11 $\pm$ 1)cm - Bầu chứa thuốc 8ml, đường kính 17 $\pm$ 0.5mm, bầu thẳng đứng, giảm tồn đọng thuốc sau khi phun, kích thước hạt 3 - 7 μ m - 01 dây nối dài khoảng 2m, tương thích với máy phun khí dung tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	14.000
350	Mặt nạ (mask) mũi miệng, dùng cho máy thở không xâm lấn, dùng nhiều lần	Mặt nạ (mask) mũi miệng dùng cho máy thở không xâm lấn, dùng nhiều lần, các cỡ - Chất liệu: miếng đệm Silicon - Kích thước: nhỏ, trung bình và lớn - Cấu tạo: + Miếng đệm ôm sát khuôn mặt, ngăn ngừa rò rỉ khí + Khung mặt nạ nằm dưới mắt giúp tầm nhìn tự do + Dây cố định: dạng khóa bằng từ + Miếng đo kích thước khuôn mặt - Tương thích với hệ thống dây thở không xâm lấn 1 nhánh Resmed tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	20

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
351	Mặt nạ oxy túi, không thở lại, người lớn	Mặt nạ oxy túi không thở lại, dành cho người lớn - Mặt nạ: nhựa PVC y tế, 2 van mỏng bằng silicone 2 bên mặt nạ và 1 van một chiều tại co nối mặt nạ với túi chứa oxy, thanh nhôm cố định mũi, dây cố định đầu co giãn - Chiều cao $14 \pm 01\text{cm}$, rộng $9 \pm 01\text{cm}$ - Túi chứa oxy bằng nhựa PP hoặc PVC, dày, trong, co nối với dây oxy nguồn xoay được 360 độ - Dây nối với oxy nguồn bằng PVC, dài $2 \pm 0.2\text{m}$, tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Đặc tính: Đảm bảo mặt nạ kín, không gây kích ứng da, khả năng cung cấp oxy đạt 90% - <u>Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO</u>	Cái	2.200
352	Mặt nạ oxy túi, không thở lại, trẻ em	Mặt nạ oxy túi không thở lại, dành cho trẻ em - Mặt nạ: nhựa PVC y tế, 2 van mỏng bằng silicone 2 bên mặt nạ và 1 van một chiều tại co nối mặt nạ với túi chứa oxy, thanh nhôm cố định mũi, dây cố định đầu co giãn - Chiều cao $09 \pm 01\text{cm}$ - Túi chứa oxy bằng nhựa PP, dày, trong, co nối với dây oxy nguồn xoay được 360 độ - Dây nối với oxy nguồn bằng PVC, dài $2 \pm 0.2\text{m}$, tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Đặc tính: Đảm bảo mặt nạ kín, không gây kích ứng da, khả năng cung cấp oxy đạt 90% - <u>Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO</u>	Cái	100
353	Miếng dán điện cực tương thích trong môi trường MRI	Miếng dán điện cực theo dõi tín hiệu ECG tương thích trong môi trường MRI, sử dụng 1 lần, dùng cho người lớn và trẻ em, hình tròn - Loại gel ướt dán trực tiếp lên da - Lớp nền bằng foam Polyethylene (PE) dày 1mm, không bị kéo giãn - Đầu điện cực bằng carbon tương thích với môi trường MRI - Chống khử rung tim - Sử dụng cảm biến: nhựa Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS) sợi thủy tinh, phủ Ag /AgCl - Thời gian sử dụng: > 72 giờ	miếng	1.200
354	Miếng dán điện cực, hình chữ nhật, cỡ $3.3 \times (3.7 - 4.0)\text{cm}$	Miếng dán điện cực dùng trong đo ECG, Holter, theo dõi điện tim của người bệnh qua monitor - Chất liệu: nút điện cực bằng thép không gỉ, lớp nền xốp phủ gel dính keo Acrylate - Kích cỡ: $3.3 \times (3.7 - 4.0)\text{cm}$ - Đặc tính: hình chữ nhật, góc bo tròn, gel sử dụng ít chloride, nút điện cực có nắp bảo vệ - <u>Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO</u>	cái	300.000
355	Miếng dán điện cực, hình chữ nhật, cỡ $3.6 \times (4.5 - 5.0)\text{cm}$	Miếng dán điện cực dùng trong đo ECG, Holter, theo dõi điện tim của người bệnh qua monitor - Chất liệu: nút điện cực bằng thép không gỉ, lớp nền xốp phủ gel dính keo Acrylate - Kích cỡ: $3.6 \times (4.5 - 5.0)\text{cm}$ - Đặc tính: hình chữ nhật, góc bo tròn, gel sử dụng ít chloride, nút điện cực có nắp bảo vệ - <u>Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO</u>	cái	110.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
356	Miếng dán sát khuẩn chứa Chlorhexidine Gluconate 2%, 10 x 12cm ($\pm 05\%$)	Miếng dán sát khuẩn có chứa Chlorhexidine Gluconate 2% dùng cố định catheter tĩnh mạch trung tâm - Màng film Polyurethane, phủ lớp keo Acrylate $\leq 15\%$; chính giữa có Gel CHG kháng khuẩn 35 - 45% với kích thước khoảng $(3 \times 4) \pm 0.5\text{cm}$; xung quanh viền vải không dệt - Kích thước: $10 \times 12\text{cm}$ ($\pm 05\%$) - Đặc tính: Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính $\geq 27\text{nm}$, thấm máu và dịch tiết. - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, có băng keo cố định đi kèm dùng cho cố định dây truyền dịch - Thời gian lưu tối thiểu 5 ngày - Tiết khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	11.000
357	Miếng dán sát khuẩn chứa Chlorhexidine Gluconate 86 - 92 mg	Miếng dán sát khuẩn dùng cho Catheter tĩnh mạch trung tâm - Miếng dán chứa Chlorhexidine Gluconate 86 - 92mg - Đường kính 2.5cm - Phóng thích Chlorhexidine duy trì liên tục đến 7 ngày - Hấp thu lượng dịch gấp 8 lần trọng lượng miếng dán. - Đóng gói tiết khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	610
358	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật 56 x 45 cm ($\pm 05\%$)	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật, phủ Iodophor, kháng khuẩn - Chất liệu: Lớp film Polyester resin phủ Iodophur hàm lượng 0.110 - 0.200mg/cm², lớp giấy lót - Kích thước: băng 56 x 45cm ($\pm 05\%$) - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	2.080
359	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật phủ Iodophur, 34 x 35 cm ($\pm 05\%$)	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật, phủ Iodophor, kháng khuẩn - Chất liệu: Lớp film Polyester resin phủ Iodophur hàm lượng 0.110 - 0.200 mg/cm², lớp giấy lót - Kích thước: băng 34 x 35cm ($\pm 05\%$) - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	4.300
360	Miếng dán theo dõi nồng độ oxy tại não/mô	Miếng dán theo dõi nồng độ oxy tại não/ mô (rSO2) - Phân tích tín hiệu và dò tìm tín hiệu cho kết quả chính xác sử dụng ≥ 2 đầu phát và ≥ 2 đầu thu - Cảm biến sự thay đổi về tưới máu ≤ 1.5 giây - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	20
361	Miếng đặt vùng cằm	Miếng đặt vùng cằm - Chất liệu silicon y tế dạng thanh, mềm mại, dai, chắc, dễ tạo hình theo hình dạng của cơ quan cần cấy ghép - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	12
362	Miếng đặt vùng mũi	Miếng đặt vùng mũi - Chất liệu silicon y tế dạng thanh, mềm mại, dai, chắc, dễ tạo hình theo hình dạng của cơ quan cần cấy ghép - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	160
363	Miếng đệm bảo vệ mắt tránh tia UV các cỡ	Miếng đệm bảo vệ mắt tránh tia UV hỗ trợ trong chiếu đèn điều trị vàng da - Chất liệu: vải không dệt, không latex - có 2 điểm gắn kết có thể điều chỉnh độc lập - 2 miếng đệm bảo vệ mắt - Kích cỡ: 20 - 25cm, 26 - 31cm, 33 - 38cm - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	850

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
364	Miếng đệm mũi	Miếng đệm mũi ngăn ngừa loét tỳ đè vùng da tại mũi khi thở máy không xâm lấn - Chất liệu: hypoallergenic Polyme - Kích thước: 3 x 8cm - Đặc tính: không gây kích ứng da, không chứa latex - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	60
365	Miếng tẩy chất keo	Miếng tẩy chất keo - Chất liệu: có chứa 100% Hexamethyldisiloxane - Đặc điểm: không gây kích ứng da - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2.000
366	Nắp bình dẫn lưu màng phổi	Nắp bình dẫn lưu màng phổi dùng với bình dẫn lưu phổi bằng thủy tinh - Nắp bằng nhựa PVC, đường kính trong 3.6 ± 0.1 cm, đường kính ngoài 4.0 ± 0.1 cm - Cấu tạo: gồm ống thủy tinh trong dài 30 - 35cm nối ống dẫn lưu nhựa dẻo dài 100 - 120cm, đầu ống có 1 co nối tương thích với catheter màng phổi; 01 ống hút nhựa dẻo dài 30 - 35cm - Tiệt khuẩn - Tương thích với bình dẫn lưu màng phổi bằng thủy tinh cùng hãng, đảm bảo kín	cái	800
367	Nắp đóng bộ chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng	Nắp đóng bộ chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng sử dụng để bảo vệ đầu khóa nối của bộ chuyển tiếp - Chất liệu bằng nhựa chứa povidon-iod - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	4.500
368	Nẹp căng tay	Nẹp căng tay dùng để cố định chấn thương gãy xương bong gân căng tay, cổ tay và bàn tay. Sơ cấp cứu chấn thương xương, khớp, cân cơ vùng căng tay, cổ tay. Hỗ trợ cố định sau gãy đầu dưới xương quay, xương trụ, gãy potocol. - Cấu tạo: được làm từ vật liệu tự dính, mút xốp, vải cotton, thanh nẹp hợp kim nhôm uốn định hình và thanh nẹp đàn hồi, hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) tạo nên tính cố định - Kích cỡ: 12-14cm, 14-16cm, 16-18cm, 18-20cm, 20-22cm. - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	150
369	Nẹp căng tay gân duỗi	Nẹp căng tay gân duỗi trái/phải - Chức năng: dùng trong hỗ trợ sau phẫu thuật khâu nối gân duỗi - Chất liệu: Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm	Cái	20
370	Nẹp căng tay gân gấp	Nẹp căng tay gân gấp dùng trong hỗ trợ sau phẫu thuật khâu nối gân gấp - Chất liệu: Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm	Cái	20
371	Nẹp căng tay ôm ngón cái	Nẹp căng tay ôm ngón cái - Chức năng: Nẹp dùng trong gãy ngón cái, sau phẫu thuật gãy xương thuyền, viêm gân dạng dài duỗi ngón cái gây viêm hẹp bao gân gấp ngón 1 tay hai bên - Chất liệu: Thanh nẹp hợp kim nhôm ôm ngón cái đến cổ tay, bao bọc bởi mút xốp và vải cotton. - Gồm các thanh nẹp được định hình sẵn, ôm sát ngón tay cái và bàn tay phần tiếp xúc có lớp đệm mút và vải. - Kích cỡ: 12-14cm, 14-16cm, 16-18cm, 18-20cm, 20-22cm. - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40
372	Nẹp cánh căng tay	Nẹp cánh căng tay dùng trong sơ cứu, cố định gãy xương, bong gân khu vực 1/3 dưới xương cánh tay. - Chất liệu: hợp kim nhôm, vải dệt kim, vải không dệt, - Cấu tạo: bản nẹp hợp kim nhôm dài từ bàn tay tới gần nách, có thể uốn được theo tư thế điều trị, các thanh nẹp nhỏ. bộ mút dệt kim đệm dày và êm, các dây đai bằng vải cotton để cố định nẹp vào tay bằng khóa Velcro (băng nhám dính) - 5 kích cỡ : 15-28cm, 28-31cm, 31-34cm, 34-37cm, 37-40cm. - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
373	Nẹp chống xoay ngán	Nẹp chống xoay ngăn cổ định gãy cổ xương đùi ở người già không có chỉ định phẫu thuật. Sau phẫu thuật, quanh ổ cối, cổ xương đùi, khớp gối, cổ chân - Bản nẹp bằng hợp kim nhôm, thanh nhôm được bao bằng đệm mút và vải cotton - Bản nẹp định hình uốn cong theo độ cong của bàn chân và cẳng chân, chịu lực tốt xoay ngang, cố định vào chân bởi khóa velcro (băng nhám dính) - Chiều dài tính từ mũi đến gót chân 28cm, cao 37cm, rộng 23cm ($\pm 05\%$) - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	150
374	Nẹp cổ cứng	Nẹp cổ cứng hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ, sơ cứu chấn thương đốt sống cổ. - Chất liệu: mút xốp bằng Ethylene Vinyl Acetate - Cấu tạo: gồm 2 mảnh riêng biệt được gắn với nhau bởi khóa velcro (băng nhám dính), có những lỗ nhỏ làm thoáng khí sử dụng. - Kích thước: 7, 9, 11cm ($\pm 05\%$) - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	300
375	Nẹp cổ định gãy xương đốt gần ngón tay	Nẹp cổ định gãy xương đốt gần ngón tay - Chất liệu: gồm một thanh nhôm dẻo bao ngoài một lớp đệm mút, có thể uốn theo tư thế điều trị ngón tay. - Chiều dài nẹp 22cm ($\pm 05\%$) - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	36
376	Nẹp cổ định gãy xương đốt xa ngón tay	Nẹp cổ định gãy xương đốt xa ngón tay - Chất liệu: gồm một thanh nhôm thẳng với lớp đệm mút ở trong, có các móc uốn cong ôm trọn ngón tay - Kích thước: 3 x 2 x 11cm ($\pm 05\%$) - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	22
377	Nẹp cổ định khớp gối	Nẹp cổ định khớp gối dùng cố định khớp gối chấn thương hoặc phẫu thuật. - Chất liệu: 4 thanh nẹp hợp kim nhôm định hình, tấm đệm mút, vải tự dính, hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) - Chiều dài nẹp: 40, 50, 60, 70cm ($\pm 05\%$) - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	160
378	Nẹp cổ định khớp gối, có khóa điều chỉnh độ co duỗi	Nẹp cổ định khớp gối, có khóa điều chỉnh độ co duỗi, hạn chế di lệch khớp gối bằng bản lề khóa quay số điều chỉnh. - Chất liệu: 4 thanh nẹp hợp kim nhôm, 2 bộ khóa ở khớp có thể điều chỉnh góc độ co duỗi như chức năng khớp gối (giới hạn mở rộng từ 0 - 90 độ, giới hạn uốn từ 0 - 135 độ), bộ mút dẹt kim đệm dày và êm, các dây đai bằng vải cotton và khóa velcro (băng nhám dính) - Chiều dài hai thanh nẹp hợp kim nhôm khoảng 52 ± 1 cm, đường kính ổ khớp điều chỉnh góc độ khoảng 6.5cm, chiều dài dây đai cố định ở bắp đùi khoảng 75-80cm, chiều dài dây đai cố định ở bắp chân khoảng 45-50cm. - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	110
379	Nẹp cổ mềm	Nẹp cổ mềm sử dụng trong hỗ trợ nâng đỡ khi chấn thương cột sống cổ nhẹ - Chất liệu: đệm mút có độ đàn hồi, bên ngoài bao bọc bằng vải cotton. Có hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) giúp cố định nẹp cổ - Kích thước nẹp: 5, 6, 8, 10cm - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	50
380	Nẹp cổ tay	Nẹp cổ tay sử dụng trong cố định gãy xương cổ tay, xương bàn ngón tay, bong gân vùng cổ tay - Thanh nẹp bằng hợp kim nhôm, vải chun và khóa velcro (băng nhám dính) giúp cố định cổ tay, cẳng tay, bàn tay - Kích cỡ: 12-14cm, 14-16cm, 16-18cm, 18-20cm, 20-22cm. - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	60

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
381	Nẹp đệm ngăn	Nẹp đệm ngăn sử dụng trong các trường hợp chấn thương cổ chân, gãy các xương bàn, ngón chân (sử dụng cho chân ở trạng thái nghỉ) - Cấu tạo: bàn nẹp hợp kim nhôm định hình uốn theo độ cong của bàn chân và cẳng chân, đệm mút, vải cotton và khóa velcro (băng nhám dính). - Kích thước: 25 x 14 x 19cm (± 5%) - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	175
382	Nón phẫu thuật dạng xếp	Nón phẫu thuật dạng xếp - Chất liệu: vải PP không dệt 14g/m ² , màu xanh - Chiều dài chưa kéo giãn: 15 - 20cm - Chiều dài tối đa khi kéo giãn: 50 - 55cm - Đặc điểm: bo thun, 2 thun ôm sát vòng đầu, thoáng khí, không dễ rách khi thao tác sử dụng - Bao bì có vị trí dễ mở/xé dễ dàng - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	600.000
383	Nút đẩy catheter	Nút đẩy catheter, sử dụng 2 đầu để kết nối - Đầu nối Luer Lock và Luer Slip - Đầu phù hợp với các loại dây truyền dịch và xylanh - Vật liệu Polyethylene - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	6.000
384	Ống Ca-nuyn mở khí quản 1 nòng có bóng, cỡ 6 -> 10	Ống Ca-nuyn mở khí quản 1 nòng có bóng - Chất liệu: PVC phủ silicone, không latex, không DEHP - Kích cỡ: số 6.0 → 10 (tối thiểu 5 cỡ), đường kính ngoài 4.2 - 13.7mm, dài ống 35 - 100mm, đường kính bóng 9 - 35mm - Bóng thể tích lớn, áp lực nhỏ, có đường cân quang chạy dọc thân ống - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	10
385	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ, cỡ 6 -> 10	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ - Chất liệu: nhựa PVC y tế, trong suốt, mềm ở nhiệt độ cơ thể, có đường cân quang trên thân ống - Kích cỡ: 6; 7; 7,5; 8; 8,5; đường kính trong 5.0 - 7.5mm, chiều dài 64 - 78mm, độ cong chuẩn 105 độ - 02 nòng trong, đầu tròn, có mấu ngát, đầu nối 15mm gắn chặt với ống, cho phép gắn hệ thống dây máy thở ngay cả khi không chèn nòng trong - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	20
386	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, không bóng, không cửa sổ, các cỡ	Ống Ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, không bóng, không cửa sổ - Chất liệu: nhựa PVC y tế, mềm ở nhiệt độ cơ thể, không gây kích ứng, có đường cân quang trên thân ống - Kích cỡ: 6, 7, 7.5, 8, 9, 10, đường kính trong 6.0 - 10.0mm, chiều dài 64 - 88mm, độ cong chuẩn 105 độ - 02 nòng trong, đầu tròn, có mấu ngát, đầu nối 15mm gắn chặt với ống, cho phép gắn hệ thống dây máy thở ngay cả khi không chèn nòng trong - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	20

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
387	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, không bóng, không cửa sổ, cỡ 5, 6, 7, 8, 9	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, không bóng, không cửa sổ dùng trong trường hợp người bệnh có thở tự nhiên - Nòng ống bên trong làm bằng chất liệu Hydrophobicity - Nòng ống bên trong có thể được tháo ra để lau rửa chất nhờn - Kích cỡ: cỡ 5, 6, 7, 8, 9 - Đường kính trong: 5 - 9mm - Đường kính ngoài: 8.5 - 13.5mm - Chiều dài ống tương ứng: 55 - 80mm - Ống bên ngoài cản tia X.quang - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	175
388	Ống cho ăn, bằng 100% silicone, cỡ từ 6→ 20Fr	Ống cho ăn thông mũi dạ dày lưu dài ngày - Chất liệu: 100% silicone - Kích cỡ: 6 - 20Fr, (tối thiểu 8 kích cỡ), đường kính trong: 1 - 4.5 mm - Chiều dài ống 50 - 96cm - Đặc tính: đầu ống hình nón, có 04 lỗ ở cuối ống, có đường cản quang, đầu tip cản quang, có vạch đánh dấu chiều dài trên ống, có phễu và nắp (đầu tip đóng) - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.550
389	Ống cho ăn, bằng polyurethane	Ống cho ăn, thông mũi dạ dày lưu dài ngày - Chất liệu bằng Polyurethane trong suốt, phủ đầu silicone - Kích cỡ: 15Fr (đường kính trong 3.5 ± 0.1mm), chiều dài khoảng 100 - 120cm - Trên thân ống có vạch chia, có tối thiểu 1 đường cản quang, có dây dẫn đường dạng xoắn ốc - Có cổng nối thấp ở nối chữ Y, cổng nối khóa luer, tương thích với đầu nối của hệ thống dây cho ăn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	3.105
390	Ống cho ăn, bằng PVC, cỡ 12→ 18Fr	Ống cho ăn thông mũi dạ dày dành cho người lớn - Chất liệu: bằng nhựa PVC, trong suốt, không chứa DEHP - Kích cỡ: 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr - Đường kính trong: 4 - 6mm, chiều dài 120 - 135cm - Thân ống có đường cản quang, có vạch đánh dấu chiều dài trên thân ống tại vị trí 45cm, 55cm, 65cm, 75cm (tính từ đầu đến cuối ống) - Thời gian lưu ống: 5 - 7 ngày - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	6.200
391	Ống cho ăn, bằng PVC, cỡ 5→ 10Fr	Ống cho ăn thông mũi dạ dày dành cho trẻ em - Chất liệu: bằng nhựa PVC, trong suốt, không chứa DEHP - Kích cỡ 5Fr, 6Fr, 8Fr, 10Fr - Đường kính trong: 1.2 - 3.3mm, dài 50 - 60cm - Thân ống có đường cản quang - Có 4 vạch đánh dấu chạy dọc theo chiều dài ống tính từ đầu cuối ống tại vị trí 20cm, 30cm, có 2 mắt phụ - Thời gian lưu ống khoảng 5 - 7 ngày - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2.700
392	Ống dẫn lưu dạng mao mạch	Ống dẫn lưu dạng mao mạch - Chất liệu: Silicon - Kích thước: 290 - 300mm - Đường kính: 7 - 10mm - Rộng: 12 - 16mm - Cấu trúc dạng xương sườn song song, có sọc cản quang - Tiết khuẩn	Cái	500

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
393	Ống dẫn lưu màng phổi bằng nhựa trung tính, cỡ 16 → 36Fr, dài 44 - 46cm	Ống dẫn lưu dịch trong màng phổi - Chất liệu: PVC cản quang - Cỡ 16 → 36Fr (tối thiểu 6 cỡ), dài 44 - 46 cm, đường kính trong: 3.5 - 8.5mm - Đầu ống vát, có nhiều lỗ dọc thân ống - Trên thân có khắc vạch đánh dấu; thân ống vạch cản tia X giúp ống có thể nhìn thấy được trên phim X Quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.500
394	Ống dẫn lưu màng phổi có trocar, 12 → 32Fr	Ống dẫn lưu màng phổi có trocar dùng để dẫn lưu dịch màng phổi - Chất liệu: Làm bằng vật liệu PVC tương thích sinh học, có cản quang, có vạch đánh dấu độ sâu trên ống - Kích cỡ: 12 → 32Fr (tối thiểu phải có size 28 Fr và 32Fr) - Đường kính trong: 4 - 10.7mm - Chiều dài: 23 - 40cm - Có kèm chùy chọc trocar độ xuyên thủng 3-4cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	40
395	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng áp thành khí quản	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng áp thành khí quản sử dụng cung cấp đường khí quản thứ cấp, thay thế ống mở khí quản tiêu chuẩn - Chất liệu: silicone - Đường kính ngoài: 9 - 13mm - Độ dày thành khí quản: 17 - 65mm - Chiều dài thân ống: 37mm - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	10
396	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng ống	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng ống sử dụng ngăn hẹp lỗ mở khí quản trong trường hợp người bệnh cần duy trì lỗ mở khí quản lâu dài - Làm bằng chất liệu silicone cấy ghép - Chiều dài: 18 - 55mm - Đường kính trong: 9.5 - 20.5mm - Đường kính ngoài: 12 - 25mm - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	7
397	Ống hút đàm có khóa kiểm soát, cỡ 6 → 10Fr	Ống hút đàm có khóa kiểm soát - Chất liệu: nhựa PVC mềm, màu trắng, không latex - Đường kính ngoài 1.9 - 3.3mm, chiều dài 46 - 60cm - Đầu hút bo tròn, loại thẳng, kiểu Mully - có co nổi, tương thích với hệ thống hút của Bệnh viện - Kích cỡ: 6 → 10Fr (tối thiểu 3 cỡ) - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	12.000
398	Ống hút đàm, cỡ 6 → 16Fr	Ống hút đàm, có hoặc không có khóa kiểm soát - Chất liệu: nhựa PVC mềm, màu trắng, không Latex - Đường kính ngoài 1.9 - 5.3mm, chiều dài 45 - 60cm - Đầu hút bo tròn, loại thẳng, kiểu Mully, lỗ hút nhỏ 1 - 1.7mm - Co nổi, tương thích với hệ thống hút của Bệnh viện - Kích cỡ: 6 → 16Fr (tối thiểu 6 cỡ) - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	250.000
399	Ống hút dịch dùng trong sinh thiết nội mạc tử cung	Ống hút dịch dùng trong sinh thiết nội mạc tử cung - Chất liệu: Vỏ bằng nhựa polypropylen trong suốt - Chiều dài 23.5 - 50cm; đường kính trong khoảng 2.6mm; đường kính ngoài khoảng 3.1mm - Đặc điểm: có vạch chia, đầu tù, có lỗ mở 2mm, có các cạnh sắc bén cách đầu xa, pit tông bằng nhựa acetal mềm, di chuyển tạo chân không cho lòng ống - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	200

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
400	Ống hút nhựa dùng trong sản khoa	Ống hút thai bằng nhựa Polyethylen (PE) hoặc PVC, màu trắng trong, trơn láng không có cạnh bén - Đường kính: 0.4 - 0.6cm - Tiệt khuẩn	Cái	1.500
401	Ống mở khí quản dài	Ống mở khí quản tạo đường khí quản thứ cấp cho người bệnh hẹp đường khí quản lồng ngực - Làm bằng chất liệu silicone cấy ghép - Chiều dài: 105 - 110mm - Đường kính trong: 6.5, 7.5, 8.5mm - Đường kính ngoài: 11, 12, 13mm - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	5
402	Ống nối chữ Y	Ống nối chữ Y, dùng kết nối hệ thống dẫn lưu - Chất liệu: nhựa carbonate trong suốt - Kích cỡ: 1/4x1/4x1/4; 1/2x3/8x3/8; 3/8x3/8x3/8; 1/4 x 3/16 x 3/16; 3/8x3/8x1/4 - Đặc tính: chữ Y, 3 đầu male, tương thích với hệ thống dây nối của Bệnh viện, có hoặc không có khóa luer lock - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	600
403	Ống nội khí quản có bóng chèn hình oval, cỡ 5.0 → 8.5	Ống nội khí quản có bóng chèn hình oval - Chất liệu bằng nhựa Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. Đầu ống bo tròn, có dây cán quang, bóng chèn hình oval có thể tích lớn, áp lực bóng chèn thấp < 27cm H2O - Kích cỡ: số 5.0; 5.5; 6.0; 6.5; 7.0; 7.5; 8.5 - Kính cỡ ống trong và ngoài: 5/6.8; 5.5/7.5; 6/8.2; 6.5/8.9; 7/9.6; 7.5/10.2; 8/10.9; 8.5/11.5 - Đường kính bóng chèn từ 16 đến 28mm - Chiều dài ống từ 240 đến 330mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu) - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gập	Bộ	9.270
404	Ống nội khí quản có bóng chèn, cỡ 3 → 8	Ống nội khí quản có bóng chèn áp lực thấp - Chất liệu bằng nhựa Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex., - Kích cỡ 3.0; 3.5; 4.0; 4.5; 5.0; 5.5; 6.0; 6.5; 7.0; 7.5; 8.0 - Đường kính trong 3 - 8 mm, đường kính ngoài 4.2 - 10.9mm, chiều dài ống 160 - 320mm, đường kính bóng chèn 8 - 27mm - Ống có 2 vạch cán quang đậm đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch chạy dọc thân giúp định vị ống, đầu ống tù có mắt Murphy được đánh nhãn. - Bóng chèn có thể tích lớn, áp lực bóng chèn thấp < 20cm H2O - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gập	Bộ	14.350
405	Ống nội khí quản công miệng có bóng chèn bằng Polyvinylclorua, cỡ 4.0 → 7.5	Ống nội khí quản công miệng có bóng chèn - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: số 4.0 → 7.5 (tối thiểu 8 cỡ) - Ống có 2 vạch cán quang đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch chạy dọc thân. Đầu ống kéo dài bo tròn, thân ống cong hình chữ U. - Bóng chèn có thể tích lớn, áp lực bóng chèn thấp < 27cm H2O - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gập	Bộ	2.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
406	Ống nội khí quản công miệng có bóng kèm lỗ hút dịch cỡ 6.5 → 8	Ống nội khí quản công miệng, có bóng chèn hình nón và dây hút đàm ngay dưới thanh môn ngăn nguy cơ hít sặc - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: số 6.5 → 8 (tối thiểu 4 cỡ), dài 308 - 375mm, đường kính trong ống 6 - 9mm - Thân trơn, đường cán quang, đầu ống tù. - Bóng chèn có thể tích lớn, áp lực thấp < 27cm H2O. - Lỗ hút sát bóng chèn giúp hút tối đa dịch đọng trên bóng - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gập	Cái	380
407	Ống nội khí quản công miệng không bóng chèn, cỡ 3.0 → 5.0	Ống nội khí quản công miệng không bóng chèn - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: số 3.0 → 5.0 (tối thiểu 5 cỡ) - Ống có 2 vạch cán quang đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch chạy dọc ống, đầu ống bo tròn, thân ống cong hình chữ U. - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gập	Cái	120
408	Ống nội khí quản công mũi, có bóng chèn bằng Polyvinylclorua, cỡ 3.0 → 7.0	Ống nội khí quản công mũi, có bóng chèn - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC), cảm ứng nhiệt, không chứa Latex - Kích cỡ: số 3.0 → 7.0 (tối thiểu 9 cỡ) - Ống có độ cong phù hợp với đường cong phế quản và hướng luồng đường mũi, đầu ống bo tròn, thân ống có chia vạch, bóng chèn thể tích lớn, áp lực thấp - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gập	Bộ	200
409	Ống nội khí quản không bóng chèn, cỡ 2.5 → 6.5	Ống nội khí quản không bóng chèn - Ống bằng nhựa Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, 5.5, 6.0, 6.5 - Đường kính trong từ 2.5 - 6.5 mm, đường kính ngoài từ 3.6 - 8.8mm, chiều dài ống từ 130 - 290mm - Ống có 2 vạch cán quang đậm đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch chạy dọc thân giúp định vị ống. Đầu ống vê tù và có mắt được đánh nhãn bóng - Đóng gói tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gập	Bộ	550
410	Ống nội khí quản lò xo công mũi miệng có bóng chèn bằng Polyvinylclorua, cỡ 2.5 → 8.5	Ống nội khí quản lò xo công mũi miệng có bóng chèn - Chất liệu trong suốt PVC nhạy nhiệt, phủ silicone tương thích sinh học, không chứa latex. Lò xo gia cố làm bằng thép không gỉ chống xoắn. Hình dạng cong. - Ống có đường cán quang dày, vạch chia rõ ràng - Bóng thể tích lớn áp lực thấp (<25cmH2O) - Co nối tiêu chuẩn 15mm, trên ống gần bóng có vạch tròn đen lớn đánh dấu độ sâu - Kích cỡ: 2.5→ 8.5 (tối thiểu 11 cỡ), đường kính ngoài từ 4.2→ 12.3mm, đường kính bóng từ 8.0 → 27mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gập	Bộ	300

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
411	Ống nối thẳng có khóa luer lock	Ống nối thẳng dùng để kết nối hai ống truyền dịch với nhau trong bộ dây tim phổi nhân tạo HLP - Chất liệu: Polycarbonate, PVC - Kích cỡ: 1/4 Male - Đặc tính: có nối thẳng có khóa luer lock - Tương thích với hệ thống dây nối của Bệnh viện. - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	650
412	Ống nối thẳng con sò	Ống nối thẳng con sò - Chất liệu làm từ nhựa trắng, nguyên chất, trung tính, có tính chịu lực, chịu nhiệt cao - Chiều dài 61-63mm, rộng 20-21mm, đường kính trong 5.5 - 6.0mm, đường kính khớp chặn 9.5 - 10mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	8.400
413	Ống nối thẳng không có khóa luer lock	Ống nối thẳng dùng để kết nối hai ống truyền dịch với nhau trong bộ dây tim phổi nhân tạo HLP - Chất liệu: Polycarbonate, PVC - Kích cỡ: 1/4 x 1/4; 1/4 x 3/16; 3/8 x 1/4; 3/8 x 3/8, 3/16 x 3/16; 1/2 x 1/2; 1/2 x 3/8; 1/2 x 1/4 - Đặc tính: có nối thẳng không có khóa luer lock - Tương thích với hệ thống dây nối của Bệnh viện - Đóng gói tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.100
414	Ống sửa chữa đoạn hẹp hạ hầu, thực quản	Ống sửa chữa đoạn hẹp đầu thực quản, hạ hầu và đóng lỗ dò thực quản, hạ hầu - Dài khoảng 190 - 195mm, đường kính đầu lớn 33 - 45mm, đường đầu nhỏ 8 - 20mm - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	2
415	Ống thở ô-xy 1 nhánh cỡ 8→16Fr	Ống thở ô-xy 1 nhánh - Chất liệu: nhựa PVC mềm, trong, không chứa latex, không chứa DEHP - Kích cỡ: 8 → 16Fr (tối thiểu 5 cỡ), dài khoảng 40 - 42cm, đầu xa có 8 mắt nhỏ - Đóng gói tiết khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.000
416	Ống thở ô-xy 2 nhánh, người lớn	Ống thở ô-xy 2 nhánh, người lớn - Chất liệu bằng nhựa PVC mềm, màu trắng trong hoặc màu xanh lá trong, không chứa latex, không chứa DEHP, chống xoắn, chống gập - Chiều dài tổng dây khoảng 2.0 - 2.2m, đường kính 2 nhánh mũi 4 - 5.0mm - Đặc tính: có đệm đỡ nhỏ trước mũi giúp giữ đúng vị trí tránh xô dịch, có 2 gọng mũi cong, mềm mại, lưu lượng 0.5 - 4 lít/phút - Tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	87.000
417	Ống thở ô-xy 2 nhánh, sơ sinh	Ống thở ô-xy 2 nhánh, sơ sinh - Chất liệu bằng nhựa PVC mềm, màu trắng trong hoặc màu xanh lá trong, không chứa latex, không chứa DEHP, chống xoắn, chống gập - Chiều dài tổng dây: 1.85 - 2.1m, đường kính 2 nhánh mũi: 1.5 - 1.6mm - Đặc tính: có đệm đỡ nhỏ trước mũi giúp giữ đúng vị trí tránh xô dịch, có 2 gọng mũi cong, mềm mại, lưu lượng 0.5 - 4 lít/phút - Tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.500

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
418	Ống thở ô-xy 2 nhánh, trẻ em	Ống thở ô-xy 2 nhánh, trẻ em - Chất liệu bằng nhựa PVC mềm, màu trắng trong hoặc màu xanh lá trong, không chứa latex, không chất phthalate, chống xoắn, chống gập - Chiều dài tổng dây: 1.85 - 2.1m, đường kính 2 nhánh mũi: 1.5 - 2mm - Đặc tính: có đệm đỡ nhỏ trước mũi giúp giữ đúng vị trí tránh xô dịch, có 2 gọng mũi cong, mềm mại, lưu lượng 0.5 - 4 lít/phút - Tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.600
419	Ống thở oxy tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P)	Ống thở oxy cho người lớn, trẻ em - Có kẹp cố định ống dây canula giảm xô dịch khi cử động. - Hai miếng đệm má mềm, cố định gọng mũi tại chỗ và giảm áp lực tì đè - Gọng mũi phù hợp giải phẫu của mũi - Dây cố định quanh đầu có thể điều chỉnh độ dài - Kích cỡ: S, M, L - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P) của Bệnh viện	cái	514
420	Ống thở oxy tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001	Ống thở oxy cho người lớn - Lưu lượng dòng chảy tối đa 60L/phút - Đầu nối 15F/22M - Chiều dài: 380mm - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001 (vincent) của Bệnh viện	cái	250
421	Ống thông cảm máu bằng silicone 16, 18Fr, dài tối thiểu 85cm	Ống thông cảm máu - Chất liệu: bằng silicone - Kích thước: cỡ 16Fr, 18Fr, dài tối thiểu 85cm - Cấu tạo * Catheter 3 đường: 2 nhánh bên có nắp đậy, 1 nhánh giữa có dây dẫn, * 2 bóng: 1 bóng thực quản, 1 bóng dạ dày * Có dấu căn quang đầu và cuối mỗi bóng, có vạch chia khoảng cách rõ ràng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	20
422	Ống thông chữ T giữ đường mở khí quản, Silicon mềm	Ống thông chữ T nhằm duy trì một đường khí quản tái hẹp và phải mở khí quản trong thời gian trên 6 tháng - Chất liệu: Silicon, có căn quang - Cấu tạo gồm: 01 ống chữ T kiểu vuông góc, 02 bộ vòng giữ và đóng đầu ống gồm 7 cỡ - Ống chữ T gồm 3 nhánh: - Nhánh thanh quản: dài 29 - 33mm, đường kính 10 - 16mm - Nhánh ra da: dài 38 - 65mm, đường kính 8 - 11mm - Nhánh xuống phổi: dài 72 - 75mm, đường kính 10 - 16mm - Bao gồm: vòng giữ ống, nút ống dài 15 - 16mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	24
423	Ống thông hậu môn	Ống thông hậu môn - Chất liệu bằng nhựa PVC mềm, không chứa DEHP, trơn bề mặt, không kích ứng, không gây khó chịu - Kích cỡ: 18 → 28Fr (tối thiểu 6 cỡ), chiều dài 40 - 45cm - Tiệt khuẩn - tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	60
424	Ống thông tiểu 3 nhánh dùng trong cắt đốt nội soi tuyến tiền liệt	Ống thông tiểu 3 nhánh dùng trong cắt đốt nội soi tuyến tiền liệt - Chất liệu 100% silicon - Kích cỡ 18 → 22 Fr (tối thiểu 3 cỡ) - Bóng dung tích: 30 - 70 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	cái	100

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
425	Ống thông thẩm phân phúc mạc cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho người lớn	Ống thông thẩm phân phúc mạc cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho người lớn - Chất liệu: Silicon trong suốt có cân quang - Đầu trên ống thông có 2 nút chặn, khoảng cách giữa 2 nút chặn 5-7 cm, 1 nút đặt dưới da, 1 nút đặt ở màng bụng - Đầu dưới ống thông có dạng xoắn cong. - Đường kính trong: 3.5 - 4.0 mm, chiều dài ống thông: 60 - 62cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	5
426	Ống thông thẩm phân phúc mạc cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho trẻ em	Ống thông dùng được cho chạy thẩm phân cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho trẻ em Chất liệu: Silicon trong suốt có cân quang - Đầu trên ống thông có 2 nút chặn, khoảng cách giữa 2 nút chặn 3-5 cm, 1 nút đặt dưới da, 1 nút đặt ở màng bụng - Đầu dưới ống thông có dạng xoắn cong. - Đường kính trong: 2.5 - 3.5 mm. Chiều dài ống thông: 42 - 52cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	40
427	Ống thông thẩm phân phúc mạc, đầu cong, bằng silicone, cỡ 15Fr	Ống thông thẩm phân phúc mạc - Chất liệu bằng silicone - Kích thước: 15Fr, dài 60 - 65cm - Đầu cong, 2 nút chặn để vô dịch ổ bụng, trong lòng ống có chứa dải cân quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	35
428	Ống thông tiêu 1 nhánh	Ống thông tiêu 1 nhánh - Chất liệu: cao su tự nhiên, phủ silicone hoặc PVC - Kích cỡ: 6 → 24Fr (tối thiểu 10 cỡ), chiều dài khoảng 40 - 43cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	5.000
429	Ống thông tiêu 2 nhánh, 100% silicone, cỡ 12 → 26Fr	Ống thông tiêu 2 nhánh - Chất liệu: 100% silicone, thành bóng mỏng, kích thước bóng khi bơm có hình cầu hoặc hình tròn - Kích cỡ: 12 → 26Fr (tối thiểu 8 cỡ) - Đường kính trong 2.6 - 5.2mm, chiều dài ống 40 - 43cm - Đặc điểm: Dung tích bóng chèn 10ml, lòng ống rộng, đầu tip cân quang, trên ống có đường cân quang, van bơm luer lock bằng nhựa ABS, phân biệt kích cỡ theo mã màu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	5.000
430	Ống thông tiêu 2 nhánh, 100% silicone, cỡ 6→10Fr	Ống thông tiêu 2 nhánh - Chất liệu ống 100% silicone, bóng cổ định tròn đều - Kích cỡ: 6 - 10Fr (tối thiểu 03 cỡ), dung tích bóng 1-3ml - Đường kính trong: 1.0 - 2.2mm - Chiều dài ống 34 cm - Đặc điểm: có dây dẫn đường, đầu ống cân quang, thời gian đặt ống 30 ngày, van bơm/xả bằng nhựa ABS, phân biệt kích cỡ theo mã màu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	500

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
431	Ống thông tiểu 2 nhánh, cao su trắng silicon, 12 → 30 Fr	Ống thông tiểu 2 nhánh, cao su trắng silicon - Chất liệu: cao su thiên nhiên có phủ silicone, thành ống dày chống gầy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, bóng cân đối có 2 nhánh, không có chất DEHP - Kích cỡ: 12 → 30Fr (tối thiểu 10 cỡ) - Đường kính từ 4.0mm đến 10mm, dài 40cm, thể tích bóng chèn 30ml - Tốc độ dòng chảy $\geq 70\text{cm}^3/\text{phút}$ (cỡ 12Fr), $\geq 100\text{cm}^3/\text{phút}$ (cỡ 14-24Fr) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	35.000
432	Ống thông tiểu 3 nhánh, cao su trắng silicon, 16 → 24Fr	Ống thông tiểu 3 nhánh, cao su trắng silicon - Chất liệu: cao su tự nhiên, trắng silicone trong lòng ống, không chứa DEHP - Kích cỡ: 16 → 24Fr (tối thiểu 5 cỡ), chiều dài $\geq 40\text{cm}$, đường kính ống 5.3 - 8.6mm, - Dung tích bóng 30 – 50ml, có van bơm Luer-lock, đầu ống có 3 mắt (1 mắt tưới rửa, 2 mắt lỗ thoát dịch) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	300
433	Ống thông tiểu 2 nhánh, 100% silicone, cỡ 8 → 26Fr, có cảm biến nhiệt độ	Ống thông tiểu silicone 2 nhánh có cảm biến nhiệt độ - Chất liệu: 100% silicone - Có cảm biến nhiệt độ để theo dõi nhiệt độ bàng quang - Dây nhiệt độ đo 25 - 45 độ C - Thân catheter có đường đánh dấu cân quang - Kích cỡ: 8 → 26Fr (tối thiểu 10 cỡ) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	200
434	Ống thông tĩnh mạch rốn	Ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh trong suốt - Bể nhựa Polyvinylclorua (PVC), có vạch cân quang và vạch chia mỗi cm - Kích cỡ: 3.5 → 5Fr (tối thiểu 2 cỡ), dài 37 - 40cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	155
435	Phim X-quang tương thích máy DryPix, cỡ 26 x 36cm	Phim X-quang phục vụ nhu cầu in ấn trong y khoa. - Thành phần: PET: 85-95%; polymers: 1-10%; Organic silver: 1-10%; gelatine: 1-10%; additives 0,1-15%; silver halides: 0,05-1%. - Nạp phim: trong điều kiện ánh sáng phòng - Kích thước: 26 x 36cm - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Sử dụng tương thích với máy in phim khô laser Drypix của Bệnh viện	Cái	21.050
436	Phim X-quang tương thích máy DryPix, cỡ 35 x 43cm	Phim X- quang phục vụ nhu cầu in ấn trong y khoa. - Thành phần: PET: 85-95%; polymers: 1-10%; Organic silver: 1-10%; gelatine: 1-10%; additives 0.1-15%; silver halides: 0,05-1%. - Nạp phim: trong điều kiện ánh sáng phòng - Kích thước: 35 x 43cm - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Sử dụng tương thích với máy in phim khô laser Drypix của Bệnh viện	cái	29.000
437	Phim X-quang tương thích máy Drypro, cỡ 35 x 43cm	Phim X-quang phục vụ nhu cầu in ấn trong y khoa - Thành phần chính: Thành phần chính: polyethylene terephthalate (PET) 85-95%, additives 0.1-15%, gelatine 1-10%, polymers 1-10%, organic silver 1-10%, silver halides 0.05-1%. - Sử dụng được trong ánh sáng ban ngày - Kích thước: 35 x 43cm - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Sử dụng tương thích với máy in phim khô laser Drypro của Bệnh viện	Cái	12.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
438	Phin lọc bạch cầu chiết hồng cầu dùng trong truyền hồng cầu lắng hay máu toàn phần	Phin lọc bạch cầu chiết hồng cầu dùng trong truyền hồng cầu lắng hay máu toàn phần - Vỏ ngoài bằng Polycarbonate cứng, bộ lọc bằng microporous polyurethane - Kiểu màng lọc 3 chiều, năng lực lọc bạch cầu cho 1 đơn vị hồng cầu 450ml - Bộ lọc có tính tương đồng sinh học cao nên không cần môi bằng nước muối sinh lý - Có van thông khí lọc khuẩn để đuổi khí nhanh khi bắt đầu truyền và đảm bảo dồn hết máu khi kết thúc truyền máu - Tiết khuẩn	Cái	347
439	Phin lọc bạch cầu chiết tiểu cầu dùng trong truyền tiểu cầu	Phin lọc bạch cầu chiết tiểu cầu dùng trong truyền tiểu cầu - Vỏ ngoài bằng Polycarbonate cứng, bộ lọc bằng microporous polyurethane - Kiểu màng lọc 3 chiều, năng lực lọc bạch cầu lọc tới 10 đơn vị tiểu cầu - Thể tích mỗi ≤ 17ml - Tiết khuẩn	Cái	80
440	Phin lọc cai máy thở, bằng PVC	Phin lọc cai máy thở giúp làm ẩm, ẩm khí thở qua mở khí quản/ nội khí quản - Chất liệu: PVC - Đặc điểm: trao đổi nhiệt và trao đổi ẩm, co nối 15mm, có lỗ hút dịch, co nối tương thích với dây oxy - Độ ẩm trao đổi: 26 - 28mg/lít khí - Thể tích nén/ khoảng chết: < 19ml - Kháng trở 30l/phút: ≤ 0.7cm H2O - Trọng lượng: 7 - 8g - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.000
441	Phin lọc vi khuẩn 1 chức năng, bằng nhựa cứng, người lớn	Phin lọc khuẩn 1 chức năng, dùng cho người lớn - Vỏ ngoài: bằng nhựa cứng - Loại lọc: electrostatic (tĩnh điện) - Khả năng lọc khuẩn: ≥ 99.9% - Thể tích nén (khoảng chết): 60 - 66ml - Trọng lượng: 28 - 32g - Thể tích phổi nhỏ nhất: 198 - 200ml - Co nối: 22M/15F hoặc 22F/15M - Có cổng đo ETCO2 - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10.000
442	Phin lọc vi khuẩn 1 chức năng, trẻ em	Phin lọc vi khuẩn 1 chức năng trẻ em - Vỏ ngoài bằng nhựa bo tròn - Loại lọc: tĩnh điện - Khả năng lọc khuẩn: > 99% - Kháng trở dòng khí tại mức 30L/phút: 1.9cm H2O - Khoảng chết: 25ml - Thể tích tối thiểu: 75 - 100ml - Trọng lượng: 19 - 20g - Co nối 22M/15F hoặc 22F/15M tương thích nội khí và dây máy thở - Có cổng đo ETCO2 - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	700

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
443	Phin lọc vi khuẩn 3 chức năng, bằng nhựa, người lớn	Phin lọc khuẩn 3 chức năng, dùng cho người lớn - Vỏ ngoài: bằng nhựa - Loại lọc: electrostatic (tĩnh điện) - Khả năng lọc khuẩn: > 99,9% - Thể tích nén: 57 - 66ml - Trọng lượng: 29 - 41g - Thể tích phổi nhỏ nhất: 198 - 200ml - Độ ẩm trao đổi: 29.5 - 33.6 mg/lít khí - Co nối: 22M/15F hoặc 22F/15M - Có cổng đo ETCO2 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30.000
444	Phin lọc vi khuẩn 3 chức năng, trẻ em	Phin lọc khuẩn 3 chức năng, dùng cho trẻ em - Vỏ ngoài bằng nhựa bo tròn - Loại lọc: electrostatic (tĩnh điện) - Khả năng lọc khuẩn: $\geq 99\%$ - Khoảng chết: 25 - 34ml - Trọng lượng: 19 - 25g - Thể tích phổi nhỏ nhất: 75 - 90ml - Độ ẩm trao đổi: 30.3 - 31.7mg/ lít - Co nối: 22M/15F- 22F/15M - Có cổng đo ETCO2 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	700
445	Phin lọc vi khuẩn đo chức năng hô hấp, đầu ngâm hình oval	Phin lọc vi khuẩn đo chức năng hô hấp - Chất liệu: Màng lọc: hỗn hợp Acrylic tích tĩnh điện với lớp bảo vệ Polypropylene 2 mặt. Vỏ ngoài: Polyethylene mật độ cao (HDPE) - Lọc vi khuẩn, vi rút: $\geq 99.9\%$ - Trở kháng dòng khí $\leq 92.0 \text{ Pa} / \text{ls}$ ở mức 14 lít/giây - Không gian trong lọc $\leq 70\text{ml}$ - Đầu lắp vào máy có đường kính trong $\geq 45\text{mm}$, đường kính ngoài $\leq 48\text{mm}$ - Phương pháp lọc: tĩnh điện và cơ học - Đầu ngâm vào miệng của dụng cụ lọc hình oval - Tương thích máy KoKo PFT của Bệnh viện - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10.000
446	Phin lọc vi khuẩn đo chức năng hô hấp, đầu ngâm hình elip	Phin lọc vi khuẩn đo chức năng hô hấp - Chất liệu: màng lọc tĩnh điện, hydrophobic - Lọc vi khuẩn, vi rút: $\geq 99.9\%$ - Trở kháng thấp $\leq 0.75\text{Pa}$ ở mức 14 lít/giây - Đầu lắp vào máy có đường kính trong $\geq 45\text{mm}$, đường kính ngoài $\leq 48\text{mm}$ - Có đầu ngâm hình elip - Tương thích máy KoKo PFT của Bệnh viện - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	9.000
447	Phin lọc vi khuẩn dùng cho máy đo nồng độ NO cho người lớn và trẻ em	Phin lọc vi khuẩn dùng cho máy đo nồng độ NO cho người lớn và trẻ em - Chất liệu: vỏ nhựa polystyrene cách điện, màng lọc bằng hydrophobic Polypropylene - Kích thước: 18 x 28mm ($\pm 0.5\%$) - Hiệu quả lọc: 99.9% - Khoảng chết: 30 - 32ml - Tốc độ dòng: 0.93 - 1.41 cmH2O - Khu vực lọc: $> 34\text{cm}^2$ - Tương thích với máy đo FeNO+ của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	5.200

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
448	Phin lọc vi khuẩn, dành cho máy điều áp	Phin lọc vi sinh dành cho máy điều áp - Chất liệu: Polypropylene tích điện tĩnh điện - Hiệu quả lọc $\geq 99.8\%$ - Trở kháng: 12mmHg ở 20L/ph - Khoảng chết: $\leq 6\text{ml}$ - Đầu nối tương thích với hệ thống hút tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	7.000
449	Quả lọc hấp phụ dùng điều trị các bệnh tăng Bilirubin và tăng Axit mật	Quả lọc hấp phụ dùng điều trị các bệnh tăng Bilirubin và tăng Axit mật Vật liệu vỏ: PP Vật liệu hấp phụ: các hạt Resin trao đổi anion bản chất là Styrendivinyll Benzen Copolymer có tính tương đồng sinh học cao. - Thể tích hấp phụ: $330 \pm 2\text{ ml}$ - Thể tích khoang máu: 160mL - Diện tích hấp phụ: 104.000m ² - Nội trở: $\leq 4\text{kPa}$ - Lưu lượng máu tối đa: 50mL/ phút - Áp suất chịu đựng: 100kPa - Độ chịu lực của hạt: 8.1N - Phương thức khử trùng: Khử trùng nhiệt ẩm - Tỷ lệ hấp phụ tính sau 2h trên invivo: + Total Bilirubin: 52.8 - 64.1% + Total Bile Acid: 62.2 - 80.5% - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Quả	5
450	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 05-30kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, cytokin.. hỗ trợ điều trị trong biến chứng chạy thận chu kì - Vật liệu vỏ: PC - Vật liệu hấp phụ hạt Resin: Styrene-divinylbenzene copolymers liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer) - Vật liệu phủ hạt hấp phụ: Collodion - Thể tích hấp phụ: $130 \pm 2\text{ml}$ - Thể tích khoang máu: $114 \pm 2\text{ml}$ - Nội trở: $\leq 4\text{kPa}$ - Lưu lượng máu tối đa: $450 \pm 2\text{ml/phút}$ - Áp suất chịu đựng: $100 \pm 2\text{kPa}$ - Độ chịu lực của hạt: $8.1 \pm 2\text{N}$ - Dải hấp phụ: 05 - 30kDa - Tỷ lệ hấp phụ: PTH: 53.4%; B2-MG: 44.7%; Creatinine: 85%; Protein toxins: 42%; IL-6: 21.8-31.5% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	240
451	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 10 - 60kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, cytokin... trong sốc nhiễm trùng nặng, sepsis, viêm tụy cấp,... - Vỏ PC, vật liệu hấp phụ: Styrendivinyll Benzen Copolymer - Thể tích hấp phụ: $330 \pm 2\text{ml}$ - Thể tích khoang máu: 185ml - Diện tích hấp phụ: 104.000m ² - Nội trở: $\leq 4\text{kPa}$ - Lưu lượng máu tối đa: 250ml/phút - Áp suất chịu đựng: 100kPa - Độ chịu lực của hạt: 8.1N - Dải hấp phụ: 10-60kDa - Dây nối - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Quả	10

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
452	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 15-100kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, cytokin.. hỗ trợ điều trị các bệnh tự miễn như lupus ban đỏ, bệnh vẩy nến..., - Vật liệu vỏ: PC - Vật liệu hấp phụ hạt Resin: Styrene-divinylbenzene copolymers liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer). - Vật liệu phủ hạt hấp phụ: Collodion - Thể tích hấp phụ: $280 \pm 2\text{ml}$ - Thể tích khoang máu: $155 \pm 2\text{ml}$ - Nội trở: $\leq 4\text{kPa}$ - Lưu lượng máu tối đa: $450 \pm 2\text{ml/phút}$ - Áp suất chịu đựng: $100 \pm 2\text{kPa}$ - Độ chịu lực của hạt: $8.1 \pm 2\text{N}$ - Dải hấp phụ: 15-100kDa - Tỷ lệ hấp phụ: IL-6: 21.8-31.5%; TNF-α: 44.2%, IgA: 48.3%, IgG: 53.6% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	50
453	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 20-200kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố trọng lượng phân tử trung bình và lớn, độc tố gắn với protein, hội chứng hôn mê gan,... - Vỏ PC, vật liệu hấp phụ: Styrendivinyl Benzen Copolymer - Thể tích hấp phụ: $330 \pm 2\text{ ml}$ - Thể tích khoang máu: 185ml - Diện tích hấp phụ: 104.000m^2 - Nội trở: $\leq 4\text{kPa}$ - Lưu lượng máu tối đa: 250ml/ phút - Áp suất chịu đựng: 100kPa - Độ chịu lực của hạt: 8.1N - Dải hấp phụ: 20-200kDa - Dây nối - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Quả	6
454	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, loại diện tích màng lọc 0.15 m^2	Quả lọc trao đổi huyết tương và bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: $73\text{ ml} \pm 10\%$ - Diện tích màng: 0.15 m^2 - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): $330\mu\text{m}$ - Độ dày thành sợi lọc: $150\mu\text{m}$ - Thể tích máu trong sợi lọc: $22\text{ml} \pm 10\%$ - Tốc độ máu tối thiểu: 50ml/phút - Tốc độ máu tối đa: 180ml/phút - Tương thích máy Prismaflex của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Bộ	22
455	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, loại diện tích màng lọc 0.35 m^2	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng Polypropylene - Diện tích bề mặt màng lọc 0.35m^2 - Thể tích máu trong sợi lọc $41\text{ ml} \pm 10\%$ - Thể tích máu khoảng $125 \pm 1\text{ml}$ - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt) $330\mu\text{m}$, độ dày thành sợi lọc $150\mu\text{m}$ - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: $127\text{ ml} \pm 10\%$ - Tốc độ máu tối thiểu: 100 ml/phút - Tốc độ máu tối đa: 400 ml/phút - Tương thích máy Prismaflex của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	396

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
456	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, loại diện tích màng lọc 0.7 m ²	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn - Chất liệu Polyethersulfone - Diện tích màng lọc huyết tương 0.7 m² - Dây động mạch kèm dây dẫn phụ cho truyền heparin, cổng chọc kim và đầu nhọn; - Dây tĩnh mạch kèm túi chất thải 2 lít để mỗi dịch, cổng chọc kim và cổng tiêm truyền; - Dây dẫn dịch thải kèm cổng lấy mẫu; - Dây dẫn dịch thay thế kèm túi làm ấm; - Túi dịch thải 7 lít - Filter bảo vệ các cổng áp lực - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	50
457	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em <11kg có suy thận cấp	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em <11kg có suy thận cấp - Chất liệu màng lọc bằng PolyArylEtherSulfone - Vỏ và đầu quả lọc bằng Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn bằng PVC; Cartrige bằng PETG - Thể tích máu trong bộ quả lọc 60ml ($\pm 10\%$) - Diện tích màng: 0.2m² - Tốc độ dòng máu: 20 - 100ml/phút - Thể tích mỗi máu (Chỉ ở quả lọc): 17ml - TMP tối đa: 500mmHg/67kPa - Hệ thống dây dẫn đi kèm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tương thích với máy lọc máu Prismaflex của Bệnh viện	bộ	20
458	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em từ 11 - 25kg đang suy thận cấp	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em từ 11 - 25kg đang suy thận cấp - Chất liệu: • Sợi lọc: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer • Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate • Vách đầu quả lọc: Polyurethane • Ống dẫn: plasticized polyvinyl chloride (PVC) • Cartridge: PETG - Thông số hoạt động của quả lọc: • TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 • Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66.6 - Thể tích máu ($\pm 10\%$): 93ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0.6 m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Hệ thống dây dẫn đi kèm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tương thích với máy lọc máu Prismaflex của Bệnh viện	bộ	45
459	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.5 m ² , hệ số siêu lọc 87 ml/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu: polysulfon kết hợp PVP (để tăng độ thanh thải) - Thông số kỹ thuật: * Diện tích bề mặt 1.5 m² * Thể tích mỗi: 90 $\pm$ 2 ml * Hệ số siêu lọc 87 $\pm$ 2 ml/h/mmHg * Với lưu lượng máu 300ml/phút thì độ thanh thải: Ure = 272 $\pm$ 2ml/phút, Creatinine = 252 $\pm$ 2ml/phút, Phosphat = 251 $\pm$ 2ml/phút, Vit B12 = 171 $\pm$ 2ml/phút; Hệ số sàng β2 globulin > 0.8; Hệ số sàng Albumin < 0.001 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Quả	500

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
460	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.6 m ² , hệ số siêu lọc 85 ± 2 ml/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu Polysulfone - Thông số kỹ thuật: * Diện tích bề mặt 1.6 m² * Thể tích mỗi: 98 ± 2 ml * Hệ số siêu lọc 85 ± 2 ml/h/mmHg * Với lưu lượng máu 300ml/phút thì độ thanh thải: Ure = 270± 2ml/phút, Creatinine = 248± 2 ml/phút, Phosphat = 230± 2ml/phút, Vit B12 = 166±2ml/phút; Hệ số sàng: Inulin < 1.0; β2-Microglobulin 0,7±1; Albumin < 0,001; KoA Urea 1145± 2. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Quả	4.000
461	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.7 m ² , hệ số siêu lọc 37ml/giờ/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate. Vỏ quả lọc: Polypropylene - Thông số kỹ thuật * Diện tích bề mặt: 1.7 m² * Thể tích mỗi: 100 ± 2 ml * Hệ số siêu lọc: 37 ± 2 (mL/giờ/mmHg). Độ dày thành sợi: 15± 2 μm. * Độ thanh thải (Qb: 300ml/min): Ure = 279 ± 2 ml/phút, Creatinine = 257 ± 2 ml/phút, Phosphate = 232 ± 2 ml/phút, Vitamin B12= 169 ± 2 ml/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	500
462	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.7 m ² , hệ số siêu lọc 67 ± 2 (mL/giờ/mmHg)	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA), vỏ quả lọc Polypropylene. - Diện tích: 1.7 m². - Thể tích mỗi: 102-105ml. - Hệ số siêu lọc: 67 ± 2 (mL/giờ/mmHg). - Độ dày thành sợi: 40 μm. - Độ thanh thải (với Qb: 300ml/phút): - Ure: 282 ml/phút - Creatinine : 270 ml/phút - Phosphate: 255 ml/phút - Vitamin B12: 195 ml/phút - Myoglobin: 116 ml/phút - Hệ số sàng lọc: - β2-Microglobulin = 1 - Inulin = 1 - Albumin = 0.0024 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.000
463	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.8 m ² , hệ số siêu lọc 64 ± 2 ml/giờ/ mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu màng lọc Helixone, cấu tạo sợi màng được cải tiến cho phép lọc tốt hơn các phân tử trung bình như β2-microglobulin (β2-m) giảm nguy cơ tử vong, đồng thời hạn chế mất các albumin quan trọng, giảm bớt phản ứng viêm - Thông số kỹ thuật: * Diện tích màng: 1.8 m² * Thể tích mỗi: 95 ± 5ml * Hệ số siêu lọc: 64 ± 2 ml/giờ/ mmHg * Hệ số sàng lọc: β2-Microglobulin: 0.9; Albumin: < 0.001 * Độ thanh thải Qb=400 mL/ph (Cytochrome c: 117± 2, Phosphate: 285±2, Creatinine: 303±2, Urea: 336±2) - Bộ phận đi kèm: 02 nắp đậy màng lọc - Áp lực xuyên màng: ≥ 600 mmHg - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Quả	7.500

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
464	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.8 m ² , hệ số siêu lọc 99 ± 2 ml/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu: polysulfon kết hợp PVP (để tăng độ thanh thải) - Thông số kỹ thuật: * Diện tích bề mặt 1.8 m² * Thể tích mỗi: 103 ± 2 ml * Hệ số siêu lọc 99 ± 2 ml/h/mmHg * Với lưu lượng máu 300ml/phút thì độ thanh thải: Ure = 282± 2ml/phút, Creatinine =264±2ml/phút, Phosphat = 264± 2ml/phút, Vit B12 = 184±5ml/phút; Hệ số sàng β2 globulin > 0.8; Hệ số sàng Albumin < 0.001 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Quả	1.000
465	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1,5 m ² , hệ số siêu lọc 9.8 ± 2 ml/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux - Chất liệu Polysulfon - Thông số kỹ thuật: * Diện tích bề mặt 1.5 m² * Thể tích mỗi: 90 ± 2 ml * Hệ số siêu lọc 9.8 ± 2 ml/h/mmHg * Với lưu lượng máu 200ml/phút thì độ thanh thải: Ure = 189±2 ml/phút, Creatinine =173± 2 ml/phút, Phosphat =146± 2 ml/phút, Vit B12 =83± 2 ml/phút - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tiệt khuẩn	Quả	500
466	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1.6 m ² , hệ số siêu lọc 16 ± 2 ml/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux: - Chất liệu màng lọc Polysulfone, tương hợp với máu; Chất liệu vỏ Polycarbonate - Diện tích màng 1.6 m² - Thể tích mỗi 96 ± 2 ml - Lưu lượng máu: 200 - 500 mL/phút - Hệ số siêu lọc 16 ± 2 ml/h/mmHg - Qb 300 mL/phút: thanh thải Urea 247 ± 2, Creatinine 220 ± 2, Phosphate 186± 2 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Quả	500
467	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1.6 m ² , hệ số siêu lọc 14 ± 2 ml/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux - Chất liệu Polysulfone - Thông số kỹ thuật: * Diện tích bề mặt 1.6 m² * Thể tích mỗi: 98 ± 2 ml * Hệ số siêu lọc 14 ± 2 ml/h/mmHg * Với lưu lượng máu 300ml/phút thì độ thanh thải: Ure = 270 ± 2ml/phút, Creatinine = 242 ± 2 ml/phút, Phosphat = 187 ± 2ml/phút, Vit B12 = 112 ± 2ml/phút; KoA Urea = 1123 ± 2 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Quả	1.000
468	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1.8 m ² , hệ số siêu lọc 14 ± 2 ml/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux - Chất liệu màng lọc Helixone - Thông số kỹ thuật: * Diện tích màng 1.8 m² * Tích mỗi: 95 ± 2ml * Hệ số siêu lọc: 14 ± 2 ml/h/mmHg * Bề dày thành sợi/ đường kính sợi ≤ 35/185μm * Độ thanh thải Qb=200ml/ph, Phosphate:170 ± 2, Qb=300 mL/ph, Phosphate: 210 ± 2 - Bộ phận đi kèm: 02 nắp đậy màng lọc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Quả	500

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
469	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux, hệ số siêu lọc 20 ± 2 (mL/giờ/mmHg)	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux - Chất liệu màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A (BPA). - Thông số kỹ thuật: * TMP: 500 mmHg. Độ dày thành sợi: 40μm. Vỏ quả lọc: Polypropylene. * Thể tích môi: 91 ± 1 mL * Diện tích: 1.5 m² * Hệ số siêu lọc 20 ± 2 (mL/giờ/mmHg) * Độ thanh thải (mL/phút) với lưu lượng máu Qb=300mL/phút, Ure 264 ± 2, Creatinine: 244 ± 2, Phosphate: 211 ± 2, Vitamin B12: 134 ± 2. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Quả	2.000
470	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux, hệ số siêu lọc 22 ± 2 (mL/giờ/mmHg)	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux - Chất liệu màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA). - Vỏ quả lọc: Polypropylene. - Thông số kỹ thuật: * Diện tích: 1.7 m² * Thể tích môi: 108 ± 1 ml * TMP: 500mmHg. Độ dày thành sợi: 40 μm * Hệ số siêu lọc 22 ± 2 (mL/giờ/mmHg) * Độ thanh thải (mL/phút) với lưu lượng máu Qb=300mL/phút, Ure 270 ± 2, Creatinine: 251 ± 2, Phosphate: 221 ± 2, Vitamin B12: 143 ± 2 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Quả	2.000
471	Quả lọc thận nhân tạo siêu tinh khiết	Quả lọc thận nhân tạo siêu tinh khiết, ngăn chặn nội độc tố (endotoxin) - Chất liệu màng bằng Polysulfone, 2 đầu nắp Polyurethane, vỏ màng polypropylene - Diện tích màng 2.2 m² - Thông số lọc: 05 ± 2 mL/phút/mmHg - Tác dụng tạo dịch lọc máu siêu sạch (nội độc tố ≤ 0.03 EU/mL, các vi sinh vật ô nhiễm ≤ 0.1 CFU/mL). - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Quả	150
472	Quả lọc, màng lọc máu loại 0.9m ² và hệ thống dây dẫn đi kèm	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: - Chất liệu: Sợi lọc Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer. - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate. Vách đầu quả lọc: Polyurethane. Ống dẫn: PVC. Cartridge: PETG - Áp lực xuyên màng tối đa (TMP) (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 152 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0.9m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 75 - 400 ml/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tương thích máu Prismaflex (máu của Bệnh viện)	Bộ	1.154

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
473	Quả lọc, màng lọc máu loại 1.5m ² và hệ thống dây dẫn đi kèm	Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin kèm bộ dây dẫn loại bỏ Cytokine, nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết) - Chất liệu: Màng lọc cấu tạo 3 lớp: Sợi rỗng (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer); Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500+/- 1500 IU/m²). Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate. Vách đầu quả lọc: Polyurethane. Ống dẫn: PVC. Cartridge: PETG - Áp lực xuyên màng tối đa (TMP) (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66.6 - Thể tích máu trong quả lọc (±10%): 193ml - Diện tích màng: 1.5m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm - Độ dày thành sợi lọc: 50µm - Tốc độ máu: 100 - 450 ml/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO - <u>Tương thích máu Prismaflex (máy của Bệnh viện)</u>	Bộ	269
474	Quả lọc, màng lọc máu loại 1.6m ² và hệ thống dây dẫn đi kèm kết hợp hấp phụ	Quả lọc máu dùng trong lọc máu liên tục kết hợp với lọc máu hấp phụ - Bộ dây máu kèm đầu nối mở và màng lọc 1.6m² kết hợp với lọc máu hấp phụ - Dây dẫn động mạch có các dây dẫn phụ chứa citrate/heparin - Dây dẫn tĩnh mạch có dây dẫn phụ chứa canxi kèm túi chứa 2 lít chất thải dịch mồi - Dây dẫn dịch thẩm tách kèm túi làm ấm - Dây dẫn dịch thải kèm cổng lấy mẫu - Dây dẫn dịch bù - Túi dịch thải 7000 ml - 5 bộ đo áp lực kèm màng lọc 0.2 µm - Tiệt khuẩn - <u>Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO</u>	Bộ	24
475	Quần áo định hình sau phẫu thuật cắt da mỡ đùi/hút mỡ đùi	Quần áo định hình sau phẫu thuật cắt da/hút mỡ đùi các cỡ, tạo ra lực nén giảm nguy cơ tụ dịch, giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm cho sự phục hồi nhanh hơn và ngăn cản hình thành cũng như phát triển sẹo lồi - Chất liệu: polyamide, elastane - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2
476	Que đốt chồi rốn	Que đốt chồi rốn dùng cho trẻ sơ sinh - Thành phần: Nitrát Bạc 75% - Chiều dài 15 ± 1cm - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Que	300
477	Que thử dùng trong chẩn đoán sinh non	Que thử dùng trong chẩn đoán sinh non nhằm đánh giá nguy cơ sinh non của phụ nữ mang thai - Que thử có chứa alpha microglobulin-1 nhau thai trong túi với chất làm khô - Tấm bông 2 ± 0.5mm để lấy mẫu âm đạo - Lọ nhựa chứa dung môi 0.9% NaCl, 0.05% NaN₃, 0.01% Trixon X100 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	100
478	Que thử đường huyết nhanh, men thử GOD-POD	Que thử đường huyết nhanh tại giường - Sử dụng men thử GOD-POD, không bị ảnh hưởng bởi đường Malto và oxy hòa tan - Phạm vi đo: 20 – 600 mg/dL (1.1 – 33.3 mmol/L) - Giới hạn Hematocrite: từ 20 → 60% - Tiệt khuẩn - Hỗ trợ que thử và chất nội kiểm thực hiện hàng ngày - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	que	44.500

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
479	Que thử đường huyết nhanh, men thử Mut Q GDH hoặc FAD GHD	Que thử đường huyết nhanh tại giường - Sử dụng men thử Mut Q GDH hoặc FAD GHD không bị ảnh hưởng bởi đường Maltose - Phạm vi đo Glucose là 10 - 600 mg/dL, hoặc 0.6 - 33.3mmol/L - Giới hạn hematocrite là 10 - 65% - Đo được 4 loại máu (mao mạch, tĩnh mạch, động mạch, máu trẻ sơ sinh), - Thử được ở những vị trí khác nhau như: đầu ngón tay, lòng bàn tay, cánh tay hoặc bắp tay - Thời gian đo <4 giây - Mẫu máu đo 0.6μL - Cho kết quả đúng > 99% kết quả đo nằm trong vòng sai số $\pm 15\%$ với Pp chuẩn ở nồng độ $\geq 100\text{mg/dL}$ hoặc 5.55 mmol/l (theo ISO 15197_2013) - Que thử hút máu bằng mao dẫn - Vùng nhận máu rộng 5 mm giúp dễ dàng lấy máu - Chất liệu que thử: hợp kim vàng và palladium - Hỗ trợ que thử và chất nội kiểm tối thiểu 02 nồng độ theo Quy định của Bệnh viện - Có chức năng kết nối tự động vào hệ thống dữ liệu của máy xét nghiệm của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Que	267.000
480	Stent khí quản bằng silicone	Stent khí quản bằng silicon - Đường kính ngoài: 9 → 20mm; chiều dài: 20 → 110mm; độ dày thành stent: 1mm - Có hệ thống gai, đầu stent có cấu tạo vát, bề mặt nhẵn, mịn không dính - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	2
481	Stent thanh quản bằng silicone	Stent thanh quản dùng trong điều trị sẹp hẹp thanh môn - Làm bằng chất liệu: Silicone, có cản quang - Đường kính đáy trước sau: 10, 12, 15mm - Đường kính đáy ngang: 9, 10, 11, 16mm - Chiều dài stent: 33, 37, 40, 47mm - Đi kèm 02 nút khâu - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	2
482	Tấm bông, đường kính 15 ± 01mm	Tấm bông dùng rửa vết thương - Cấu tạo: có đầu bông thấm nước gắn chặt ở đầu que nhựa - Chất liệu đầu bông: 100% bông tự nhiên, màu trắng đồng nhất, không dùng chất tạo màu - Đường kính đầu bông 15 ± 01mm - Đặc tính đầu bông: + Tốc độ hút nước: thời gian chìm <8 giây + Khả năng hút nước: $\geq 20\text{g}$ nước/g bông trong khoảng 3 phút + Vi khuẩn hiếu khí, nấm men, nấm mốc: không có - Que bằng nhựa, dài 15 ± 2 cm - Gói tối thiểu 05 que - Tiệt khuẩn từng gói - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	que	3.800.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
483	Tấm bông, đường kính 5mm	Tấm bông dùng lấy mẫu bệnh phẩm hoặc dùng để làm sạch và bôi thuốc lên vết thương - Cấu tạo: có đầu bông thấm nước gắn chặt ở đầu que nhựa - Chất liệu đầu bông: 100% bông tự nhiên - Đường kính đầu bông 5mm - Đặc tính đầu bông: + Tốc độ hút nước: thời gian chìm <8 giây + Khả năng hút nước: $\geq 20\text{g}$ nước/g bông trong khoảng 3 phút + Vi khuẩn hiếu khí, nấm men, nấm mốc: không có - Que bằng nhựa, dài $15 \pm 2\text{ cm}$ - Gói 20-25 cái - Tiệt khuẩn từng gói - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	430.000
484	Tấm dán hạ thân nhiệt cho trẻ nhỏ	Tấm dán hạ thân nhiệt dùng trong điều trị hội sức cho trẻ nhỏ - Trọng lượng tấm dán không bao gồm nước 0.11 - 0.47 kg, trọng lượng tấm dán chứa nước bên trong 0.17- 0.68 kg - Tấm dán gồm có 3 lớp, có cách nhiệt với bên ngoài - Tuổi thọ miếng dán: 5 ngày, lên đến 120 giờ - Tốc độ dòng chảy: lên tới 5 lít/phút - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	2
485	Tấm lót 37cm x 36m ($\pm 05\%$)	Tấm lót - Chất liệu: mặt trên vải Rayon, mặt dưới Nylon, không chứa latex - Kích thước: 37cm x 36m ($\pm 05\%$) - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	20.000
486	Tấm lót giường bằng spunpond, (60-65) x (180-190)cm	Tấm lót giường - Chất liệu: vải không dệt spunpond - Kích thước: rộng 60 - 65cm, dài 180 - 190cm, $25 \pm 0.5\text{gsm}$ Spunbond - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	150.000
487	Tấm lót giường bằng spunpond, (80-85) x (220-230)cm	Tấm lót giường - Chất liệu: vải không dệt spunpond - Kích thước: rộng 80 - 85cm, dài 220 - 230cm, $25 \pm 0.5\text{gsm}$ Spunbond - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	25.000
488	Tấm lót, 60 x 60cm ($\pm 05\%$)	Tấm lót - Chất liệu: Mặt trên vải không dệt Spunpond thấm hút. Mặt dưới Film PE không thấm, màu xanh hoặc màu trắng - Kích thước: 60 x 60cm ($\pm 05\%$) - Đặc tính: Khả năng thấm hút 70 - 80ml, mặt trên thấm hút, mặt dưới chống thấm tuyệt đối, không chứa latex và các thành phần gây dị ứng cho da - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	75.700
489	Tấm lót, 60 x 90cm ($\pm 05\%$)	Tấm lót - Chất liệu: Mặt trên vải không dệt Spunpond thấm hút. Mặt dưới Film PE không thấm, màu xanh/màu trắng - Kích thước: 60 x 90cm ($\pm 05\%$) - Đặc tính: Khả năng thấm hút 120 -125ml, mặt trên thấm hút, mặt dưới chống thấm tuyệt đối, không chứa latex và các thành phần gây dị ứng cho da - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	192.000
490	Thông khí bằng nhựa bằng PP hoặc PE	Thông khí bằng nhựa, cổng miệng - Chất liệu: nhựa PP hoặc PE không chứa Latex - Kích cỡ: 00, 0, 1, 2, 3, 4 (tương ứng tiêu chuẩn sản xuất ISO 5.0, 5.5, 6.5, 8.0, 9.0, 10.0) - Đúc liền 1 khối, trơn láng, phần cuối ống mềm - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	17.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
491	Thông khí bằng nhựa bằng PVC y tế	Thông khí bằng nhựa, cổng miệng - Chất liệu: PVC y tế, không chứa Latex - Kích cỡ: 00, 0, 1, 2, 3, 4 (tương ứng tiêu chuẩn sản xuất ISO 5.0, 5.5, 6.5, 8.0, 9.0, 10.0) - Đúc liền 1 khối, trơn láng, phần cuối ống mềm - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	5.000
492	Thước đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	Thước đo áp lực tĩnh mạch trung tâm - Chất liệu bằng nhựa chống dính - Chiều dài: khoảng 35 - 40cm - Chia vạch từ -15 cmH2O đến 35 cmH2O - Vị trí 0 cố định, chỉ báo vị trí zero có thể di chuyển sang hai bên - Có 2 kẹp cố định 2 đầu - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	6
493	Thước đo chiều dài, đường kính thành khí quản	Thước đo đường kính, chiều dài của thành khí quản - Làm bằng vật liệu y tế - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	2
494	Túi chứa dịch có chất gel tạo đông, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 250ml, 1000ml	Túi chứa dịch có chất gel tạo đông dùng cho máy hút áp lực âm - Chất liệu: bằng nhựa Vinyl với tấm đỡ bằng polyethylene, kèm dây nối hút dịch, kẹp đường ống - Dung tích: 250ml, 1000ml - Có phin lọc kháng khuẩn, khử mùi, chất gel tạo đông - Cảm biến báo khi dịch đầy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	242
495	Túi chứa dịch xả tối thiểu 15 lít	Túi đựng dịch xả dùng trong lọc máu - Chất liệu bằng Polyvinylchlorua (PVC) - Thể tích tối thiểu 15 lít - Tương thích với máy Homchoice của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	800
496	Túi chứa dịch xả tối thiểu 5 lít	Túi chứa dịch xả dùng trong lọc máu - Chất liệu: bằng nhựa mềm PVC, không chứa DEHP và Latex - Thể tích tối thiểu 5 lít - Tương thích máy Prismaflex của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.175
497	Túi chứa nước tiểu, có bộ đo thể tích, 2000ml	Túi chứa nước tiểu, có bộ đo thể tích - Chất liệu: ống đo và khoang chứa bằng Styrene acrylonitrile, túi chứa và dây dẫn bằng Polyvinyl chloride - Kích thước: ống đo 40ml, khoang chứa 500ml, túi chứa 2000ml - Bộ đo và đựng nước tiểu thải ra theo từng ml cấu tạo bằng nhựa tổng hợp (có 2 van 1 chiều chống trào ngược, màng lọc khuẩn 5 µm, van xả gạt ngang chữ T, dây nối khoang với túi chứa có điểm lấy mẫu không cần kim) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	5.000
498	Túi chứa nước tiểu, 2000ml, dây dài 90-110cm	Túi chứa nước tiểu có quai treo - Chất liệu túi chứa bằng nhựa PE hoặc PVC trong, không chứa DEHP - Dung tích 2000ml - Kích thước túi: dài 27 - 30cm, rộng 20 ± 1cm - Có vạch chia thể tích in trên thân túi, có quai treo, đáy túi vuông, các mép túi được hàn kín 100% không rò rỉ - Van xả ở giữa đáy túi, một chiều chống trào ngược, dạng thẳng khóa vặn hoặc dạng chữ T - Quai treo dạng móc hoặc dây treo bằng nhựa, không gấp ống khi treo. - Dây dẫn dài 90 - 110cm, đường kính trong 5 - 10mm, đầu nối tương thích với các loại ống thông, đảm bảo không rò rỉ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	32.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
499	Túi chứa nước tiểu, 2000ml, dây dài 85 - 90cm	Túi chứa nước tiểu có quai treo - Dung tích 2000ml - Có vạch chia thể tích in trên thân túi, có quai treo, đáy túi vuông, các mép túi được hàn kín 100% không rò rỉ - Van chống trào ngược dạng chữ T - Quai treo dạng móc hoặc dây treo bằng nhựa, không gấp ống khi treo. - Dây dẫn dài 85 - 90cm, tương thích với các loại ống thông, đảm bảo không rò rỉ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10.000
500	Túi chứa và dẫn lưu dịch	Túi chứa và dẫn lưu dịch - Chất liệu: túi bằng Plastic mềm mại, trong suốt - Đe dán túi bằng Hydrocolloid chống loét, vòng đế 12 - 55mm - Có van chống trào ngược - Van xả có thể câu nối hệ thống túi chứa lớn hơn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.200
501	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật - Chất liệu Polyvinylclorua (PVC) - Thể tích 800 - 900ml, có đánh dấu các vạch thể tích - Tương thích ống dẫn lưu ra da đầu cong dạng pigtail - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	cái	2.900
502	Túi đặt ngực hình giọt nước bề mặt nhám, thể tích từ 255cc đến 380cc	Túi đặt ngực - Chất liệu silicone gel - Hình giọt nước, bề mặt nhám - Thể tích: từ 255cc đến 380cc (tối thiểu 3 thể tích) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	8
503	Túi đặt ngực hình giọt nước bề mặt nhám, thể tích từ 270cc đến 350cc	Túi đặt ngực hình giọt nước, bề mặt nhám - Chất liệu silicone gel - Thể tích: từ 270cc đến 350cc (tối thiểu 3 thể tích) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	6
504	Túi đặt ngực hình tròn bề mặt trơn, thể tích từ 150cc đến 375cc	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn - Chất liệu silicone gel - Thể tích: từ 150cc đến 375cc (tối thiểu 6 thể tích) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	34
505	Túi đặt ngực hình tròn bề mặt trơn, vỏ mỏng, thể tích từ 130 đến 415cc	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn - Chất liệu silicone gel - Thể tích: từ 130cc đến 415cc (tối thiểu 10 thể tích) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	84
506	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn, thể tích từ 200 đến 390cc	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn - Chất liệu silicone gel - Thể tích: từ 200cc đến 395cc (tối thiểu 10 thể tích) - Độ nhô: 34 - 57mm - Mặt đáy: 93 - 128mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	74

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
507	Túi đặt ngực hình tròn, có chip, đường kính 10.25cm đến 12.5cm	Túi đặt ngực - Chất liệu silicone gel - Hình tròn, bề mặt nano - Có chip bên trong túi - Kích thước: - Đường kính: 10.25 đến 12.5cm - Thể tích: từ 205cc đến 450cc (tối thiểu 10 thể tích) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	20
508	Túi đặt ngực hình tròn, có chip, đường kính 9cm đến 13.5cm	Túi đặt ngực - Chất liệu silicone gel - Hình tròn, bề mặt nano - Có lớp sắc tố để nhận biết lớp rào cản cấy ghép - Có chip bên trong túi - Kích thước: - Đường kính: 9 đến 13.5cm - Thể tích: từ 155cc đến 550cc (tối thiểu 15 thể tích) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	92
509	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng theo máy	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng theo máy - Chất liệu: PVC, không chứa DEHP - Thể tích chứa 1000ml hoặc 1500ml - Thân túi có vạch chia thể tích, mỗi vạch chia cách nhau 100ml - Túi có nắp đậy, đi liền dây nối dài 150 - 190cm, có bầu đếm giọt và khóa kiểm soát thể tích, đầu nối tương thích với đầu nối của ống thông mũi dạ dày - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	500
510	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng, 1000ml	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng có nắp đậy - Chất liệu: bằng PVC, không chứa DEHP - Thể tích chứa 1000ml - Thân túi có vạch chia thể tích, mỗi vạch chia cách nhau 100ml - Túi có nắp đậy, đi liền dây nối dài 60 - 90cm, có bầu đếm giọt và khóa kiểm soát thể tích, đầu nối tương thích với đầu nối của ống thông mũi dạ dày - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	6.000
511	Túi ép dẹp, cỡ 100mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 100mm x 200m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.0-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lực ướt: 80-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1,1-2.1 kN/m; Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1-1,1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	210

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
512	Túi ép dẹp, cỡ 150mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 150mm x 200m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.0-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lúc ướt: 80-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1,1-2.1 kN/m; Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1-1,1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	168
513	Túi ép dẹp, cỡ 200mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 200mm x 200m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.0-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lúc ướt: 80-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1,1-2.1 kN/m; Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1-1,1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	250
514	Túi ép dẹp, cỡ 250mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 250mm x 200m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.0-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lúc ướt: 80-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1,1-2.1 kN/m; Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1-1,1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	80

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
515	Túi ép dẹp, cỡ 300mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 300mm x 200m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.0-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lúc ướt: 80-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1,1-2.1 kN/m; Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1-1,1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	25
516	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 100mm x 70m/100m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lốp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m², độ dày 175-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-610 ml/min, độ đâm thủng 7480-9370 J/m², rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210N; Độ bền kéo hướng ngang: 205-220N * Lốp nylon được làm từ Polyester/ Oriented polyamide và polyethylene/ Polypropylene, độ dày 55-80µm. - Kích thước: 100mm x 70m/100m, (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	198
517	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 150mm x 70m/100m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lốp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m², độ dày 175-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-610 ml/min, độ đâm thủng 7480-9370 J/m², rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210N; Độ bền kéo hướng ngang: 205-220N * Lốp nylon được làm từ Polyester/ Oriented polyamide và polyethylene/ Polypropylene, độ dày 55-80µm. - Kích thước: 150mm x 70m/100mm, (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	168

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
518	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 200mm x 70m/100m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m², độ dày 175-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-610 ml/min, độ đâm thủng 7480-9370 J/m², rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210N; Độ bền kéo hướng ngang: 205-220N * Lớp nylon được làm từ Polyester/ Oriented polyamide và polyethylene/ Polypropylene, độ dày 55-80µm. - Kích thước: 200mm x 70m/100m, (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mỗi hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	385
519	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 250mm x 70m/100m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m², độ dày 175-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-610 ml/min, độ đâm thủng 7480-9370 J/m², rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210N; Độ bền kéo hướng ngang: 205-220N * Lớp nylon được làm từ Polyester/ Oriented polyamide và polyethylene/ Polypropylene, độ dày 55-80µm. - Kích thước: 250mm x 70m/100m, (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mỗi hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	236
520	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 350mm x 70m/100m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m², độ dày 175-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-610 ml/min, độ đâm thủng 7480-9370 J/m², rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210N; Độ bền kéo hướng ngang: 205-220N * Lớp nylon được làm từ Polyester/ Oriented polyamide và polyethylene/ Polypropylene, độ dày 55-80µm. - Kích thước: 350mm x 70m/100m, (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mỗi hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	70

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
521	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 75mm x 70m/100m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lốp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m², độ dày 175-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-610 ml/min, độ đâm thủng 7480-9370 J/m², rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210N; Độ bền kéo hướng ngang: 205-220N * Lốp nylon được làm từ Polyester/ Oriented polyamide và polyethylene/ Polypropylene, độ dày 55-80µm. - Kích thước: 75mm x 70m/100m, (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	75
522	Túi ép phòng, cỡ 100mm x 50mm x 100m (± 05%)	Túi ép phòng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 100mm x 50mm x 100m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.0-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lúc ướt: 80-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1,1-2.1 kN/m; Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1-1,1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	138
523	Túi ép phòng, cỡ 150mm x 50mm x 100m (± 05%)	Túi ép phòng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 150mm x 50mm x 100m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.0-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lúc ướt: 80-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1,1-2.1 kN/m; Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1-1,1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	200

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
524	Túi ép phòng, cỡ 200mm x 50/55mm x 100m (± 05%)	Túi ép phòng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 200mm x 50/55mm x 100m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.0-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lúc ướt: 80-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1,1-2.1 kN/m; Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1-1,1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	115
525	Túi ép phòng, cỡ 250mm x 65mm x 100m (± 05%)	Túi ép phòng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 250mm x 65mm x 100m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.0-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lúc ướt: 80-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1,1-2.1 kN/m; Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1-1,1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	215
526	Túi ép phòng, cỡ 300mm x 80mm x 100m (± 05%)	Túi ép phòng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 300mm x 80mm x 100m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.0-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lúc ướt: 80-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1,1-2.1 kN/m; Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1-1,1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	25

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
527	Túi ép phồng, cỡ 400mm x 80mm x 100m ($\pm 05\%$)	Túi ép phồng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 μm và Polypropylene với độ dày 35-45μm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88μm - Kích thước: 400mm x 80mm x 100m ($\pm 05\%$) - Hiệu suất không khí: 11.0-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lúc ướt: 80-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1,1-2.1 kN/m; Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1-1,1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiết khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiết khuẩn - Sau tiết khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiết khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn châu Âu (CE/ MDR) hoặc EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 hoặc FDA	Cuộn	10
528	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, xả được, loại trong, có khóa cuộn	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, xả được, loại trong, có khóa cuộn - Để dán túi bằng hydrocolloid, đường kính vòng cắt tối thiểu 15mm, tối đa 60mm - Chiều dài túi khoảng 28 - 35cm - Miệng xả túi rộng khoảng 6 - 8cm - Dung tích chứa tối thiểu 550ml - Có khóa cuộn, bộ lọc khí chống nước, không kích ứng da - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.150
529	Túi hậu môn nhân tạo, 1 mảnh, có khóa cuộn và bộ lọc khí	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, có khóa cuộn, có bộ lọc khí - Để dán túi bằng hydrocolloid, độ pH 4.0 - 5.5, vòng cắt tối đa 64mm - Chiều dài túi 30 - 35cm, phía dưới có khóa dạng cuộn - Có bộ lọc khí, lưu lượng thông khí lên $300 \pm 2\text{mm}^2$ - Túi màu trắng trong, bộ lọc giúp khí thoát ra ngoài, mùi hôi được giữ lại bên trong, túi không bị phồng, bộ lọc không thấm nước, không tồn dư keo trên da người bệnh khi tháo túi - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.900
530	Túi hậu môn nhân tạo, 1 mảnh, xả được, sử dụng với kẹp hậu môn	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, xả được, loại trong, sử dụng với kẹp hậu môn thường dùng cho người bệnh sau phẫu thuật - Túi chứa một mặt có lớp thoáng mồ hôi, một mặt lưới thoáng khí, chiều dài túi 30 - 35cm - Để gồm 2 vòng dán, vòng trong có đường kính 90 - 95mm, có thể cắt rộng lên tới $65 \pm 1\text{mm}$; vòng ngoài có đường kính 130 - 135mm - Vòng trong thấm hút mồ hôi, vòng ngoài mỏng và linh hoạt tăng cường khả năng bám dính - Vật tư đi kèm: kẹp hậu môn (số lượng kẹp $\geq$ số lượng túi) - Thời gian sử dụng tối thiểu 5 ngày - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	200
531	Túi hậu môn nhân tạo, 2 mảnh, có khóa cuộn và bộ lọc khí	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh, có khóa cuộn, có bộ lọc khí - Chất liệu: Vinyl - Đường kính vòng gắn $70 \pm 1\text{mm}$, chiều dài túi 30 - 35cm - Túi chứa loại trong hoặc đục, gồm 4 lớp: lớp trong giúp gắn kết các lớp, lớp ngăn mùi, lớp dính giúp các lớp dính vào nhau - Có khóa cuộn, có bộ lọc khí, lưu lượng thông khí khoảng $300 \pm 2\text{mm}^2$, giúp thoát khí nhưng mùi hôi bị giữ lại, bộ lọc khí không thấm nước. Vòng gắn khớp với đế dán cùng hãng - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	700
532	Túi làm ấm máu trong lọc máu	Túi làm ấm máu gồm 1 túi, 2 bộ ống dây và các đầu nối luer hình nón - Thể tích mỗi của túi: 27 mL $\pm 10\%$. Có thể sử dụng tối đa 72 giờ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	20

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
533	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bột xốp, (10-15) x (7-10) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bột xốp - Kích thước miếng xốp: (10-15) x (7-10) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối, ống dẫn, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic có kích thước 35 x 35 cm ($\pm 5\%$) - Ống dẫn bằng silicone Elastomers, Polyvinly Chloride, đường kính 2.5 ± 0.2 mm, tốc độ hút dịch ≥ 22 m/s - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	125
534	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bột xốp, (16 - 20) x (12-15) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bột xốp - Kích thước miếng xốp: (16 - 20) x (12-15) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic có kích thước 35 x 35 cm ($\pm 5\%$) - Ống dẫn bằng silicone Elastomers, Polyvinly Chloride, đường kính 2.5 ± 0.2 mm, tốc độ hút dịch ≥ 22 m/s - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	110
535	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bột xốp, (25 - 30) x (15 - 20) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bột xốp - Kích thước miếng xốp: (25 - 30) x (15 - 20) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic có kích thước 35 x 35 cm ($\pm 5\%$) - Ống dẫn bằng silicone Elastomers, Polyvinly Chloride, đường kính 2.5 ± 0.2 mm, tốc độ hút dịch ≥ 22 m/s - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	45
536	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bột xốp, phủ bạc (10-15) x (7-10) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bột xốp, phân tử bạc nano phủ đều trên bề mặt - Kích thước miếng xốp: (10-15) x (7-10) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone Elastomers, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	10
537	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bột xốp, phủ bạc (16 - 20) x (12-15) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bột xốp, phân tử bạc nano phủ đều trên bề mặt - Kích thước miếng xốp: (16 - 20) x (12-15) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone Elastomers, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	10
538	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bột xốp, phủ bạc (25 - 30) x (15 - 20) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bột xốp, phân tử bạc nano phủ đều trên bề mặt - Kích thước miếng xốp: (25 - 30) x (15 - 20) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone Elastomers, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	5

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
539	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, (20-25) x (15-20) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane dạng tổ ong, không thấm nước, kích thước: (20-25) x (15-20) x 3cm - 1 ống dẫn bằng nhựa trong dài khoảng 65 → 70cm, miếng dán đầu hút 10 x 15cm và khoá ống dẫn kết nối với can chứa dịch. - 3 băng dán cố định trong suốt, kích cỡ 20 x 30cm - Tiệt khuẩn - <u>Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO</u>	Bộ	20
540	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, 10 x 8 x 3cm(± 05%)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane dạng tổ ong, không thấm nước, kích thước: 10 x 8 x 3cm (± 05%) - 1 ống dẫn bằng nhựa trong dài khoảng 65 → 70cm, miếng dán đầu hút 10 x 15cm và khoá ống dẫn kết nối với can chứa dịch. - 1 băng dán cố định trong suốt, kích cỡ 20 x 30cm - Tiệt khuẩn - <u>Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO</u>	Bộ	50
541	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, 20 x 13 x 3cm (± 05%)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane dạng tổ ong, không thấm nước, kích thước: 20 x 13 x 3cm (± 05%) - 1 ống dẫn bằng nhựa trong dài khoảng 65 → 70cm, miếng dán đầu hút 10 x 15cm và khoá ống dẫn kết nối với can chứa dịch. - 2 băng dán cố định trong suốt, kích cỡ 20 x 30cm - Tiệt khuẩn - <u>Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO</u>	Bộ	90
542	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, (10 - 15) x (10 - 15) x (1 - 2) cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước miếng xốp (10 - 15) x (10 - 15) x (1 - 2) cm - 01 Miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có lỗ trung tâm hút dịch và lỗ thông khí - 01 Kẹp đường ống - 01 Đầu nối có chốt khóa đóng mở - 03 Miếng dán bán thấm trong suốt dạng film bằng Polyurethane, phủ lớp keo polyacrylate - Tiệt khuẩn - <u>Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO</u>	Bộ	60
543	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, 10 x 15 x 3 cm (±05%)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước miếng xốp 10 x 15 x 3 cm (±05%) - 01 Miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có lỗ trung tâm hút dịch và lỗ thông khí - 01 Kẹp đường ống - 01 Đầu nối có chốt khóa đóng mở - 03 Miếng dán bán thấm trong suốt dạng film bằng Polyurethane, phủ lớp keo polyacrylate - Tiệt khuẩn - <u>Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO</u>	Bộ	87

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
544	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, 20 x 15 x 3cm ($\pm 05\%$)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước miếng xốp 20 x 15 x 3cm ($\pm 05\%$) - 01 Miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có lỗ trung tâm hút dịch và lỗ thông khí - 01 Kẹp đường ống - 01 Đầu nối có chốt khóa đóng mở - 05 Miếng dán bán thấm trong suốt dạng film bằng Polyurethane, phủ lớp keo polyacrylate - Tiệt khuẩn - <u>Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO</u>	Bộ	30
545	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether phủ bạc, cỡ 10 x 8 x 3.2cm ($\pm 05\%$)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ester, có phủ bạc, kích thước lỗ 400 - 600 μ m, kích thước xốp 10 x 8 x 3.2cm ($\pm 05\%$) - Dây dẫn và đầu nối có cảm biến cân bằng áp lực - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt - Thước đo - Xốp phủ hạt nano bạc - Tiệt khuẩn - <u>Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</u>	Bộ	20
546	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether phủ bạc, cỡ 18 x 12 x 3.2cm ($\pm 05\%$)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ester, có phủ bạc, kích thước lỗ 400 - 600 μ m, kích thước xốp 18 x 12 x 3.2cm ($\pm 05\%$) - Dây dẫn và đầu nối có cảm biến cân bằng áp lực - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt - Thước đo - Xốp phủ hạt nano bạc - Tiệt khuẩn - <u>Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</u>	Bộ	20
547	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether phủ bạc, cỡ 26 x 15 x 3.2cm ($\pm 05\%$)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ester, có phủ bạc, kích thước lỗ 400 - 600 μ m, kích thước xốp 26 x 15 x 3.2cm ($\pm 05\%$) - Dây dẫn và đầu nối có cảm biến cân bằng áp lực - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt - Thước đo - Xốp phủ hạt nano bạc - Tiệt khuẩn - <u>Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</u>	Bộ	10

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
548	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 10 x 8 x 3.2cm ($\pm 05\%$)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ether, cấu trúc lỗ mở 400 - 600 μms , kích thước miếng xốp 10 x 8 x 3.2cm ($\pm 05\%$) - Dây dẫn và đầu nối có 4 cảm biến cân bằng áp lực - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt - Thước đo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	70
549	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 11 x 8 x 2cm ($\pm 05\%$), có chức năng tưới rửa	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa gồm: - 2 miếng xốp bằng Polyurethane ether, kích thước lỗ 400 - 600 μm , kích thước miếng xốp 11 x 8 x 2cm ($\pm 05\%$) - 2 dây dẫn và đầu nối (dây dẫn nước và dây hút) - Băng dán cố định trong suốt - 2 gói chứa dung dịch phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết - Thước đo - Điều chỉnh được lượng dung dịch rửa và thời gian tưới ngâm rửa vết thương - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	17
550	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 17 x 15 x 2cm ($\pm 05\%$), có chức năng tưới rửa	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa gồm: - 2 miếng xốp bằng Polyurethane ether, kích thước lỗ 400 - 600 μm , kích thước miếng xốp 17 x 15 x 2cm ($\pm 05\%$) - 2 dây dẫn và đầu nối (dây dẫn nước và dây hút), đầu hút có các cảm biến phản hồi áp suất và thực hiện điều chỉnh áp suất đầu ra của bơm - Băng dán cố định trong suốt - 2 gói chứa dung dịch phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết - Thước đo - Điều chỉnh được lượng dung dịch rửa và thời gian tưới ngâm rửa vết thương - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	17
551	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 18 x 12 x 3.2cm ($\pm 05\%$), cấu trúc tế bào mở, cảm biến cân bằng áp lực	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, cấu trúc tế bào mở, cảm biến cân bằng áp lực Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ether, cấu trúc lỗ mở 400 - 600 μms , kích thước miếng xốp 18 x 12 x 3.2cm ($\pm 05\%$) - Dây dẫn và đầu nối có 4 cảm biến cân bằng áp lực - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt - Thước đo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	142

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
552	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 25 x 15 x 2cm ($\pm 05\%$), có chức năng tưới rửa	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa gồm: - 2 miếng xốp bằng Polyurethane ether, kích thước lỗ 400 - 600 μ m, kích thước miếng xốp 25 x 15 x 2cm ($\pm 05\%$) - 2 dây dẫn và đầu nối (dây dẫn nước và dây hút), đầu hút có các cảm biến phản hồi áp suất và thực hiện điều chỉnh áp suất đầu ra của bơm - Băng dán cố định trong suốt - 2 gói chứa dung dịch phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết - Thước đo - Điều chỉnh được lượng dung dịch rửa và thời gian tưới ngâm rửa vết thương. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	12
553	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 26 x 15 x 3.2cm ($\pm 05\%$), cấu trúc tế bào mở, cảm biến cân bằng áp lực	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, cấu trúc tế bào mở, cảm biến cân bằng áp lực Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ether, cấu trúc lỗ mở 400 - 600 μ ms, kích thước miếng xốp 26 x 15 x 3.2cm ($\pm 05\%$) - Dây dẫn và đầu nối có 4 cảm biến cân bằng áp lực - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt - Thước đo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	60
554	Vớ đùi áp lực, các cỡ	Vớ đùi áp lực dùng trong phòng ngừa và điều trị giãn tĩnh mạch chi dưới - Chất liệu: 70 - 90% Nylon Polyamide, 10 - 30% Lycra Elastane - Có 5 áp lực phân đoạn chuẩn tại từng vùng trên chân: 18mmHg - 14 mmHg - 8 mmHg - 10mmHg - 8 mmHg - Đặc tính: hở ngón ở phía đầu trên ngón chân, tăng vận tốc lưu thông máu lên đến 135 -140% - Có đai vớ hai mặt và băng đệm chống xoay, không cản trở lưu thông máu ở vùng tĩnh mạch đùi - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Đôi	3.700
555	Vòng bảo vệ chống loét da, cỡ lớn	Vòng bảo vệ chống loét da là sự kết hợp Hydrocolloid và dịch kết dính, sau đó được liên kết lại bằng siêu sợi - Đường kính lỗ: 95 - 100mm - Có thể kéo giãn, định hình mà không bị nứt, bong tróc, luôn giữ hình dáng mới tạo ra - Dính tốt vào da bị viêm, ngăn ngừa dịch tiêu hóa tiếp xúc với da bị viêm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	120
556	Vòng bảo vệ chống loét da, cỡ nhỏ	Vòng bảo vệ chống loét da là sự kết hợp Hydrocolloid và dịch kết dính, sau đó được liên kết lại bằng siêu sợi - Đường kính lỗ: 45 - 50mm - Có thể kéo giãn, định hình mà không bị nứt, bong tróc, luôn giữ hình dáng mới tạo ra - Dính tốt vào da bị viêm, ngăn ngừa dịch tiêu hóa tiếp xúc với da bị viêm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Cái	80

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
557	Bộ dẫn lưu khí, dịch, máu từ trung thất ra ngoài, van 1 chiều, 2300 - 2400ml	Bình dẫn lưu khí, dịch, máu từ trung thất ra ngoài - Cấu tạo 3 khoang, có van điều chỉnh áp lực - Có van 1 chiều trên dọc tuyến dẫn lưu, van áp lực âm điều chỉnh tay tránh hiện tượng hút nước hoặc trào ngược và có vị trí để hút dịch làm xét nghiệm - Thể tích khoảng 2300 - 2400 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	10
558	Túi lấy mẫu khí thở	Túi lấy mẫu khí thở dùng để thu thập mẫu hơi thở từ bệnh nhân trước và sau khi sử dụng viên uống Urea C13 để phát hiện vi khuẩn Helicobacteria pylori - Chất liệu: Túi plastic, gắn ống kết nối có van 1 chiều. - Kích thước: Rộng 11 cm x dài 17 cm x dày 0.125 mm ($\pm 05\%$) - Dung tích: 300 ml - Tiêu chuẩn chất lượng ISO	Túi	33.800
559	Túi máu đơn 350ml	Túi máu đơn - Chất liệu bằng PVC, hàn liền khối, các góc được bo tròn - Thể tích: 350 ml - Túi chứa sẵn 35ml dung dịch chống đông CPDA-1 để bảo quản máu toàn phần tới 35 ngày ở 4 độ C (± 2 độ C) - Kim lấy máu cỡ 16G, chiều dài kim: 38 ± 0.5 mm - Kích thước túi: cao 130 ± 5 mm, chiều rộng 120 ± 5 mm - Dây lấy máu dài: 980 ± 40 mm, đường kính trong 3.0 ± 0.1 mm - Có 12 đoạn mã số - Túi chịu lực ly tâm 5000g trong 10 phút, bền nhiệt độ trong khoảng -80 độ C tới 37 độ C (± 2 độ C) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Túi	150
560	Gạc xốp (foam), 3 lớp, có lớp dính silicone, cỡ 10 x 10cm (± 0.5),	Gạc xốp (foam) dán vết thương tiết dịch - Thành phần: Polyurethane, Silicone - 3 lớp gồm: + Màng film Polyurethane bán thấm ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (lớn hơn 25nm) + Lớp foam giúp thấm hút và giữ lại dịch tiết + Lớp dính 100% silicone - Kích thước 10 x 10 cm (± 0.5) - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	170
561	Gạc xốp (foam), 3 lớp, tấm Silver Sulphate, có lớp dính silicone cỡ, 10 x 10cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) dán vết thương kháng khuẩn, dùng cho vết thương tiết dịch nhiều - Thành phần: Polyurethane, Silicone, Silver Sulphate (1.0 - 1.2 mg Ag/cm²) - 3 lớp gồm: + Màng film Polyurethane bán thấm chống nước thoáng khí ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (lớn hơn 25nm) + Lớp foam thấm hút có tấm Silver Sulphate và than hoạt tính giúp tiêu diệt vi sinh vật + Lớp dính 100% silicone, không dính lên nền vết thương - Kích thước: 10 x 10 cm (± 0.5) - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	70

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
562	Gạc xốp (foam) 4 lớp, có lớp dính silicone, cỡ 6 x 8 cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, viscose, polyester, polyolefins, polyacrilate, sợi acrylate siêu thấm - 4 lớp gồm: + Màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn + Lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate + Lớp điều hướng dịch tiết + Lớp dính Silicon mềm - Kích thước: 6 x 8 cm (± 0.5) - Thời gian lưu băng: 5-7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	120
563	Gạc xốp (foam) 4 lớp, có lớp dính silicone, cỡ 10 x 20 cm (± 0.5)	Băng vết thương thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, viscose, polyester, polyolefins, polyacrilate, sợi acrylate siêu thấm - 4 lớp gồm: + Màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn + Lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate có những đường cắt chữ Y + Lớp điều hướng dịch tiết + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước: 10 x 20 cm (± 0.5) - Diện tích thấm hút: 75 - 80 cm² - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Tiêu chuẩn sản xuất ISO và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	250
564	Gạc xốp (foam) 4 lớp, có lớp dính silicone, cỡ 10 x 25 cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, viscose, polyester, polyolefins, polyacrilate, sợi acrylate siêu thấm - 4 lớp gồm: + Màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn + Lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate + Lớp điều hướng dịch tiết + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước 10 x 25 cm (± 0.5) - Thời gian lưu băng: 5-7 ngày - Đóng gói vô trùng - Tiêu chuẩn sản xuất ISO và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	250
565	Miếng dán trị sẹo silicone, cỡ 10 x 18 cm ($\pm 0.5\%$)	Băng dán silicone điều trị và ngăn ngừa sẹo lồi, sẹo phì đại. - Kích thước: 10 x 18 cm ($\pm 0.5\%$) - Thành phần: Polyacrylate, Polyurethane, Silicone, Viscose - Cấu tạo: + Lớp chống thấm nước (Polyurethane film và sợi không dệt Viscose) + Lớp dính silicone - Đóng gói vô trùng - Thời gian lưu băng: trên 7 ngày - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	260

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
566	Gạc xốp (foam) 5 lớp, cho vùng cùng cụt, có lớp dính silicone, cỡ 16 x 20 cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) điều trị loét cho vùng cùng cụt dùng cho phòng ngừa và điều trị tổn thương tỳ đè - Kích thước: 16 x 20 cm (± 0.5) - Thành phần: Silicone, polyurethane, polyacrylate, cotton, viscose, polyester and polyolefin - 5 lớp gồm: + Lớp film Polyurethane + Lớp lưu trữ dịch + Lớp trải đều dịch + Lớp foam siêu thấm hút + Lớp dính Silicon mềm - Thời gian lưu băng: từ 5 - 7 ngày - Đóng gói vô trùng - <u>Tiêu chuẩn sản xuất ISO và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</u>	Miếng	115
567	Gạc xốp (foam) 5 lớp, có lớp dính silicone, cỡ 12 x 12 cm (± 0.5 cm)	Gạc xốp (foam) hút dịch tiết thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, polyacrylate, cotton, viscose, polyester and polyolefin - 5 lớp gồm: + Lớp film Polyurethane thông thoáng, không thấm nước, chống vi khuẩn và vi rút + Lớp lưu trữ dịch, có đường cắt chữ Y giúp băng co giãn 360 độ linh hoạt, hỗ trợ vận động + Lớp trải đều dịch + Lớp foam siêu thấm hút + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước: 12 x 12 cm (± 0.5) - Diện tích vùng thấm hút: 72 - 75 cm² - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - <u>Tiêu chuẩn sản xuất ISO và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</u>	Miếng	200
568	Gạc xốp (foam), 3 lớp, tấm Silver Sulphate, có lớp dính silicone, cỡ (17 x 17) cm ± 0.5 cm	Gạc xốp (foam) dán vết thương kháng khuẩn, ủng cho vết thương tiết dịch nhiều - Thành phần: Polyurethane, Silicone, Silver Sulphate - 3 lớp gồm: + Màng film Polyurethane bán thấm chống nước thoáng khí + Lớp foam thấm hút có tấm Silver Sulphate + Lớp dính 100% silicone - Kích thước: 17 x 17 cm (± 0.5) - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Tiết khuẩn - <u>Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)</u>	Miếng	20
569	Gạc xốp Lipido-colloid, 8 x 15cm (± 0.5)	Gạc xốp lipido-Colloid hơi dính, dùng cho người bệnh phẫu thuật khớp gối, háng - Chất liệu: lipido-colloid, đường viền bằng silicone - Kích thước 8 x 15cm (± 0.5) - Tiết khuẩn - <u>Tiêu chuẩn châu âu (CE) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO</u>	Miếng	50

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
570	Mỡ thoa trực tràng	Mỡ thoa trực tràng được dùng để điều trị các triệu chứng và các biến chứng của bệnh trĩ (ví dụ: eczema, nứt hậu môn). Nó bao phủ và bảo vệ lớp biểu bì, chăm sóc cho da bị viêm, ngứa, giúp thúc đẩy tái tạo da. Mỡ thoa trực tràng Linaflon làm giảm sự khô da, nhờ đó giúp làm lành vết thương, làm giảm nguy cơ nứt và tổn thương khi đi đại tiện. - Thành phần: Sucralfat, bơ ca cao, lanolin (nguồn gốc thực vật), vaseline trắng, sáp ong trắng, nước tinh khiết, caprilil glycol, chiết xuất cúc xu xi (calendula-extract), chiết xuất cúc La Mã (chamomile extract), chiết xuất lá cây Phi (witch hazel leaf extract). - Dạng mỡ thoa trực tràng - Khối lượng: 25 - 30 gam (kèm dụng cụ bôi bằng nhựa để gắn vào tuýp) - Tiêu chuẩn sản xuất ISO, CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Tube	100
571	Viên đạn đặt trực tràng	Viên đạn đặt trực tràng được dùng để điều trị các triệu chứng của bệnh trĩ và các biến chứng của nó (ví dụ: eczema, nứt trực tràng). Nó bao phủ và bảo vệ lớp biểu bì, chăm sóc cho da bị viêm, ngứa, giúp thúc đẩy tái tạo da. Viên đạn đặt trực tràng Linaflon làm giảm sự khô da, nhờ đó giúp làm lành vết thương, làm giảm nguy cơ nứt và tổn thương khi đi đại tiện. - Thành phần: Sucralfate, bơ ca cao, lanolin (nguồn gốc thực vật), Witepsol W25 (chất nền của viên đạn), chiết xuất cúc xu xi (calendula-extract), chiết xuất cúc La Mã (chamomile extract), chiết xuất lá cây Phi (witch hazel leaf extract). - Dạng viên đạn đặt trực tràng - Mỗi hộp chứa 10 viên đạn, mỗi viên có khối lượng 2.5 g - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Viên	1.500
572	Găng tay tiết khuẩn không bột, chiều dài tối thiểu 285 mm	Găng tay tiết khuẩn, không bột dùng trong các thủ thuật/ phẫu thuật - Chất liệu: latex, mặt trong và mặt ngoài phủ lớp polymer - Màu sắc: màu nâu - Cổ găng thẳng có lớp băng nhẹ ôm khít vào tay áo, lòng bàn tay và đầu ngón tay được làm nhám - Kích thước: 6.0; 6.5; 7.0; 7.5; 8.0; chiều dài tối thiểu 285 mm - Độ dày tối thiểu vùng nhám 0.15 - 2.0 mm - Độ dày tối thiểu: độ dày ngón tay 0.19mm (± 0.02mm); bàn tay 0.18mm (± 0.02mm); cổ tay 0.17mm (± 0.02mm) - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước và sau khi sử dụng ≥ 9N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi sử dụng $\geq 700\%$, sau khi sử dụng $\geq 550\%$. - Hàm lượng protein gây dị ứng $\leq 50\mu\text{g/g}$ - Tiết khuẩn, đóng gói từng đôi - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Đôi	57.000
573	Bơm tiêm cân quang, cỡ 200ml	Bơm tiêm cân quang, cỡ 200ml - 01 bơm tiêm 200ml - Chất liệu: ống bơm bằng nhựa Poly Cyclohexylene Dimethyl Terephthalate Glycol (PCTG), Piston bằng PP và miếng đệm bằng TPV - Áp suất ≥ 300 psi - Khóa Luer - Tương thích với máy bơm tiêm điện CT Nemoto Dual Shot Alpha 7 tại Bệnh viện - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	600

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
574	Dây truyền chữ Y dạng thẳng 150cm dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang Nemoto-2 van	Dây truyền chữ Y dạng thẳng 150cm - Chất liệu: dây truyền bằng PVC, van an toàn bằng PC, bộ chuyển đổi Luer bằng PVC, nắp chụp thông hơi bằng HDPE, nắp trượt bằng LDPE, khóa Luer bằng PVC - Gồm: - 1 dây truyền dạng thẳng chữ Y với 02 van an toàn, chiều dài dây truyền 150 cm - 1 dài dây ngắn đến chữ Y: 80-90mm - Chiều dài dây ngắn đến chữ Y màu xanh da trời: 180 - 190mm - Đường kính trong: 1.7 - 1.8 mm - Đường kính ngoài: 3.2 - 3.3 mm - Áp suất ≥ 300psi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tương thích với hệ thống máy bơm tiêm điện CT Nemoto Dual Shot Alpha 7 tại Bệnh viện	Chiếc	300
575	Gạc xốp (foam), 4 lớp, có lớp dính silicone, cỡ 10 x 30 cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, viscose, polyester, polyolefins, polyacrilate, sợi acrylate siêu thấm - 4 lớp gồm: + Mạng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn + Lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate có những đường cắt chữ Y + Lớp điều hướng dịch tiết + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước 10 x 30 cm (± 0.5) - Diện tích thấm hút: 125 - 130 cm² - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Tiêu chuẩn sản xuất ISO và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	10
576	Bộ trao đổi khí loại thải CO2 hỗ trợ chức năng phổi	Bộ trao đổi khí-máu sử dụng cho bệnh nhân từ 30kg trở lên - Phạm vi tốc độ máu trong kết hợp với hệ thống PrisMax 200-450 ml/phút, tốc độ dòng khí: 5-10 l/phút - Phạm vi Áp lực khoang khí tối đa: Áp lực buồng khí $\leq$ áp lực buồng máu - Áp lực khoang máu tối đa: 66.66 kPa/ 500 mmHg - Thể tích mỗi: 84 ± 1 ml - Mạng lọc chất liệu Polymethylpentene (PMP), diện tích bề mặt 0.8 m², dạng sợi rỗng huyết tương - Vật liệu phủ: Phosphorylcholine - Thời gian sử dụng tối đa: 72 giờ Các phụ kiện đi kèm: - Dây khí dài 400cm, vật liệu dây & đầu nối: PVC; PETG; SEBS - Đầu nối khí chuyên biệt chất liệu Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS) - Dây máu nối dài: đầu vào màu đỏ dài 32 - 35 cm, thể tích mỗi 6ml; đầu ra màu xanh dương dài 23 - 25 cm, thể tích mỗi 4ml - Tương thích với máy PrisMax của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO, CE (Châu Âu)	Bộ	5

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
577	Bộ trao đổi khí loại thải CO2 hỗ trợ chức năng phổi và bộ dây dẫn	Bộ trao đổi khí-máu sử dụng cho bệnh nhân từ 30kg trở lên và bộ dây dẫn - Phạm vi tốc độ máu trong kết hợp với hệ thống PrisMax 200-450 ml/phút, tốc độ dòng khí: 5-10 l/phút - Phạm vi áp lực khoang khí tối đa: Áp lực buồng khí $\leq$ áp lực buồng máu - Áp lực khoang máu tối đa: 66.66 kPa/ 500 mmHg - Thể tích mỗi: 84 ± 1 ml - Màng lọc chất liệu Polymethylpentene (PMP), diện tích bề mặt 0.8 m², dạng sợi rỗng huyết tương - Vật liệu phủ: Phosphorylcholine - Thời gian sử dụng tối đa: 72 giờ Các phụ kiện đi kèm: - Dây khí dài 400cm, vật liệu dây & đầu nối: PVC; PETG; SEBS - Đầu nối khí chuyên biệt chất liệu Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS) - Dây máu nối dài: đầu vào màu đỏ dài 32 - 35 cm, thể tích mỗi 6ml; đầu ra màu xanh dương dài 23 - 25 cm, thể tích mỗi 4ml - Bộ dây dẫn HP-X: tốc độ máu 50-450 ml/phút, áp lực máu tối đa 500 mmHg (66.6 kPa), thể tích mỗi 108ml, chất liệu Plasticized polyvinyl chloride (PVC). Thời gian sử dụng tối đa: 72 giờ - Tương thích với máy PrisMax của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO, CE (Châu Âu)	Bộ	5
578	Catheter lọc máu 2 nòng, cỡ 13F, dài 25 ± 1 cm	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu Chất liệu: Polyurethane resin (PUR) Kích thước: 13F Chiều dài: 25 ± 1 cm Gồm: 01 catheter, 01 Kim luồn, 01 dây luồn J-tip 0.038" x 900 mm, 02 nắp đậy tiêm truyền, 01 nong mạch 150 - 160 mm - Tiêu chuẩn sản xuất ISO, CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	20
579	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 10 - 60kDa, thể tích hạt hấp phụ 380 mL	Quả lọc máu hấp phụ các chất trung gian gây viêm và cytokines, Triglyceride và Cholesterol dư thừa, Myoglobin, Các chất chống đông và chống kết tập tiểu cầu trong quá trình mổ cấp cứu,... - Vật liệu vỏ: Polycarbonate (PC) - Vật liệu hấp phụ: hạt resin, chất đồng trùng hợp Styren-Divinylbenzen - Dải hấp phụ: 10 - 60 kDa - Thể tích hạt hấp phụ: 380 mL - Thể tích mỗi máu: 150 ml - Tốc độ máu tối đa: 700ml/phút - Độ chịu lực của hạt: 8.1N - Dây nối - Tiệt khuẩn tia Gamma - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu)	Quả	5
580	Phin lọc cai máy thở, bằng Polypropylene	Phin lọc cai máy thở giúp làm ấm, ẩm khí thở qua mớ khí quản/ nội khí quản - Chất liệu: Polypropylene trong suốt, không chứa PVC, cao su, DEHP, chì. - Đặc điểm: trao đổi nhiệt và trao đổi ẩm, co nối 15mm, có lỗ hút dịch, co nối tương thích với dây oxy - Có co nối với oxy và cổng hút đờm và lấy mẫu dịch - Độ ẩm đầu ra: 29 - 30 mg/lít khí - Thể tích nén/ khoảng chết: 6 ± 1 ml - Kháng trở 30L/phút và 60L/phút: ≤ 0.1 mbar và ≤ 0.3 mbar - Trọng lượng: ≤ 6 g - Tiêu chuẩn sản xuất ISO hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	800

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
581	Phin lọc vi khuẩn 1 chức năng, bằng Polypropylene, người lớn	Phin lọc khuẩn có tích hợp cổng đo CO2 sử dụng cơ chế lọc tĩnh điện, dùng cho người lớn, hình vuông - Chất liệu: Polypropylene trong suốt; không chứa PVC, cao su, DEHP, chì - Màng lọc bằng hydrophobic (không ưa nước) có phủ sợi thủy tinh - Khả năng lọc vi khuẩn, virus $\geq 99.9\%$ - Có cổng trích khí lấy mẫu và đo CO2; nghiêng 45 độ, gắn liền nắp đậy - Hiệu suất lọc đối với hạt muối kích thước $0.075 \pm 0.02 \mu\text{m}$ là $\geq 99.9\%$ - Trở kháng: tại 30 l/phút là $\leq 0.9\text{mbar}$; tại 60 l/phút là $\leq 2\text{mbar}$; tại 90L/phút là $\leq 3.5\text{mbar}$ - Khoảng chết: 35ml - Trọng lượng: $\leq 17\text{g}$ - Cổng kết nối 2 đầu 22/15 - Tiêu chuẩn sản xuất ISO hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	5.000
582	Phin lọc vi khuẩn 3 chức năng, bằng Polypropylene, người lớn	Phin lọc khuẩn kết hợp làm ẩm dùng cho người lớn, hình vuông - Chất liệu: Polypropylene trong suốt; không chứa PVC, cao su, DEHP, chì. - Màng lọc khuẩn bằng hydrophobic (không ưa nước) - Khả năng lọc vi khuẩn, virus $\geq 99.9\%$ - Thể tích lưu thông: 300 - 1500ml - Có cổng trích khí lấy mẫu và đo CO2 - Hiệu suất lọc đối với hạt muối kích thước $0.075 \pm 0.02 \mu\text{m}$ là $\geq 99.9\%$ - Khí thở có độ ẩm ≥ 36.8 (mg H2O/lít khí), thất thoát độ ẩm thấp ≤ 9.4 (mg/lít khí) (tại Vt=500ml) - Trọng lượng: $\leq 18\text{g}$ - Cổng kết nối: 22F/15M, 22M/15F - Tiêu chuẩn sản xuất ISO hoặc CE(Châu Âu)	Cái	15.000
583	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ, cỡ 5, 6, 7, 8, 9	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ - Bóng linh hoạt cho phép cannula trượt một vài mm theo chiều dọc để hấp thụ lực hút xuống - Vật liệu pha trộn cải thiện tính linh hoạt và tính thấm thấu N2O trong quá trình gây mê - Nòng ống bên trong làm bằng chất liệu Hydrophobicity - Nòng ống bên trong có thể được tháo ra để lau rửa chất nhờn - Kích cỡ: cỡ 5, 6, 7, 8, 9 - Đường kính ngoài: 8.6 - 13.2mm - Đường kính trong: 5.0 - 9.0mm - Chiều dài ống tương ứng: 55 - 78mm - Ống bên ngoài cản tia X.quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	209
584	Stent thanh - khí quản bằng silicone	Stent thanh - khí quản để hỗ trợ phòng ngừa và điều trị hẹp thanh quản và khí quản - Làm bằng silicon loại cấy ghép có cản quang với bề mặt nhẵn không dính - Đường kính (mm): 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 - Chiều dài (mm): 83, 93, 100, 126, 133, 140, 147 - Tiêu chuẩn sản xuất ISO, CE (Tiêu chuẩn Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
585	Dụng cụ điều chỉnh dây thanh	Dụng cụ điều chỉnh dây thanh hình chiếc ô giúp điều trị hẹp thanh môn trước có hoặc không có liệt dây thanh - Chất liệu silicone mềm, cỡ 12, 14, 16 - Bề mặt trơn nhẵn không dính - Chiều rộng thanh môn: $17 \pm 0.5\text{mm}$ - Chiều dài thanh môn từ 12mm, 14mm, 16mm (± 0.5) - Chiều rộng cánh: $16 \pm 1\text{ mm}$ - Chiều dài cánh: $21 \pm 1\text{ mm}$ - Tiêu chuẩn sản xuất ISO, CE (Tiêu chuẩn Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
586	Kim sinh thiết mô mềm kèm kim dẫn đồng trục	Kim sinh thiết mô mềm kèm kim dẫn đồng trục, dùng trong thủ thuật sinh thiết vú, gan, phổi, thận, tuyến giáp. Kích cỡ kim sinh thiết: + Độ dài của kim: 11cm, 15cm, 20cm ($\pm 0.5\text{cm}$) + Độ lớn của kim: 20G, 18G, 16G, 14G Kích cỡ kim dẫn đồng trục: + Độ dài của kim: 6cm, 10cm, 15cm ($\pm 0.5\text{cm}$) + Độ lớn của kim: 19G, 17G, 15G, 13.5G Hai kích thước rãnh: 10mm hay 20mm cung cấp khả năng lấy mẫu chính xác Điểm phân xạ trên ống thông và kim cắt cung cấp khả năng hiển thị dưới máy siêu âm Đầu tip vát 4 cạnh sắc bén giúp tiếp cận mô dễ dàng - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	30
587	Hệ thống dây dẫn trong lọc máu	Bộ dây máu dùng cho thận nhân tạo bao gồm: - Dây động mạch, đường kính 4.5 x 6.8, dài 3.830mm và 05 nhánh nối dây động mạch, đường kính 2.2 x 4.1 (04 nhánh), 3.5 x 5.5 (01 nhánh), tổng chiều dài các nhánh nối: 1.150 mm. Bầu động mạch dài $130 \pm 2\text{mm}$ - Đoạn dây chạy qua bơm máu đường kính 8 x 12mm, dài $350 \pm 2\text{mm}$ - Dây tĩnh mạch, đường kính 4.5 x 6.8, dài 280 - 285 cm - 02 nhánh nối dây tĩnh mạch, đường kính 2.2 x 4.1 (01 nhánh), 3.5 x 5.5 (01 nhánh), tổng chiều dài các nhánh: 600 mm. Bầu tĩnh mạch dài $130 \pm 2\text{ mm}$ - 2 đầu dò (transducer protector) - 2 kết nối tái tuần hoàn - Dây truyền dịch: 150 - 160 mm - Túi nước thải thể tích 2.000 - 2.500 ml - Thể tích làm đầy $160 \pm 2\text{ ml}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	4.000
588	Bộ dây lọc máu tương thích máy online HDF tại Bệnh viện	Bộ dây lọc máu tương thích máy online HDF Bệnh viện Bao gồm: Dây động mạch, dây tĩnh mạch, dây safeline - Chất liệu: PVC, không chứa DEHP, các đầu nối và các thành phần khác: PC, PVC, ABS, PE... - Thể tích làm đầy 132 - 135ml - Dây động mạch: dài $3.389 \pm 6\text{ mm}$ - Dây tĩnh mạch: dài $2717 \pm 2\text{mm}$ - Dây safeline: dài $1000 \pm 3\text{ mm}$ - Bầu nhỏ giọt dài 22 - 25mm - Đoạn dây nằm trong bơm máu đường kính 8 - 9 mm - Trọng lượng: $345 \pm 2\text{g}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tương thích với máy Online HDF 5008S của bệnh viện	Bộ	2.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
589	Catheter lọc máu 2 nòng bằng polyurethane, cỡ 14.5Fr, dài 24cm, 28cm, 32cm	Bộ catheter đường hầm dùng trong lọc máu 14.5Fr - Chất liệu catheter bằng polyurethane, có cân quang - Tổng chiều dài Catheter 24cm, 28cm và 32cm; chiều dài từ đầu tip đến cuff là 19cm, 23cm, 27cm; đường kính gấp cong trung bình là 2.64cm - Đầu catheter thiết kế xoắn ốc; van khóa khí tự động ngăn ngừa thuyên tắc khí và máu trào ngược. - Tốc độ dòng chảy lên đến 500 ml/phút - Các bộ phận đi kèm: 01 thông luồn catheter 15Fr dài 13 ± 0.5 cm có van khóa khí tự động 01 cây nong 10 - 12Fr, dài 15 ± 0.5 cm 01 cây tạo đường hầm, 02 nắp đậy 01 cây nong 8Fr dài 20 ± 0.5cm 01 dây guidewire 0.038" dài 70 ± 0.5 cm 01 kim dò 18G dài 70 ± 0.5 mm 02 băng gạc 2 x 2 inch - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40
590	Gạc Alginate, cỡ 10 x 10cm	Gạc Alginate thấm hút dịch tiết, dùng trong điều trị vết thương có kích thước 10x10cm - Thành phần: Calcium alginate không dệt - Kích thước: 10 x 10cm ($\pm 05\%$) - Chiều dày: 1 - 3 mm - Khả năng hấp thụ / 100 cm² gạc: ≥ 12 ml - Thời gian lưu băng: 5 - 7 ngày - Tiêu chuẩn chất lượng ISO	Miếng	100
591	Túi đặt ngực loại tròn, bề mặt trơn, trọng lượng từ 270g đến 340g	Túi đặt ngực loại tròn, bề mặt trơn - Gel bên trong túi được phủ đầy 100% - Vỏ siêu liên kết bằng silicon: 2 lớp elastomer, 1 lớp bảo vệ SiloGard ngăn Gel khuếch tán ra ngoài. - Bề mặt silicon trơn - Trọng lượng cho độ nhô trung bình: 278 - 340 g - Trọng lượng cho độ nhô cao: 270 - 330 g - Gel: SiloGel Twist, siêu kết dính - Độ nhô: từ 4.0 - 4.5 cm, đường kính: 11 - 12 cm - Độ nhô cao: 4.8 - 5.0 cm, đường kính: 10 - 12 cm - Tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	30
592	Gạc xốp (foam), 3 lớp, tấm Silver Sulphate, có lớp dính silicone, cỡ 12 x 12 cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) dán vết thương kháng khuẩn - Thành phần: Polyurethane, Silicone, Silver Sulphate (≥ 1mg Ag/cm²) - 3 lớp gồm: + Màng film Polyurethane chống nước thoáng khí ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (lớn hơn 25nm) + Lớp foam thấm hút có tấm Silver Sulphate và than hoạt tính giúp tiêu diệt vi sinh vật + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước: 12 x 12 cm (± 0.5) - Hoạt tính kháng khuẩn: trong vòng 30 - 35 phút - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Tiêu chuẩn sản xuất ISO và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	30

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
593	Gạc xốp (foam), 4 lớp, có lớp dính silicone, cỡ 10 x 15 cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, viscose, polyester, polyolefins, polyacrilate, sợi acrylate siêu thấm - 4 lớp gồm: + Màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn + Lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate có những đường cắt chữ Y + Lớp điều hướng dịch tiết + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước 10 x 15 cm (± 0.5) - Diện tích thấm hút: 50 - 55 cm ² - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Tiêu chuẩn sản xuất ISO và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	110
594	Gạc lưới silicone, cỡ 10 x 18cm ($\pm 0.5\%$)	Gạc lưới silicone bảo vệ vết thương, có lỗ điều hướng dịch tiết lên lớp băng thứ cấp, trong suốt dễ dàng kiểm tra vết thương, không ảnh hưởng đến quá trình lành thương - Kích thước: 10 x 18 cm ($\pm 0.5\%$) - Thời gian lưu băng: 10 - 14 ngày - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	20
595	Gạc thấm hút, sợi polyvinyl alcohol, tấm bạc, cỡ 10 x 10 cm (± 0.5)	Băng vết thương tạo gel kháng khuẩn - Thành phần: sợi polyvinyl alcohol (PVA), tấm bạc sulphate (0.2 - 0.5 mg Ag/cm ²), khóa dịch tiết, hóa gel khi tiếp xúc dịch tiết, không rã trong vết thương, giảm số lượng lớn vi khuẩn và giải quyết màng biofilm. - Kích thước: 10 x 10 cm (± 0.5) - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc ISO	Miếng	70
596	Gạc xốp (foam), 3 lớp, dày 5 - 6mm, cỡ 10 x 10cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) dùng trong điều trị vết thương Thành phần: - Màng Polyurethane chống thấm - Lớp hấp thụ (Polyurethane foam thấm hút): Chứa 0.9 - 10% Sodium Alginate - Lớp tiếp xúc chống dính vết thương Kích thước lỗ tiếp xúc: 16 - 53 μ m Kích thước lỗ lớp thấm hút : 130 - 240 μ m Tốc độ thoát hơi ẩm: 1.330g/m ² /ngày Khả năng thấm hút dịch: 5.300g/m ² /ngày Kích thước: 10 x 10cm (± 0.5), dày 5 - 6mm Thấm hút gấp 15-20 lần trọng lượng băng - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc ISO	Miếng	150
597	Miếng dán silicone mờ sọc (3.5 x 15) cm x 10mm	Miếng dán silicone mờ sọc làm mềm, làm phẳng sẹo lồi, sẹo phì đại - Thành phần: 100% silicone, tự dính - Kích thước: (3.5 x 15) cm x 10mm - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	100
598	Gel silicone mờ sọc, 15 - 20g	Gel silicone làm mềm và giảm màu sọc, giảm mất nước trong sẹo, hỗ trợ ngăn ngừa hình thành sẹo mới - Thành Phần: Silicone, Vitamin E 0.5 - 1.0%, Phytosqualane - Dạng gel trong suốt - Dung tích: 15 - 20g - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc ISO	Tube	50

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
599	Vớ áp lực cổ tay - cánh tay, các cở	Vớ áp lực cổ tay - cánh tay, các cở - Chất liệu: 60 - 65% TACTEL Polyamide; 25 - 30% Elastane; 8 - 10 % Cotton/Baumwoile; 4 - 6% Lyocell/SeaCell - Kích thước: size S, M, L, XL - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	5
600	Miếng ghép tạo hình mũi, (50 x 10 x 8 x 6) mm (± 0.5)	Miếng ghép tạo hình mũi - Vật liệu cấy ghép mặt bằng eTPFE được làm bởi expanded Polytetrafluoroethylene - Kích thước: (50 x 10 x 8 x 6) mm (± 0.5) (chiều dài x chiều rộng đầu to x chiều rộng đầu nhỏ x độ dày) - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	5
601	Miếng ghép tạo hình mũi, cở (60 x 11 x 9 x 7) mm (± 0.5)	Miếng ghép tạo hình mũi - Vật liệu cấy ghép mặt bằng eTPFE được làm bởi expanded Polytetrafluoroethylene - Kích thước: (60 x 11 x 9 x 7) mm (± 0.5) (chiều dài x chiều rộng đầu to x chiều rộng đầu nhỏ x độ dày) - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Miếng	5
602	Túi độn móng các cở	Túi độn móng các cở - Chất liệu: Gel lấp đầy - Lớp sắc tố sử dụng để nhận biết trực quan lớp rào cản cấy ghép, Kích thước: - Chiều rộng: 9.4 đến 11.8 cm - Chiều cao: 12 đến 15 cm - Độ nhô: 3 đến 4.8cm - Thể tích: 235 đến 465cc - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc ISO	Cái	10
603	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường cho trẻ em, 5F x 13 - 15 cm, có van 2 chiều	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường cho trẻ em: - Chất liệu Catheter bằng polyurethan, kim nong bằng nhựa - Kích thước 5F, chiều dài 13 - 15cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G20/ G22/ G22 - Kim dẫn đường 21G, dây kim loại dẫn đường dài 50 - 55cm, mềm dẻo, tránh vận xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn - Đầu nối catheter có van 2 chiều - Có dao mổ và tấm dán cố định catheter - Có dây cáp định vị đầu catheter bằng sóng ECG - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100
604	Ống dẫn lưu màng phổi bằng nhựa trung tính, cở 16 → 36Fr, dài 51 - 53cm	Ống dẫn lưu dịch trong màng phổi Chất liệu: nhựa PVC không DEHP, không latex - Cở 16 → 36Fr (tối thiểu 6 cở), dài 51 - 53 cm, đường kính trong: 3.5 - 10.6mm - Đầu ống vát, có nhiều lỗ dọc thân ống - Trên thân có khắc vạch đánh dấu, thân ống có dây cán tia X - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.000
605	Que bấm ối	Que bấm ối dùng để phá vỡ màng ối trong thủ thuật bấm ối - Chất liệu: Polypropylen - Chiều dài: 25 - 30 cm. Thân thẳng hoặc cong, đầu cùn có móc lệch tâm cứng, đủ nhỏ để tạo ra một vết rách nhỏ ở màng ối. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
606	Gạc chèn nội tạng tiệt trùng, cỡ (8 x 30) cm ± 5%	Gạc chèn nội tạng dùng để tạo và cố định vùng phẫu trường - Lõi: 100% polyurethane - Gạc phủ ngoài và dây cố định: 100% cotton - Sợi cân quang: polystyrene, barium sulfate - Kích thước: (8 x 30) cm ± 5% - Gạc xốp, mềm, đàn hồi giúp giữ chặt mà không gây tổn thương nội tạng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	630
607	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật, cỡ 300 - 400 ml	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật - Chất liệu Polyvinylchlorua (PVC) - Thể tích: 300 - 400ml, có đánh dấu các vạch thể tích - Có van chống trào ngược - Tương thích ống dẫn lưu ra da đầu cong dạng pigtail - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	300
608	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật, cỡ 600 - 700 ml	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật - Chất liệu Polyvinylchlorua (PVC) - Thể tích 600 - 700ml, có đánh dấu các vạch thể tích - Tương thích ống dẫn lưu ra da đầu cong dạng pigtail - Ống nối dẫn lưu có khoá luerlock, dài 80 - 90cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	300
609	Khẩu trang phòng ngừa qua đường không khí	Khẩu trang phòng ngừa qua đường không khí - Hiệu quả lọc 95% với hạt có kích thước ≥ 0.3 micromet, được chứng nhận NIOSH và công khai trên web: https://www.cdc.gov/niosh/npptl/topics/respirators/disp_part/n95list1.html - Thiết kế: nếp gấp chữ V hoặc hình nón và thanh kẹp mũi để dàng điều chỉnh. - Có 02 dây đeo vòng qua đầu	Cái	7.200
610	Que phết tế bào âm đạo	Que phết tế bào âm đạo dùng để lấy tế bào và niêm dịch cổ tử cung, phát hiện sớm ung thư cổ tử cung - Chất liệu: làm bằng gỗ tự nhiên - Kích thước: 180 x 18 x 2 mm ($\pm 5\%$) - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng ISO	Cái	4.000

CÔNG TY.....
 MÃ SỐ THUẾ:
 ĐỊA CHỈ:
 SỐ ĐIỆN THOẠI NHÂN SỰ PHỤ TRÁCH:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo Công văn mời chào giá số/BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		HÀNG HÓA CHÀO GIÁ													Ghi chú
	STT trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Đặc tính kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá có VAT (VND)	Mã HS (HS Code)	
1																Hợp đồng trúng thầu số...ngày... tại Bệnh viện... , giá trúng thầu: ...
2																
			Lưu ý: Thông tin chào giá của hàng hóa phải thống nhất với thông tin hàng hóa đã được BHXH duyệt theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021													

- Báo giá này có hiệu lựctháng kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác của Công ty (nếu có):

Ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký tên và đóng dấu)

